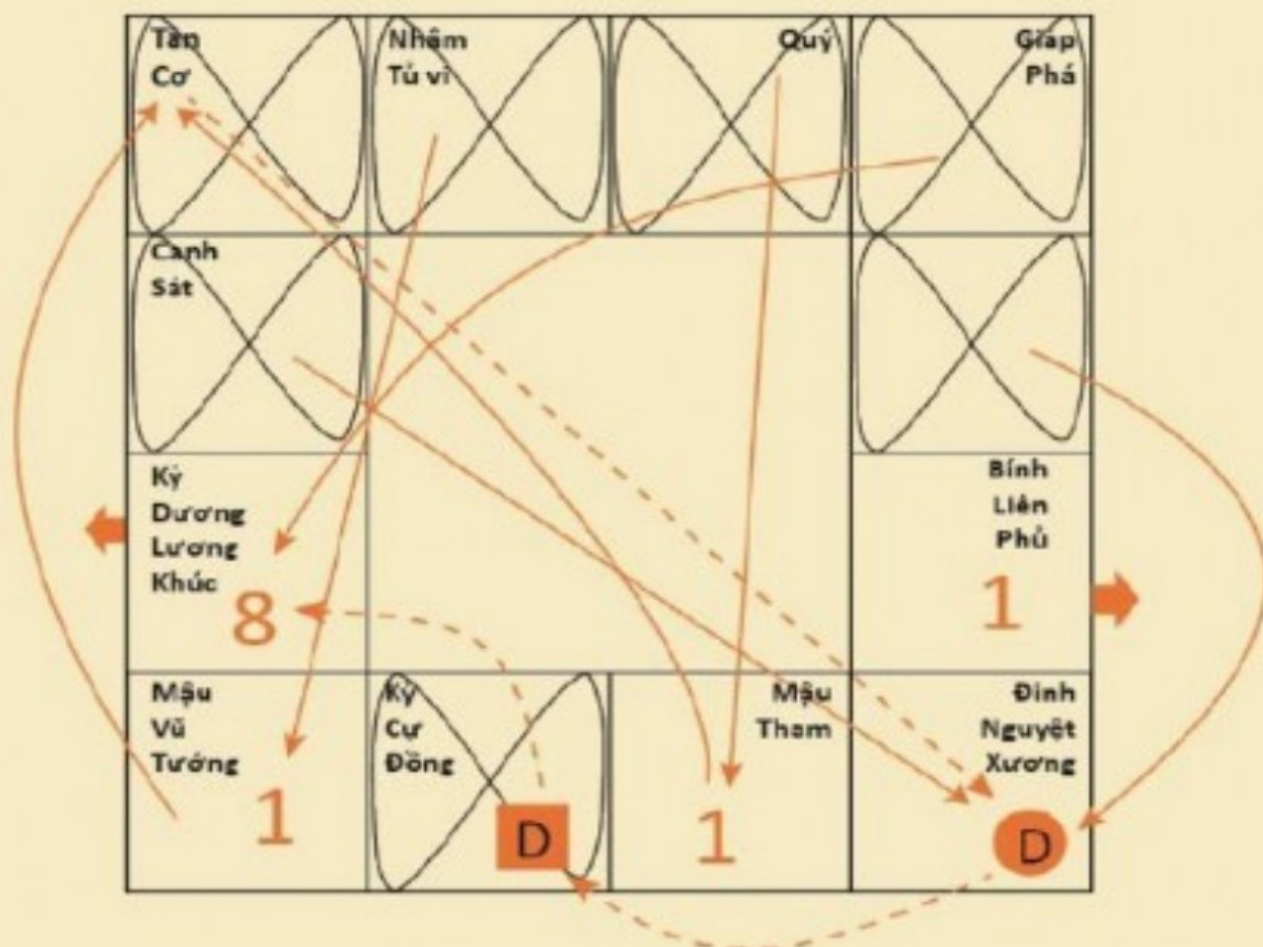


GIÁO TRÌNH PHI TINH LƯỜNG PHÁI

Lưu hành nội bộ



Lời nói đầu

Tử vi tứ hóa là đường thẳng, tử vi phi tinh là đường cong. Nếu như tứ hóa năm sinh là một chiếc xe đang đỗ, thì tứ hóa là chiếc xe đi thẳng còn phi tinh là máy bay. Nếu như tử vi nam phái có cung tý gặp cung ngọ qua tương xung, thì trong tử vi phi tinh các cung gặp nhau bằng phi hóa. Tứ hóa phải vẫn nặng về tương tác của phi hóa với cung, thì phi tinh xét tương tác của phi hóa với phi hóa, tương tác phi hóa với cung chỉ là trường hợp riêng khi chưa cần xét phi hóa của cung đó. Phi hóa như các cánh tay vươn dài của một cung, đại diện cho ảnh hưởng và ý chí của cung đó, và các cung gặp nhau khi phi hóa của chúng gặp nhau ở cùng một cung hoặc gặp nhau ở cùng một trục. Tứ hóa năm sinh thì tĩnh tại là cội nguồn cho mọi tự hóa và phi hóa trên lá số. Tự hóa tuy đã có chuyển động nhưng chuyển động vẫn giới hạn trong một trục. Phi hóa thì đã thoát khỏi sự giới hạn trục và có độ tự do cao nhất. Chính vì phi tinh đã phá vỡ không gian cứng nhắc của địa bàn cho nên luận phi tinh biến ảo khôn lường. Nó giống như hình bóng mỗi quan hệ nhân quả trong đời người mỗi chúng ta. Có đến, và có đi. Có nhiều và có ít. Có thể nhưng cũng nhiều khi không thể.

Phi tinh Lương phái do lão sư Lương Nhược Du học từ lão sư Chu Thanh Hà và phát triển dựa trên nguyên lý Lộc tùy Kỵ tẩu, sử dụng hai đường Chuyển Kỵ làm bảo vật trấn môn. Đường chuyển Kỵ giống như đường ray xe lửa vận chuyển những toa tàu. Đường chuyển Kỵ giống như đường cống ngầm đưa nước sạch cũng như nước thải đi khắp thành phố. Đường chuyển Kỵ kết nối các cung với nhau. Đường chuyển Kỵ tạo ra những nhóm cung tạo ra sự cộng

hưởng của các yếu tố tương tự nhau. Người xem tử vi nhìn thấy mối quan hệ thực sự đang nằm dưới vẻ bề ngoài êm đềm của lá số. Nếu chỉ cung B ra sao. Và nếu tứ hóa năm sinh tọa cung A thì cũng chưa biết cung A phản ứng với tứ hóa năm sinh này ra sao, cho nên cần phải xét chuyển Kỵ. Chuyển Kỵ là tiếng nói của cung nhận phi hóa. Chuyển Kỵ là tiếng nói của địa bàn. Chuyển Kỵ cho biết xu hướng và khuynh hướng chuyển động. Lộ chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ là hai hành trình sướng khổ trong cuộc đời. Nếu đi được một vòng, bạn sẽ quay lại điểm xuất phát ban đầu, nhưng khi đó tầm nhìn của bạn hoàn toàn thay đổi. Cuốn sách này có hai phần: phần đầu như phương pháp nấu ăn, phần hai là thực phẩm nguyên liệu. Hai thứ này cần có thêm bạn để món ăn được hoàn thành.

Kính chúc bạn vui vẻ và giữ vững niềm đam mê lý học trên con đường tiến hóa vĩ đại của nhân loại. Trước giúp được mình, sau giúp được người. Cũng như các cung trong Phi tinh gặp nhau qua phi hóa, chúng ta được gặp nhau qua cuốn sách này. Đó là duyên kỳ ngộ. Cuốn sách này đủ ý, nhưng có thể chưa đủ lời.

Hà Nội, tháng 4 năm 2019

Người viết

Alex Alpha

—ooOoo—

Chương 1. Giới Thiệu Về Hệ Thống Phi Tinh Lương Phái Và Hai Đường Chuyển Kỵ

Hệ thống Tử vi đầu số tứ hóa phi tinh Lương phái do thầy Lương Nhược Du học từ lão sư Chu Thanh Hà. Sau đó thầy Lương Nhược Du truyền cho thầy Trương Thế Hiền. Hiện nay, thầy Trương Thế Hiền là người mở lớp trực tiếp truyền thụ Tứ hóa Phi tinh ở Đài Loan. Như chúng ta đã biết, Tử Vi tam chia Nam Bắc phái. Việt Nam chúng ta thuộc Nam phái với cách xem nặng về tính lý của tinh diệu. Bắc phái tứ hóa phi tinh phổ biến ở Hương Cảng và Đài Loan với quan điểm mệnh lý và thủ pháp rất khác biệt so với Nam phái. Tử vi đầu số Phi tinh do thầy Lương Nhược Du sáng lập và sau này gọi là Lương phái có tinh hoa nằm ở Chuyển Kỵ Pháp, cụ thể là hai đường Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ. Nếu tóm gọn một câu về sự khác nhau của Tứ hóa và Phi tinh thì đó là câu: Tứ hóa là đường thẳng, Phi tinh là đường cong.

Như chúng ta đã biết có ba loại tứ hóa trong tử vi, đó là niên hóa (tứ hóa do can năm sinh tạo ra), tự hóa (tự hóa hướng tâm và li tâm) và phi hóa. Tử vi Nam phái chỉ dùng tứ hóa năm sinh. Còn cách xem của Tứ hóa phái (điển hình là Khâm Thiên Môn) đặt nặng lên Tự hóa hướng tâm và li tâm, đều là đường thẳng. Số lượng các đường tự hóa trên mỗi lá số tử vi là khác nhau. Tương tác giữa chúng cũng không giống nhau. Cùng thêm với tính lý của tinh diệu sẽ tạo ra vô số tượng ý khác nhau và dự đoán cụ thể cũng sẽ khác nhau. Thế nhưng do nguyên tắc của tự hóa, không phải lá số nào

cũng có tự hóa, có lá số có nhiều, có lá số có ít. Nói cách khác, không phải cung nào cũng có đủ Lộc Quyền Khoa Kỵ bởi vì đơn giản là nếu cung đó không có sao nào có khả năng Hóa Kỵ thì cung đó không thể có Hóa Kỵ. Thế nhưng cung nào cũng có can cung, và cung nào cũng có thể phi Hóa Lộc Quyền Khoa Kỵ sang cung khác. Những đường phi hóa đó là những đường cong. Đường thẳng tự hóa chỉ là trường hợp riêng của đường cong phi hóa mà thôi. Tự hóa là cung đó phi hóa lên chính trục của nó. Nếu phi hóa sang đối cung thì đó là tự hóa hướng tâm. Nếu phi hóa về chính cung đó thì chính là tự hóa li tâm. Tự hóa trong phi tinh Lương phái đều coi là hóa xuất mà sau này bạn sẽ được tìm hiểu kỹ hơn.

Lương phái xây dựng trên hai đường Chuyển Kỵ đó là Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ. Ví dụ cung A phi hóa Lộc nhập cung B, cung B phi hóa Kỵ nhập cung C, khi đó Lương phái gọi là A hóa Lộc B và B chuyển Kỵ sang C. Dựa vào hai đường Chuyển Kỵ này Lương phái liên kết các cung trong lá số, từ đó tìm ra mối quan hệ giữa các cung là tốt hay xấu, mức độ tốt xấu là cao hay thấp, kết hợp với tính lý tinh diệu mà rút ra dự đoán chính xác. Sư tổ Chu Thanh Hà của Lương phái cũng như thầy Lương Nhược Du đều là những người nổi tiếng giang hồ mệnh lý về dự đoán chính xác, tỉ mỉ, và quan trọng hơn là nắm rõ được Duyên khởi từ đâu, Duyên diệt khi nào. Hai đường Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ cho biết khuynh hướng và mức độ của sự tình, cho biết dòng chảy Lộc Kỵ này rốt cuộc đi về đâu.

a. Lộc chuyển Kỵ:

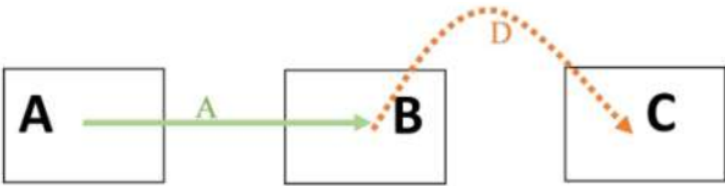
- Cung A hóa Lộc nhập cung B (ta giỏi kiếm tiền)
- Cung B chuyển Kỵ nhập cung C (tiền tích lũy thành gia sản)
- Cung A hóa Lộc nhập cung C thông qua cung B (ta tích lũy được gia sản nhờ giỏi làm ăn)

Ví dụ cung mệnh hóa Lộc nhập cung Tài và cung Tài hóa Kỵ nhập cung Điền, thì khi đó có thể luận là người đó kiếm tiền (Tài Bạch) giỏi, và tích lũy (chuyển Kỵ) được gia sản (Điền trạch). Chuyển Kỵ ở đây tuy bản chất là Hóa Kỵ nhưng không có ý nghĩa giống như Hóa Kỵ. Chuyển Kỵ ở đây là chuyển tiếp Hóa Lộc tại B sang tiếp cung C, cho nên giống như Hóa Lộc do A tạo ra ở B được B chuyển tiếp sang C.

Hóa Lộc như chiếc xe ô tô được A giao cho B, tại B chiếc xe đó được chuyển thành tiền mặt và tiền mặt đó đi tới cung C. Chuyển Kỵ là phản ứng của cung B đối với Hóa Lộc từ cung A chuyển sang. Cung B có can cung B và có bốn khả năng phi hóa hay nói cách khác là bốn loại tâm tình phản ứng với hóa Lộc do cung A tạo ra.

Khi nói cung A hóa Lộc nhập cung B là bất kể tâm tình phản ứng của cung B, không biết cung B phản ứng ra sao. Khi nói cung A hóa Lộc nhập cung B chuyển Kỵ cung C thì kết quả cuối cùng Hóa Lộc tọa tại cung C đã được bao gồm tâm tình của cung B (chính là Chuyển Kỵ).

Nói cách khác, Lộc từ cung A chảy xuyên qua B tới C. Nói cách khác ba cung A B C có mối quan hệ xâu chuỗi đó là Hóa Lộc. Hóa Lộc giống như danh từ, còn khi Chuyển Kỵ đã là động từ. Hóa Lộc giống như tài sản hữu hình, Chuyển Kỵ giống như tiền mặt. Tiền mặt có thể đi khắp các ngân hàng, ô tô chỉ có thể chạy ngoài đường.



b. Kỵ chuyển Kỵ:

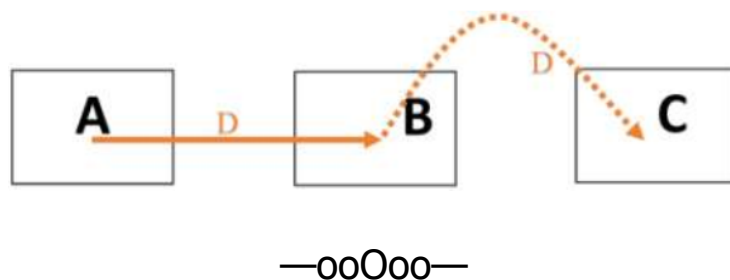
Là khi cung A hóa Kỵ nhập cung B, cung B hóa Kỵ nhập cung C. Khi đó tượng ý sẽ là cung A hóa Kỵ nhập cung B chuyển Kỵ cung C. Tương tự như diễn giải ở trên về Hóa Lộc, ở đây là Hóa Kỵ. Ví dụ cung Mệnh Hóa Kỵ nhập cung Tài và chuyển Kỵ nhập cung Điền, có nghĩa là ta quan tâm đến ý (Hóa Kỵ) kiếm tiền (Tài Bạch) sau đó tích lũy (chuyển Kỵ) vào gia sản (cung Điền Trạch).

Tượng ý có thể phân tích thành như sau:

- Cung A hóa Kỵ nhập cung B (ta ham kiếm tiền)
- Cung B chuyển Kỵ nhập cung C (tiền tích lũy thành gia sản)
- Cung A hóa Kỵ nhập cung C thông qua cung B (ta tích lũy được gia sản nhờ chịu khó kiếm tiền).

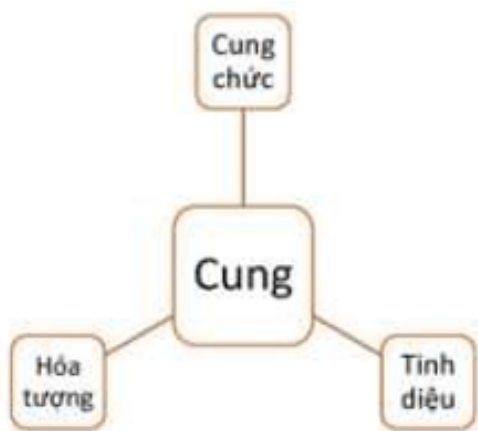
Tượng ý Kỵ chuyển Kỵ này có nghĩa là ba cung A B C (ở đây là Mệnh Tài và Điền) có mối liên hệ với nhau, và mối liên hệ đó là Kỵ.

Tượng ý này cũng là kiếm tiền và tích lũy gia sản, nhưng Kỵ chuyển Kỵ ở đây là câu chuyện kiếm tiền khó nhọc hơn, có được gia sản nhờ cần kiệm tích lũy. Còn Lộc chuyển Kỵ phía trên là ta kiếm tiền rất giỏi và rất dễ, sau đó ta không phung phí mà tích lũy được.



Chương 2. Ba Trụ Cột Của Tứ Hóa Phi Tinh

Ba trụ cột của Tứ hóa phi tinh đó là: Cung chúc, tinh diệu và hóa tượng. Gọi tắt là Cung Tinh và Tượng. Cung có nghĩa là cung tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi cõ định trên lá số. Chúc là chức năng của cung đó. Cung đó có chức năng phụ mẫu phu thê hay tử tức v.v... Giống như người đàn ông có thể vừa là cha đối với con mình, vừa là con đối với cha mình, vừa là chồng đối với vợ mình. Tinh diệu là 18 sao bao gồm 14 chính tinh và 4 sao Tả Phụ Hữu Bật Văn Xương Văn Khúc. Hóa Tượng có nghĩa là Lộc Quyền Khoa Kỵ. Tất cả các phái đều dựa trên ba trụ cột này để diễn hóa suy luận. Thiếu một trụ cột đều không thể luận chính xác. Cho dù bạn học Phi tinh từ thầy nào và theo đại phái nào thì cũng phải nắm vững Cung Tinh và Tượng. Nói như vậy để bạn hình dung ra trọng tâm học tập Tử vi đẩu số Phi tinh là gì. Nói như vậy cũng để bạn hiểu rằng trụ cột chỉ có ba trụ cột mà thôi, đừng quá hoảng sợ khi mới học và đừng hoang mang lo lắng không cần thiết cho các thông tin khác trong khi ba trụ cột này vẫn chưa vững.



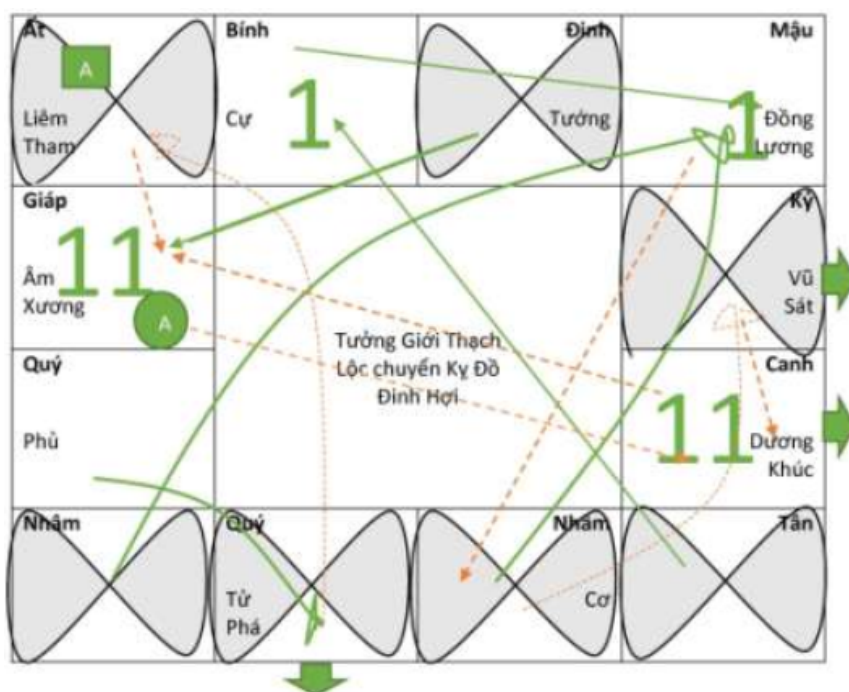
Phi tinh Lương phái xây dựng trên hai Đường Chuyển Kỵ. Đường Chuyển Kỵ cho ta biết mối liên hệ giữa cung và cung. Nói cách khác, nó bao hàm Cung chức và Hóa tượng trong đó. Sau khi nắm vững đường Chuyển Kỵ bạn chỉ cần nắm vững tính lý tinh diệu là bạn hoàn toàn có thể luận đoán tự tin chính xác. Toàn bộ Độc Môn Tâm pháp của Lương phái chỉ nói về đường Chuyển Kỵ này thôi. Nếu bạn có đọc Tứ hóa Khâm Thiên Bí nghị. Cách xem của Khâm Thiên rất coi trọng tự hóa và tính lý tinh diệu. Một tinh diệu được phân tích căn cứ về âm dương về ngũ hành về hóa khí là tài (như Vũ Khúc) hóa khí là ám (như Cự Môn). Thiếu tính lý tinh diệu, Khâm Thiên Bí Nghị dù cao siêu đến đâu cũng không thể luận đoán được tử vi. Và chẳng những Khâm Thiên mà bất cứ phái nào cũng vậy.

Do mối quan hệ giữa cung chức với cung chức bằng hóa tượng (Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ) là có hạn và có quy luật có thể công thức hóa được, cho nên chúng ta cần nắm vững trước. Sau khi đã xét đoán kỹ lưỡng Cung chức và Hóa tượng, chúng ta mới xét đến Tinh diệu. Tính lý của Tinh diệu đa dạng phong phú linh hoạt và không có công thức cố định. Sau khi thành thạo Chuyển Kỵ và Xuyên Liên thủ pháp, việc kết hợp tính lý tinh diệu để luận đoán hoàn toàn do tài năng kinh nghiệm và sự ứng biến của bạn.

—ooOoo—

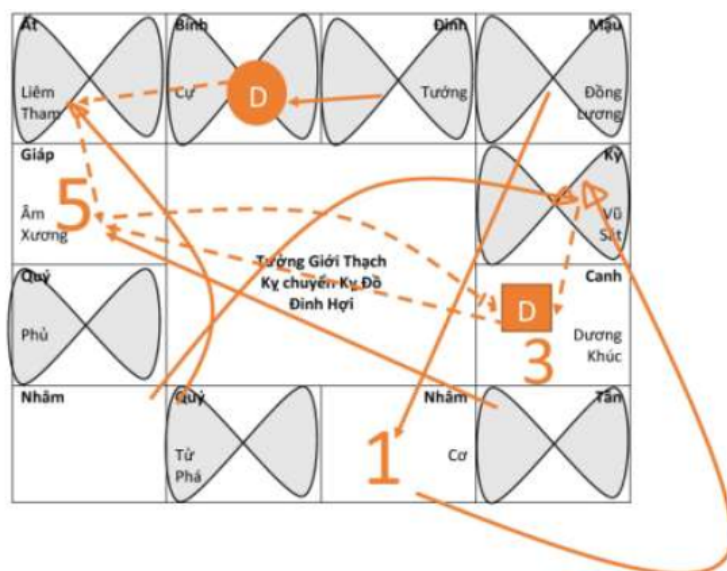
Chương 3. Phương Viên Lộc Kỵ Toàn Đồ

Phương viên Lộc Kỵ toàn đồ cho biết hai dòng chảy Lộc Kỵ trên toàn lá số. Nơi khởi nguồn thường là niên Lộc niên Kỵ mệnh Lộc mệnh Kỵ. Tổng cộng lá số có 13 hóa Lộc và 13 hóa Kỵ bao gồm 1 niên hóa và 12 can cung hóa từng loại. Vì đường Kỵ chuyển Kỵ vừa dùng Kỵ làm hóa vừa dùng Kỵ làm chuyển, mà đường chuyển Kỵ không đếm số Kỵ cho nên tổng các con số Kỵ như trên hình luôn nhỏ hơn 13. Còn đường Lộc chuyển Kỵ luôn bảo toàn tổng số 13 Lộc, vì chuyển Kỵ không ảnh hưởng tới số Lộc. Nếu như bạn áp dụng đúng nguyên tắc Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ thì có kết quả như đồ hình dưới đây.



Số Lộc và Kỵ tại mỗi cung trên lá số cho biết xu hướng Lộc Kỵ đổ về cung đó trong đời người. Những cung đó giống như nước chảy chỗ trũng, hoặc minh đường tự thủy trong phong thủy. Những người có nhiều Lộc hội tụ mệnh là người tự thân tạo dựng và nắm giữ vận mệnh của mình. Nếu cung mệnh lại tạo thành tuần hoàn Kỵ đối xung như lá số Tướng Giới Thạch thì sự cộng hưởng sẽ làm sức mạnh của Lộc tăng lên gấp bội.

Những vĩ nhân mỗi người một mệnh cách, mỗi người có những điểm tụ Lộc tụ Kỵ riêng. Nhưng cơ bản Lộc Kỵ tụ cung nào thì cung đó là cung quan trọng. Người thường đa phần Lộc Kỵ bị phân tán không hội tụ, nếu có hội tụ lại cũng không hội tụ vào cung quan trọng. Ngoài ra cần biết niên hóa là cội nguồn của tự hóa và phi hóa trên toàn lá số. Niên Lộc ở đâu, nguồn lộc ở đó, mỏ vàng ở đó, tổ mạch ở đó. Niên Lộc này được sử dụng ra sao là do tự hóa và phi hóa. Sử dụng hiệu quả hay không hiệu quả làm ở mỗi lá số lại khác nhau, làm nên các mệnh cách phong phú khác nhau của đời người. Người nào mệnh tọa niên Lộc, mệnh di lại cộng hưởng tuần hoàn nhiều Lộc thì người đó vừa nắm giữ nguồn lộc lại vừa nắm giữ Dụng Lộc (tức dòng chảy của Lộc) thì đương nhiên lá số đó phải mạnh. Đó là điều hoàn toàn dễ hiểu. Cũng như người có lá số mà đa số hóa Lộc hội tụ cung phu thê, thì cung thê của người đó là cung quan trọng của lá số. Sức ảnh hưởng của người hôn phối đối với họ là cực kỳ quan trọng. Khi đại vận rơi vào cung phu thê đó, rất nhiều sự kiện quan trọng của đời người diễn ra. Tất cả những chuyển động Lộc Kỵ biến hóa trong các cách cục xuyên liên sau này đều nằm từ Phương Viên Đồ mà ra.



Nắm được Phương Viên Lộc Kỵ toàn đồ là nắm được toàn bộ kinh mạch trọng yếu của lá số. Lá số nam phái chúng ta lập nên cho biết bốn ngọn núi vĩ đại Lộc Quyền Khoa Kỵ, nhưng đó mới là bắt đầu câu chuyện. Từ các tổ mạch khởi nguyên này (ngoại trừ Hóa Khoa) các dòng chảy năng lượng sẽ đi khắp lá số và đi về đâu mới nói lên phần giữa và đoạn kết của câu chuyện. Và theo quy luật, vì cung tọa niên Lộc là nơi khởi nguồn cho nên dòng chảy ít khi quay lại cung có niên Lộc, dòng nước ít khi chảy ngược lên cao nguyên. Nhưng một khi đã quay lại cung có niên Lộc, nhất định sẽ tuần hoàn, bởi vì niên Lộc đương nhiên chuyển Kỵ đi tiếp. Nếu dòng Lộc chuyển Kỵ quay lại cung có niên Lộc đó là kỳ tích hồi quy thái cực. Trăm sông đổ về biển, hơi nước tạo mây lại bay về thượng nguồn hóa mưa rơi xuống, tượng ý tốt đẹp sinh sôi trường tồn. Sự chuyển động tuần hoàn là vẻ đẹp của phi tinh Lương phái. Vì Lộc hay Quyền hay Kỵ đều dựa trên đường chuyển Kỵ mà đi, cho nên đường Kỵ chuyển Kỵ là tối quan trọng và là thủ pháp khai tâm của Lương phái. Vì Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ cùng chung đường chuyển Kỵ cho nên hai đường này có những điểm chung nhất định. Lá số tốt có sự phối hợp hài hòa của hai đường chuyển này. Nếu nhiều Lộc mà không có Kỵ, tuy tốt đẹp nhưng không được lâu bền do thiếu thực tế nhẫn nại. Nếu nhiều Kỵ mà không có Lộc, thì tuy rất thực tế nhẫn nại nhưng vất vả cả đời, cuối đời may ra mới được ngẩng đầu. Yếu

lĩnh này các bạn cần nắm vững trong suốt quá trình học tập phi tinh, vì cần có đủ âm dương, âm dương lại cần phối hợp hài hòa.

Cô dương và độ âm đều không có kết quả tốt đẹp, chớ lầm tưởng nhiều Lộc đã là tốt.

Bảng thiên can tứ hóa

Phi tinh Lương phái sử dụng bảng tứ hóa phi tinh giống như sách Tử vi Đẩu số Tân biên của Vân Đăng Thái Thứ Lang. Giáo trình này được biên soạn theo quan điểm cá nhân của người viết, đó là với can Canh Thái Dương hóa Lộc Vũ Khúc hóa Quyền Thiên Đồng hóa Khoa và Thái Âm hóa Kỵ. Bạn đọc lưu ý sự khác biệt và bạn đọc có thể tự áp dụng theo các tính tứ hóa của riêng mình.

Can	LỘC	QUYỀN	KHOA	KỶ
Giáp	LIÊM	PHÁ	VŨ	DƯƠNG
Ất	CƠ	LƯƠNG	VI	ÂM
Bính	ĐỒNG	CƠ	XƯƠNG	LIÊM
Đinh	ÂM	ĐỒNG	CƠ	CỰ
Mậu	THAM	ÂM	BẬT	CƠ
Kỷ	VŨ	THAM	LƯƠNG	KHÚC
Canh	DƯƠNG	VŨ	ÂM	ĐỒNG
Tân	CỰ	DƯƠNG	KHÚC	XƯƠNG
Nhâm	LƯƠNG	VI	PHỦ	VŨ
Quý	PHÁ	CỰ	ÂM	THAM

—ooOoo—

Chương 4. Kỵ Chuyển Kỵ

Đường Kỵ chuyển Kỵ cho biết sự kết nối các cung chức bằng mỗi quan hệ kiểu Kỵ. Thông thường mỗi quan hệ này thường được coi là xấu. Số lượng Kỵ xuyên liên (kết nối) các cung thể hiện mức độ xấu và bất ổn của mỗi quan hệ này. Trước hết chúng ta cần nắm vững nguyên tắc Kỵ chuyển Kỵ và nguyên tắc dừng Kỵ chuyển Kỵ. Kỵ chuyển Kỵ xảy ra khi năng lượng Kỵ tràn đầy. Năng lượng Kỵ đó của năm sinh, của mệnh cung, và của số đông (trường hợp Truy Kỵ).

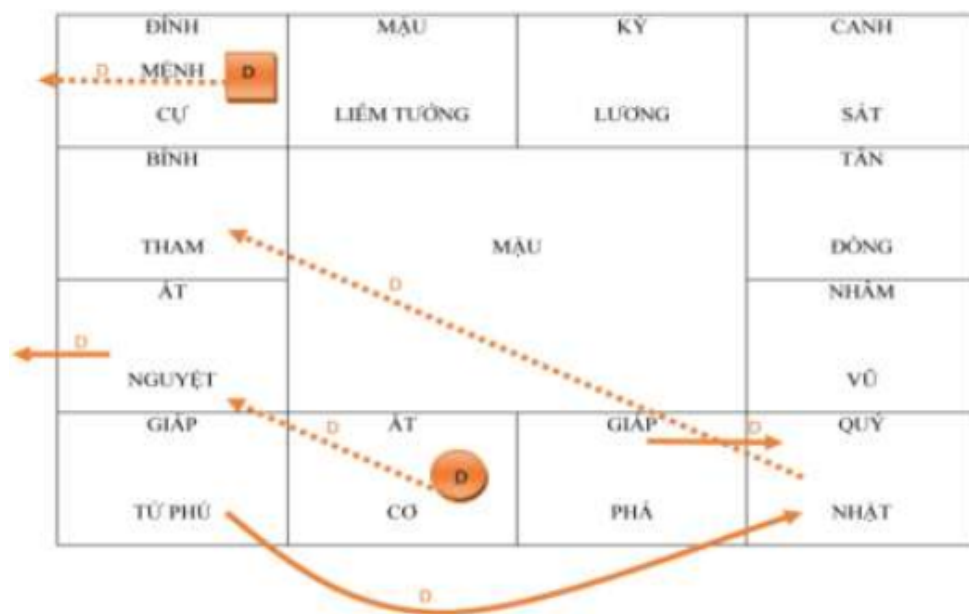
Truy Kỵ là trường hợp có cung phi Hóa Kỵ đuổi theo và gặp nhóm cung ta đang xét. Ví dụ ta đang xét nhóm cung A B C trong đó cung A hóa Kỵ nhập cung B và cung B chuyển Kỵ nhập cung C, thì có một cung D nào đó hóa Kỵ nhập cung C. Khi đó là cung D Truy Kỵ tới cung C, và cung C có thể tiếp tục chuyển Kỵ sang một cung khác. Truy Kỵ chỉ cần đồng cung là cung C (cung vừa nhận chuyển Kỵ từ cung B). Nhưng Truy Lộc Truy Quyền từ cung D tới cung C cần cùng tinh diệu với tinh diệu vừa nhận chuyển Kỵ tại cung C thì mới có thể tiếp tục chuyển Kỵ.

Nguyên tắc Kỵ chuyển Kỵ như sau:

- Hóa Kỵ năm sinh đương nhiên chuyển Kỵ
- Hóa Kỵ cung mệnh đương nhiên chuyển Kỵ
- Truy Kỵ (không cần cùng tinh diệu) đương nhiên chuyển Kỵ

Hóa Kỵ năm sinh là quyền của thái tuế đương nhiên tiếp tục chuyển Kỵ. Ví dụ Hóa Kỵ năm sinh tọa cung A can Bính, như vậy

Hóa Kỵ nằm sinh tiếp tục chuyển Kỵ đến cung có sao Liêm Trinh (Bính hóa Kỵ tại Liêm Trinh). Tương tự như vậy mệnh Kỵ (hóa Kỵ xuất từ cung an mệnh) là quyền của Chủ quyền của Cục (tức cung Mệnh là lập cục của toàn lá số, cung Mệnh là lí do 11 cung chức còn lại tồn tại), cho nên mệnh Kỵ đương nhiên chuyển Kỵ. Truy Kỵ là trường hợp hai cung cùng hóa Kỵ vào một cung, cung đó nhận năng lượng Hóa Kỵ từ hai cung nên tràn đầy và sẽ tiếp tục chuyển Kỵ tới cung khác. Giống như hai cốc nước cùng đổ vào một cốc khác có cùng dung tích thì đương nhiên sẽ tràn nước ra ngoài.



Nguyên tắc dừng Ky chuyển Ky như sau:

- Cung vừa được chuyển Kỵ lại tự hóa Kỵ xuất
- Chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luẩn quẩn
- Không có cung Truy Kỵ.

Chuyển Kỵ dừng lại khi không thể tiếp tục chuyển nữa. Cung tự Hóa Kỵ xuất là cung đó tự phi Kỵ vào chính nó đương nhiên đứng im tại chỗ. Chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luẩn quẩn ví dụ cung A chuyển Kỵ sang B, cung B lại chuyển Kỵ về A, có chuyển nữa cũng trong vòng lặp đó mãi mãi không ra khỏi. Không có cung Truy Kỵ là trường hợp dừng chuyển Kỵ khi hết năng lượng. Tại cung vừa được

chuyển Ky tới không có năng lượng để đi tiếp thì đương nhiên dừng chuyển Ky.

—ooOoo—

Chương 5. Lộc Chuyển Kỵ

Đường Lộc chuyển Kỵ cho biết sự kết nối các cung chức bằng mỗi quan hệ kiểu Lộc. Thông thường mỗi quan hệ này thường được coi là tốt. Số lượng Lộc xuyên liên (kết nối) các cung thể hiện mức độ tốt của mỗi quan hệ này. Trước hết chúng ta cần nắm vững nguyên tắc Lộc chuyển Kỵ và nguyên tắc dừng Lộc chuyển Kỵ. Lộc chuyển Kỵ xảy ra khi năng lượng Lộc tràn đầy. Năng lượng Lộc đó của năm sinh, của mệnh cung, của Tự hóa Lộc và của số đông (trường hợp Truy Lộc cùng tinh diệu).

Nguyên tắc Lộc chuyển Kỵ như sau:

- Hóa Lộc năm sinh đương nhiên chuyển Kỵ
- Hóa Lộc cung mệnh đương nhiên chuyển Kỵ
- Tự hóa Lộc đương nhiên chuyển Kỵ
- Truy Lộc (nhất thiết phải cùng tinh diệu) đương nhiên chuyển Kỵ

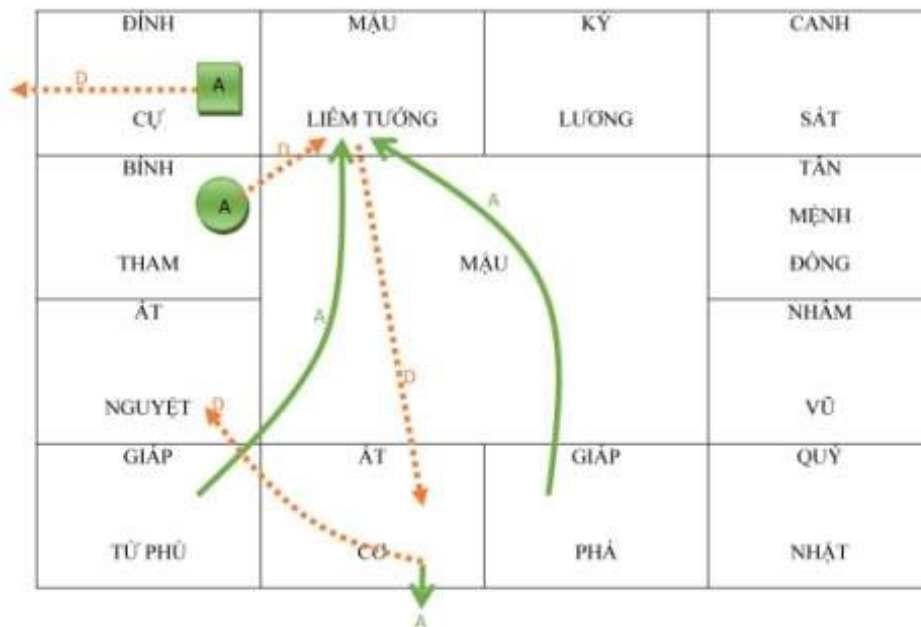
Hóa Lộc năm sinh là quyền của thái tuế đương nhiên tiếp tục chuyển Kỵ. Ví dụ Hóa Lộc năm sinh tọa cung A can Bính, như vậy Hóa Lộc năm sinh tiếp tục chuyển Kỵ đến cung có sao Liêm Trinh (Bính hóa Kỵ tại Liêm Trinh). Tương tự như vậy mệnh Lộc (hóa Lộc xuất từ cung an mệnh) là quyền của Chủ (tức cung Mệnh là lập cực (Chủ) của toàn lá số, cung Mệnh là lí do 11 cung chức còn lại tồn tại), cho nên mệnh Lộc đương nhiên chuyển Kỵ. Tự Hóa Lộc là cung đó tự phi Lộc về chính nó, Hóa Lộc này là phi Lộc đặc biệt và được coi như nguồn Lộc hiện hữu. Nếu niên Lộc là kho tiền quốc gia thì Tự hóa Lộc có thể coi là kho tiền địa phương. Truy Lộc là trường hợp

hai cung cùng hóa Lộc vào một tinh diệu, tinh diệu đó nhận năng lượng Hóa Lộc từ hai cung nên tràn đầy và sẽ tiếp tục chuyển Kỵ tới cung khác. Giống như hai cốc nước cùng đổ vào một cốc khác có cùng dung tích thì đương nhiên sẽ tràn nước ra ngoài. Chuyển Kỵ ở đây là dòng chảy là hướng đi của Hóa Lộc.

Nguyên tắc dừng Lộ chuyển Kỵ như sau:

- Cung vừa được chuyển Kỵ lại tự hóa Kỵ xuất
- Lộc chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luẩn quẩn
- Không có cung Truy Lộc cùng tinh diệu

Lộc chuyển Kỵ dừng lại khi không thể tiếp tục chuyển nữa. Cung tự Hóa Kỵ xuất là cung đó tự phi Kỵ vào chính nó đương nhiên đứng im tại chỗ. Chuyển Kỵ tạo thành vòng lặp luẩn quẩn ví dụ cung A chuyển Kỵ sang B, cung B lại chuyển Kỵ về A, có chuyển nữa thì Lộc cũng trong vòng lặp đó mãi mãi không ra khỏi. Không có cung Truy Lộc cùng tinh diệu là trường hợp dừng chuyển Kỵ khi hết năng lượng. Tại cung vừa được Lộc chuyển Kỵ tới không có năng lượng để đi tiếp thì đương nhiên dừng chuyển Kỵ. Khác với Truy Kỵ, Truy Lộc nhất định phải cùng tinh diệu mới có thể tiếp tục chuyển Kỵ.



—ooOoo—

Chương 6. Quyền Chuyển Kỵ Và Khoa Chuyển Kỵ

Có Kỵ chuyển Kỵ, có Lộc chuyển Kỵ thì cũng có Quyền chuyển Kỵ. Nhưng Quyền không thể độc lập chuyển Kỵ mà Quyền phải bám theo đường Lộc chuyển Kỵ mà đi. Cho nên nếu gọi chính xác là Truy Quyền chuyển Kỵ chứ không có Quyền chuyển Kỵ độc lập. Nói cách khác, sau khi xây dựng đường Lộc chuyển Kỵ xong thì xét tất cả Truy Quyền đi cùng thì đó là đường Quyền chuyển Kỵ. Khi mới học thì chỉ cần xét hai đường Kỵ chuyển Kỵ và Lộc chuyển Kỵ là đủ. Đường Quyền chuyển Kỵ làm rõ nét hơn cho đường Lộc chuyển Kỵ mà thôi. Quyền và Khoa trong tứ hóa tượng đứng hàng nhân, trong khi Lộc đứng hàng thiên còn Kỵ đứng hàng địa.

Lộc Kỵ có tư cách quyết định đại cục, khi đại cục đã định thì Quyền và Khoa là lực lượng củng cố. Nói cách khác Lộc Kỵ quyết định chất, còn Quyền Khoa quyết định lượng. Lộc Kỵ cho biết đẹp hay xấu, Quyền Khoa sẽ cho biết nhiều hay ít, đẹp nhiều hay đẹp ít, xấu nhiều hay xấu ít. Xét về tính cách con người thì Quyền cho biết nghị lực vươn lên, Khoa cho biết lý trí sáng suốt. Nếu nhiều Lộc thì tuy may mắn lạc quan nhưng phù phiếm không bền, cần có Quyền củng cố mới kiên định tiến hành và phát triển vượt qua sóng gió khó khăn. Lộc Quyền chủ khởi phát và lớn mạnh, nhưng Quyền không phải khởi nguyên cho nên phải bám theo đường Lộc chuyển Kỵ mà đi. Khoa Kỵ chủ thể thu tàng, cho nên không có đường Khoa chuyển Kỵ.

Chương 7. Xuyên Liên Thể Dụng

Bất cứ cung nào cũng có khả năng phát động phi hóa, nhưng không phải lúc nào cũng có quyền phát động phi hóa. Giống như cá nhân chúng ta trong biển người đều có thể phát ngôn, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng nắm được micro phát ngôn cho cả biển người nghe. Quyền phát ngôn đó thuộc về Thái Tuế, quyền phát ngôn đó thuộc về Mệnh cung, và quyền phát ngôn đó thuộc về những cung được lựa chọn làm Thể Dụng. Đại vận và lưu niên thái tuế nắm thời lệnh, cho nên cũng có quyền phát ngôn, và khi người nắm lệnh phát ngôn, không ai có thể ngó lơ. Bất cứ cung nào cũng có thể được lựa chọn làm Thể Dụng, giống như phép chọn dụng thần của bốc dịch, cho nên bạn cần hiểu Thể Dụng là linh hoạt. Những công thức Thể Dụng giới thiệu trong sách này là cơ bản, và bạn hoàn toàn có thể lựa chọn bộ Thể Dụng của riêng mình nếu thấy đúng và hợp lý.

Đầu tiên cần nắm vững cung Thể và cung Dụng là gì. Cung Thể là một cung hoặc nhiều cung trực tiếp cho biết vấn đề ta cần xét, ví dụ xét gia đạo thì cung Điền là cung Thể. Cung Dụng là những cung có liên quan trực tiếp tới vấn đề ta xét. Ví dụ cung mệnh cung phúc cung di là ba cung liên quan trực tiếp tới vấn đề gia đạo ta xét. Cho nên những cung có tính chất giống nhau được dùng là nhóm cung có cùng chức năng, chức năng Thể hoặc Dụng. Việc phân thể dụng cũng như phân ra âm dương, như phân ra tay trái và tay phải, hai tay vỗ vào nhau mới thành tiếng. Khi thể va chạm tương tác với dụng thì mới xảy ra sự kiện. Cảnh sát gặp tội phạm mới xảy ra sự kiện bắt bố giam cầm nghiêm trọng. Cảnh sát gặp cảnh sát là cùng

phe, không xảy ra sự kiện bắt bớ giam cầm. Sau này khi xem vận, bạn phải đặc biệt lưu ý điều này. Như xem tính cách, cần xuyên liên ba cung là mệnh phúc và tật. Ba cung này là một phe, cho dù coi đó là Thể hay Dụng. Bởi vì ba cung này có mối quan hệ nhất lục cộng tông. Mệnh là 1 thì tật là 6, tật là 1 thì phúc là 6. Cho nên ba cung này cùng tông, có thể xếp chung với nhau. Khi đó Tật và Phúc làm rõ nghĩa cho mệnh. Và xuyên liên ba cung để đoán định đương nhiên đầy đủ và chính xác hơn chỉ xem một cung bất kỳ trong ba cung đó. Giống như ta có ba góc nhìn về một vật thể, ta có ba thông tin về một sự kiện, đương nhiên sự xét đoán sẽ đầy đủ và chính xác hơn.

Ta hiểu ở đây có thể tìm mối liên hệ giữa các cung Thể, coi nó là nhóm cung Thể. Hoặc có thể tìm mối liên hệ giữa các cung Dụng, coi nó là nhóm cung Dụng. Nhưng các nhóm đó chưa tạo ra sự kiện. Sự kiện được xảy ra khi có sự va chạm tương tác giữa cung Thể và cung Dụng. Xuyên liên Thể Dụng là đi tìm mối liên hệ giữa cung Thể và cung Dụng bằng hai đường Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ. Nếu có nhiều cung Thể, hoặc nhiều cung Dụng, ta vẫn cứ xét tương tác đôi một giữa hai cung Thể Dụng. Sau đó kết nối tất cả các tương tác đôi một nói trên thành bức tranh chung để đánh giá.

Số lượng Lộc hay Kỵ trong xuyên liên thể dụng cho ta biết cường độ tốt xấu của các liên kết đó.

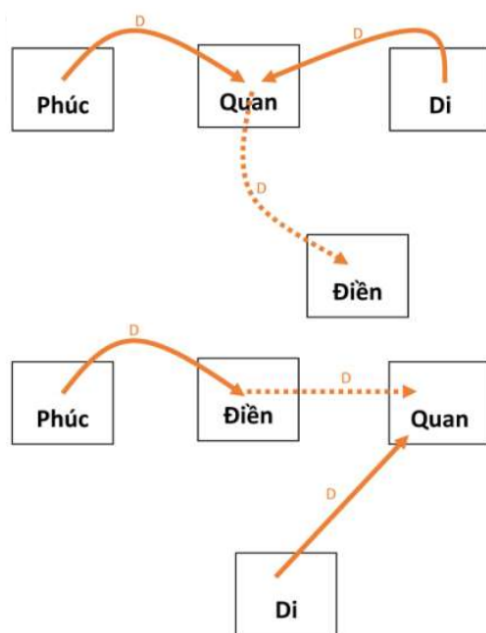
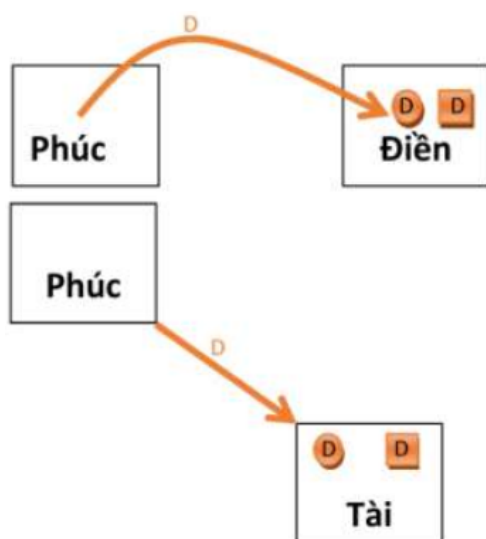
Xuyên liên thể dụng cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Dụng quy về Thể
- Dụng bất ly Thể
- Dụng xung phá Thể

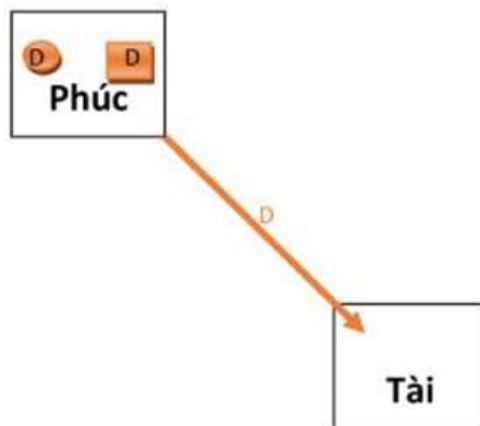
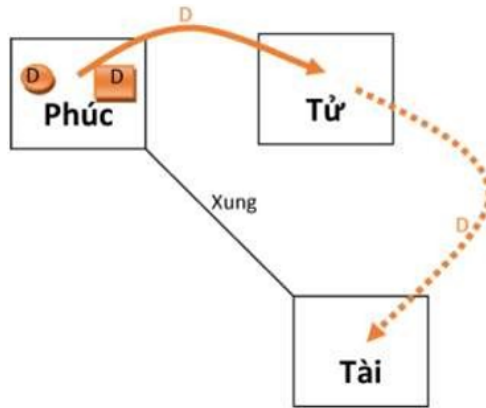
Nói tóm lại làm sao cho Dụng gặp được Thể. Trong nam phái ta có cung tý xung cung ngọ, khi đó cung tý gặp cung ngọ bằng mối quan hệ tương xung. Tương tự như vậy cung tý gặp cung sửu bằng mối quan hệ nhị hợp. Cung tý gặp cung thìn bằng mối quan hệ tam hợp. Nhưng trong tứ hóa phi tinh, các cung có thể gặp nhau bằng Lộc hoặc Kỵ. Ví dụ một cung A hóa Kỵ nhập cung B là cung A gặp cung B bằng mối quan hệ Kỵ. Cung A hóa Kỵ nhập cung B sau đó

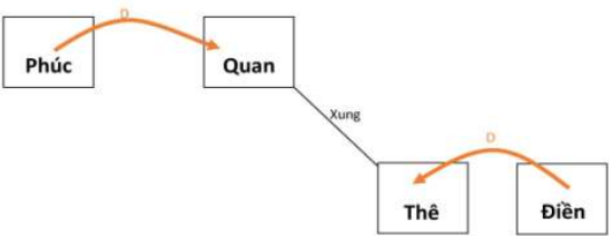
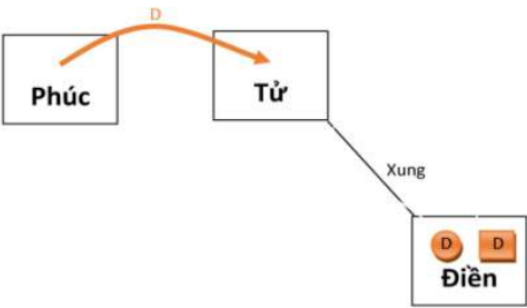
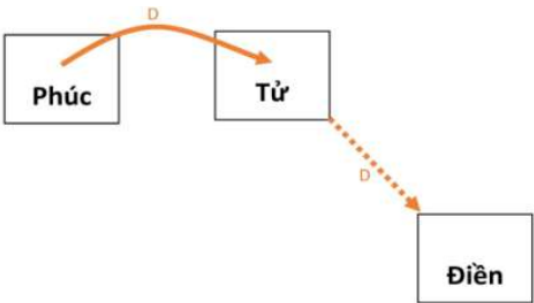
chuyển Kỵ sang cung C là cung A gặp cung C bằng mối quan hệ Kỵ. Cung A hóa Kỵ nhập cung B, cung C cũng hóa Kỵ nhập cung B, khi đó cung A gặp cung C tại cung B bằng mối quan hệ Kỵ. Cứ như vậy cung Dụng có các cách gặp cung Thể nhìn qua công cụ Kỵ sẽ có những trường hợp như sau (xem ví dụ cụ thể trên hình vẽ tương ứng):

Đồng cung tương bách (bách trong từ bức bách nghĩa là chèn ép nhau).

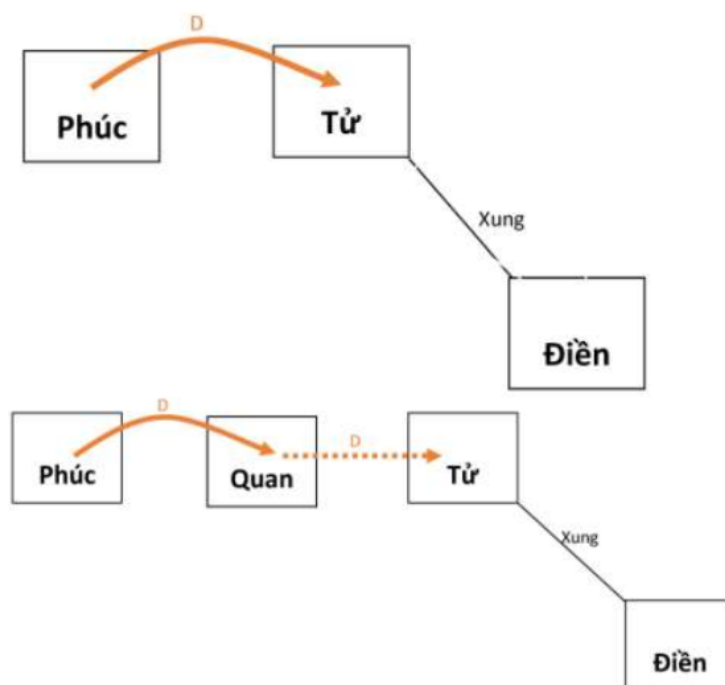


Lưỡng đầu kiến Kỵ (hai cung xung nhau đều có Kỵ).





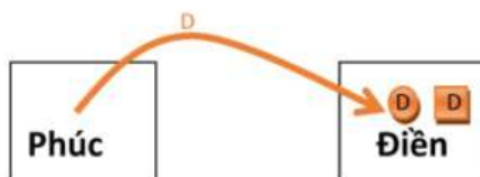
Kỵ xung phá Thể (Kỵ của cung Dụng tới đối cung với cung Thể).



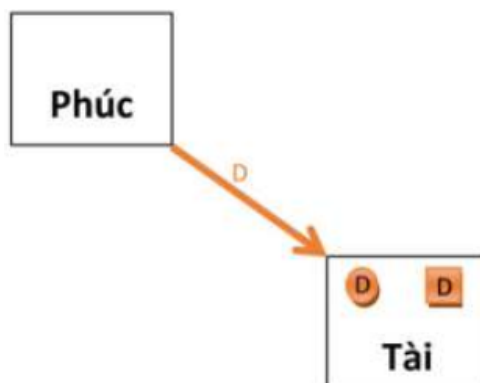
Sau khi xuyên liên được cung Dụng và cung Thể bằng Kỵ hoặc Lộc, cần đếm số lượng Kỵ hoặc Lộc trong xuyên liên này. Có bao nhiêu Kỵ, có bao nhiêu Lộc đi xuyên qua các cung này. Số lượng Kỵ hay Lộc thể hiện cường độ xấu tốt của xuyên liên.

Ví dụ về đồng cung tương bách:

A. Cung phúc phi Kỵ nhập cung điền, cung điền vốn đã có niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ, khi đó phi Kỵ của cung phúc gặp niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ tại điền và gọi là đồng cung tương bách xuyên liên hay nói cách khác phúc và điền kết nối với nhau theo cách đồng cung tương bách. Khi đó tổng số Kỵ tính tại cung điền là: 1 phi Kỵ từ phúc + 1 niên Kỵ (hoặc 1 mệnh Kỵ) tọa điền = 2 Kỵ.

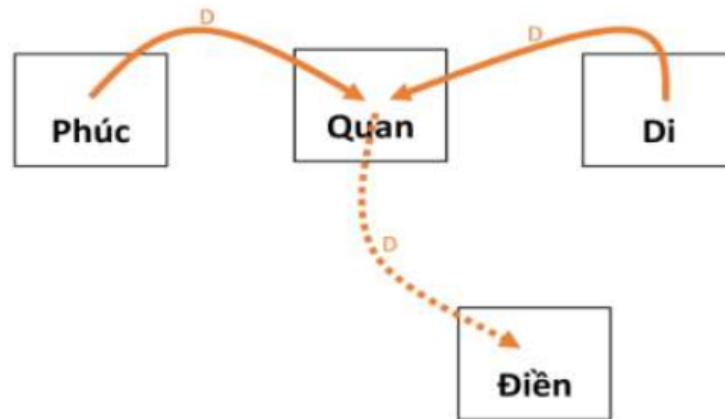


B. Cung phúc lưu xuất Kỵ nhập đối cung là cung tài. Cung tài vốn đã có niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ. Khi đó lưu xuất Kỵ từ phúc gặp niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ tại điền và gọi là đồng cung tương bách xuyên liên. Tổng số Kỵ ở trực phúc tài là: 1 lưu xuất Kỵ + 1 niên Kỵ (hoặc mệnh Kỵ) = 2 Kỵ. Lưu xuất Kỵ được tính gộp vào tổng số Kỵ của trực. Số Kỵ của trực phúc tài là 2 Kỵ, có nghĩa là tại phúc coi như có 2 Kỵ ảnh hưởng, tại tài cũng có 2 Kỵ ảnh hưởng. Đó là đặc trưng tương hổ hai đầu của trực.

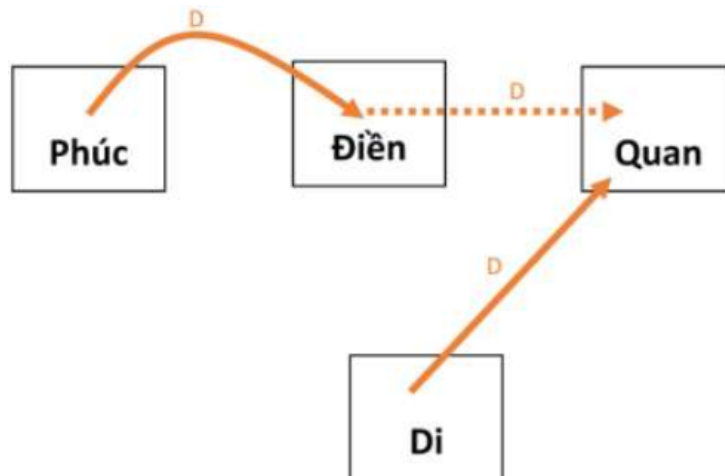


C. Cung phúc phi Kỵ nhập quan, cung di phi Kỵ nhập quan là phúc di đồng cung tương bách tại quan. Phi hóa Kỵ đương nhiên

chuyển Kỵ khi phúc và di có quyền của cung thể hoặc dụng. Cung quan hiệp 2 Kỵ chuyển sang Điền. Cho nên bốn cung phúc di quan điền xuyên liên với nhau với số Kỵ chạy trong mạch xuyên liên này là 2 Kỵ. Đường chuyển Kỵ không tính vào số Kỵ.

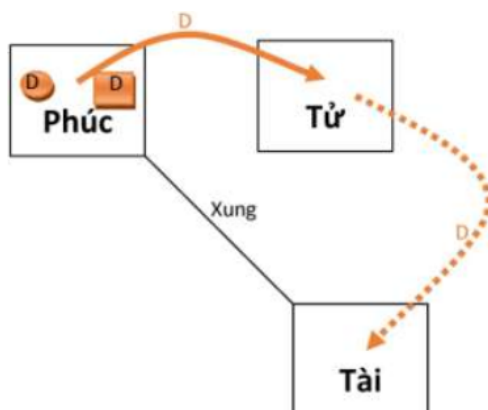


D. Cung phúc phi Kỵ nhập điền rồi chuyển Kỵ sang quan. Cung di phi Kỵ nhập quan. Cho nên phúc di đồng cung tương bách tại quan. Toàn bộ bốn cung phúc điền quan di xuyên liên hợp trình 2 Kỵ.

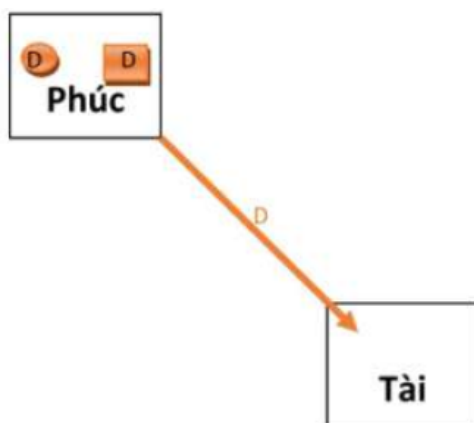


Ví dụ về lưỡng đầu kiến Kỵ:

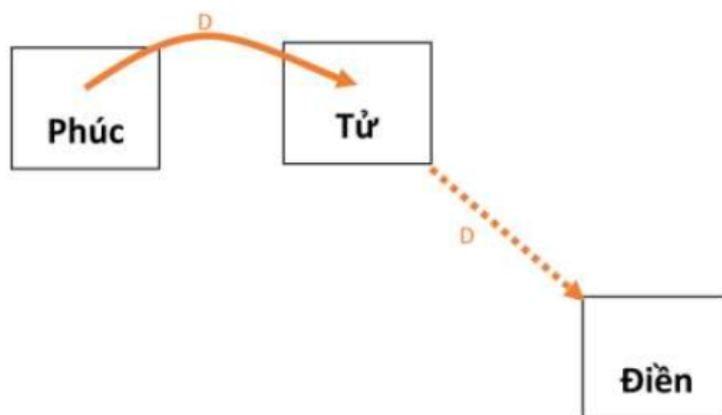
Cung phúc phi Kỵ nhập tử rồi chuyển Kỵ nhập tài. Tại cung phúc vốn tọa niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ. Như vậy hai đầu của trục phúc tài đều có Kỵ. Kỵ tại Tài do cung phúc phi Kỵ chuyển Kỵ sang. Kỵ tại phúc là niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ. Hai thế lực Kỵ này tại hai đầu một trục và xung nhau cho nên gọi là lưỡng đầu kiến Kỵ. Tổng số Kỵ tại trục phúc tài lúc này là 1 Kỵ tại tài + 1 niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ = 2 Kỵ. 2 Kỵ này cộng hưởng gây ảnh hưởng tới cả hai đầu trục phúc tài, và coi như cung phúc có 2 Kỵ, cung tài cũng có 2 Kỵ.



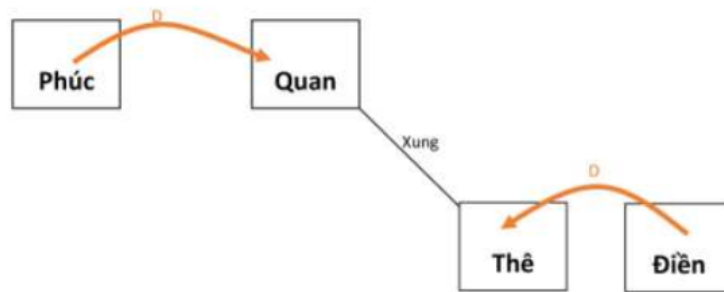
Cung phúc lưu xuất Kỵ nhập đối cung là cung tài. Tại cung phúc vốn có niên Kỵ, hoặc mệnh Kỵ. Như vậy Kỵ tại tài do cung phúc lưu xuất sang cùng với niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ tại phúc tạo thành thế lưỡng đầu kiến Kỵ. Tổng số Kỵ trục phúc tài lúc này là 1 lưu xuất Kỵ + 1 niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ = 2 Kỵ.



Cung phúc phi Kỵ nhập tử nữ, cung tử nữ lưu xuất Kỵ nhập đối cung là cung điền. Khi đó trực tử điền hình thành thể lưỡng đầu kiến Kỵ, 1 Kỵ tại tử do cung phúc phi hóa sang. 1 Kỵ tại điền do cung tử nữ lưu xuất Kỵ sang. Tổng số Kỵ ở trực tử điền là 1 Kỵ tại tử + 1 Kỵ tại điền = 2 Kỵ. Nhưng 2 Kỵ này trong một trực nên ảnh hưởng tới cả hai đầu trực, coi như 2 Kỵ ảnh hưởng tử và 2 Kỵ ảnh hưởng điền.

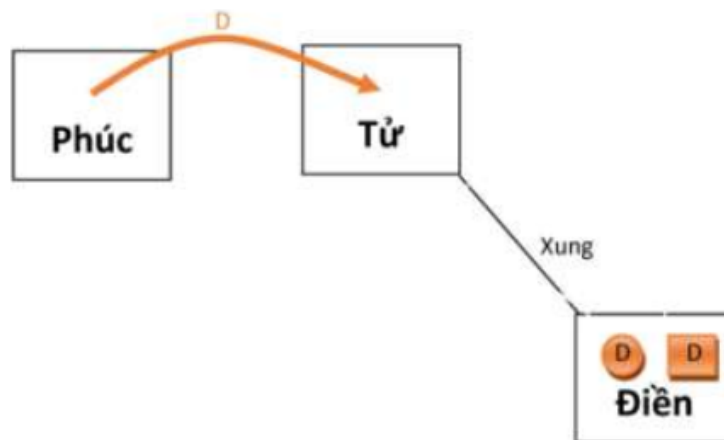


Cung phúc phi Kỵ nhập quan, cung điền phi hóa Kỵ nhập Thê. Trực quan thê hình thành thể lưỡng đầu kiến Kỵ. Bốn cung phúc quan thê điền xuyên liên với nhau và hợp trình 2 Kỵ.



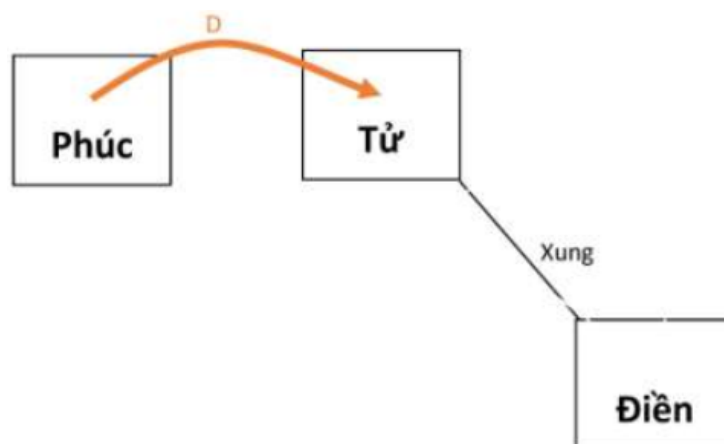
Lưu ý rằng nếu phúc phi Kỵ nhập tử, mà tử không lưu xuất Kỵ sang điền, điền không lưu xuất Kỵ sang tử, đồng thời cung điền tự hóa Kỵ, thì đây cũng là thế lưỡng đầu kiến Kỵ. Tổng số Kỵ tại trực tử điền khi đó là 1 Kỵ, bởi vì tự hóa Kỵ không được tính vào tổng số Kỵ của trực.

Phúc phi Kỵ nhập Tử, cung điền vốn có niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ. Trực tử điền hình thành lưỡng đầu kiến Kỵ. Tổng số Kỵ trên trực tử điền trường hợp này là 2 Kỵ.

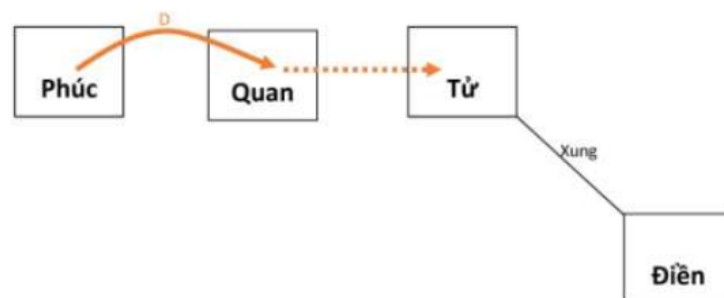


Ví dụ về Kỵ xung phá Thể (Kỵ của cung dụng tới đôi cung với cung Thể).

Cung phúc phi Kỵ nhập tử nữ cung Điền trạch, hình thành thể Dụng xung phá Thể. Trục tử điền hợp trình có 1 Kỵ.



Cung phúc phi Hóa Kỵ nhập quan chuyển Kỵ nhập Tử nữ xung điền trạch hình thành thể dụng xung phá thể. Trục tử điền hợp trình 1 Kỵ.



Cách đếm số lượng Kỵ trong xuyên liên (cách đếm số lượng Lộc là tương tự):

Số lượng Kỵ trong một trục được tính bằng cộng gộp hai đầu, ví dụ đầu tý có 3 Kỵ, đầu ngọ có 2 Kỵ thì coi như trục tý ngọ có 5 Kỵ, và coi như đầu tý có 5 Kỵ và đầu Kỵ cũng có 5 Kỵ. Ta hiểu là Kỵ ở bất cứ đầu nào trong trục cũng có thể ảnh hưởng trong toàn trục.

Không tính Tự hóa Kỵ xuất vào số lượng Kỵ trong xuyên liên, nhưng khi luận thì lưu ý luận tượng Kỵ xuất. Tượng Kỵ xuất là gì thì xem cụ thể trong phần Kỵ xuất.

Lưu xuất Kỵ trong các trục được cộng vào số lượng Kỵ trong xuyên liên. Ví dụ cung tý tọa 3 Kỵ và cung ngọ tọa 2 Kỵ. Trong khi đó cung tý lưu xuất Kỵ tới cung ngọ, như cung giáp tý mà cung ngọ có sao

Thái Dương thì tý lưu xuất Kỵ sang ngọ. Khi đó trục tý ngọ có tổng cộng $2+3+1=6$ Kỵ.

Không tính số Kỵ bị trùng lặp Hóa Kỵ và chuyển Kỵ. Ví dụ cung Điền hóa Kỵ nhập cung Phúc, cung Phúc hóa Kỵ nhập cung Di. Khi xem gia đạo hưng suy, cung Điền cung Phúc đều là những cung có quyền phát động Hóa Kỵ. Thế nhưng ở đây có sự trùng lặp Hóa Kỵ từ Phúc sang Di và Chuyển Kỵ từ Phúc sang Di, cho nên cả chuỗi Điền-Phúc-Di chỉ tính có 1 Kỵ chứ không phải 2 Kỵ.

Theo như cách tính số lượng Kỵ trong xuyên liên trên đây, thì nếu trong quá trình xuyên liên, càng có nhiều lưu xuất Kỵ thì số lượng Kỵ càng nhiều, có nghĩa là xấu. Lưu xuất Kỵ trong các trục hàm ý mâu thuẫn nội tại, tự mâu thuẫn bên trong vấn đề làm cho vấn đề càng xấu đi.

—ooOoo—

Chương 8. Luận Gia Đạo Hưng Suy

Gia đạo ở đây là tiền và người. Gia đạo hưng là tiền và người đều hưng thịnh đông đúc. Gia đạo suy là khi tiền thất thoát và người li tán. Xem gia đạo hưng suy sử dụng cung Điền làm Thể, ba cung Mệnh Phúc Di và Hóa Kỵ năm sinh là Dụng. Xét xuyên liên Thể Dụng và tính số lượng Hóa Kỵ trong xuyên liên để xác định gia đạo hưng hay suy. Luận gia đạo hưng suy là bài tập cơ bản Xuyên Liên thể dụng của Lương phái. Sau khi thành thạo luận gia đạo hưng suy, có thể Xuyên Liên bất cứ cung nào với nhau.

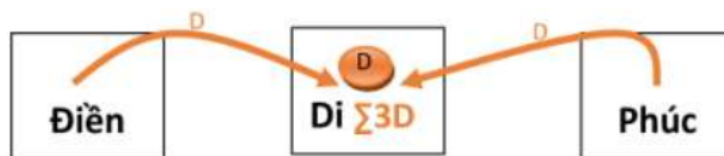
Cụ thể số lượng Kỵ ảnh hưởng như sau:

- Một Kỵ là lao, lao tức lao lực vất vả nhưng chưa đến nỗi suy kém.
- Hai Kỵ là bệnh, bệnh tức là đã xuất hiện tình trạng mất cân bằng nhưng chưa đến nỗi xảy ra chuyện nghiêm trọng.
- Ba Kỵ là phá, phá là khi mất cân bằng đã biểu hiện thành sự kiện, gia đình tiền hao người li tán.
- Bốn Kỵ là bại, bại là tình trạng suy sụp hoàn toàn.
- Năm Kỵ trở lên, sự phá bại gây hậu quả lâu dài, quy mô có thể ví như thời chiến tranh loạn lạc gia đình li tán đói rét bệnh khổ.

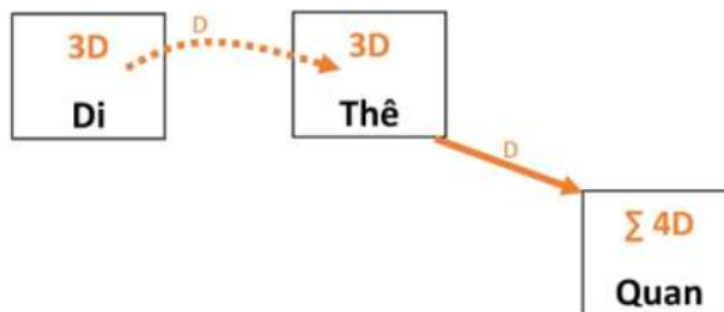
Ví dụ 1:

Sinh năm Mậu, mệnh ở mao, Tử Vi ở tuất, Xương Khúc ở sửu. Xét gia đạo hưng suy, dùng cung Điền làm Thể, cung Mệnh Phúc Di và niên Kỵ làm Dụng. Xuyên liên thể dụng như sau:

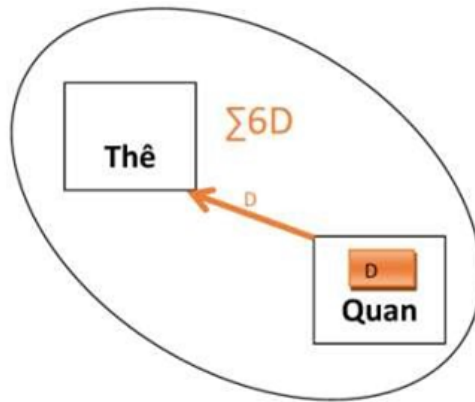
- Điền hóa Kỵ nhập Di, Phúc hóa Kỵ nhập di là đồng cung tương bách xuyên liên, tại di tọa 2 Kỵ cộng thêm 1 Kỵ năm sinh là tại di tọa 3 Kỵ.



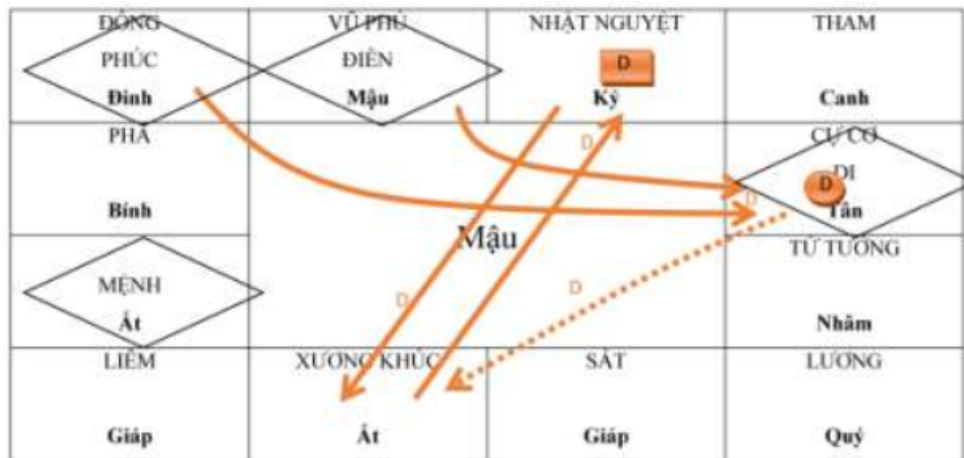
- Niên Kỵ đương nhiên chuyển Kỵ nên 3 Kỵ tại di chuyển sang Thê. Thê lưu xuất Kỵ sang Quan cho nên trực thê quan có $3+1=4$ Kỵ



- Tại quan tọa mệnh Kỵ. Cung quan lại lưu xuất Kỵ sang thê. Nên trực quan thê cộng thêm 2 Kỵ. Tổng cộng trực quan thê có $4+2=6$ Kỵ.



- Như vậy Thể Dụng xuyên liên hợp trình 6 Kỵ đánh phá trực tiếp vào trực quan thể. Gia đạo suy vong nặng nề, biểu hiện ở công việc và chuyện vợ chồng.



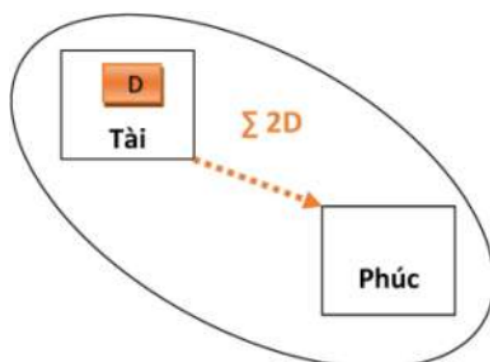
Ví dụ 2:

Sinh năm Bính, mệnh ở mùi, Xương ở Dậu, Tử Vi ở dần. Xét gia đạo hưng suy, dùng cung Điền làm Thể, cung Mệnh Phúc Di và niên Kỵ làm Dụng. Xuyên liên thể dụng như sau: Xuyên liên tạo thành hai nhóm.

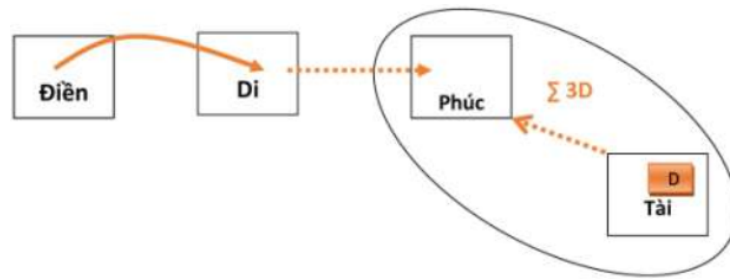
CỰ KHÚC	TUỔNG LIỄM	LƯƠNG MỆNH	SÁT
Quý	Giáp	Ất	Bính
THAM			ĐỒNG XƯƠNG
Nhâm			PHÚC
NGUYỆT			Đinh
Tân			VŨ
			ĐIÊN
TỬ PHÚ			Mậu
Canh	CƠ DI	PHÁ	NHẬT
	Tân	Canh	Kỵ

Nhóm 1:

- Mệnh Kỵ tọa Tài bạch đương nhiên chuyển Kỵ sang Phúc. Trục Phúc tài lưỡng đầu kiến Kỵ xuyên liên hợp trình 2 Kỵ.

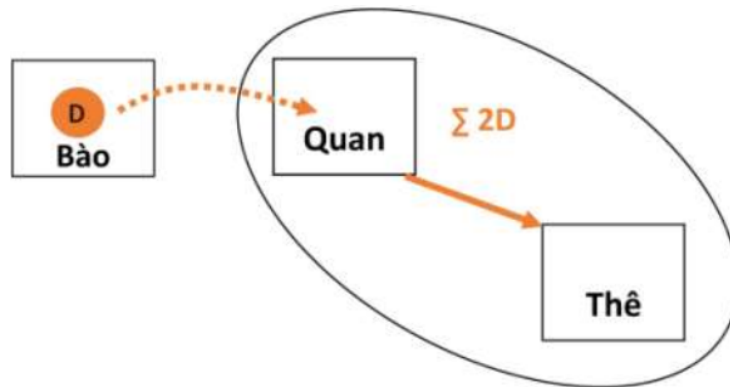


- Điền hóa Kỵ nhập Di chuyển Kỵ sang Phúc. Điền là thể, phúc là dụng. Thể dụng hợp nhất. Trục Phúc Tài cộng thêm 1 Kỵ là 3 Kỵ.



Nhóm 2:

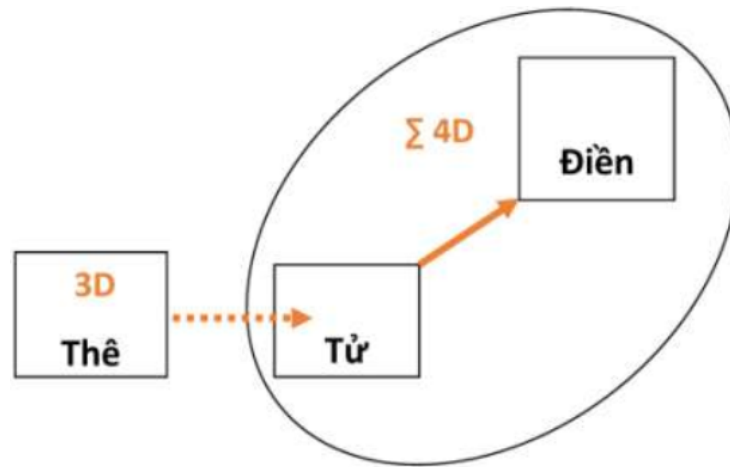
- Niên Kỵ tọa Bào tại ngộ đương nhiên chuyển Kỵ sang Quan, Quan lại lưu xuất Kỵ sang Thê nên trực Quan Thê hợp trình 2 Kỵ.



- Phúc hóa Kỵ nhập Thê. Cho nên trực Quan Thê cộng thêm 1 Kỵ là 3 Kỵ.



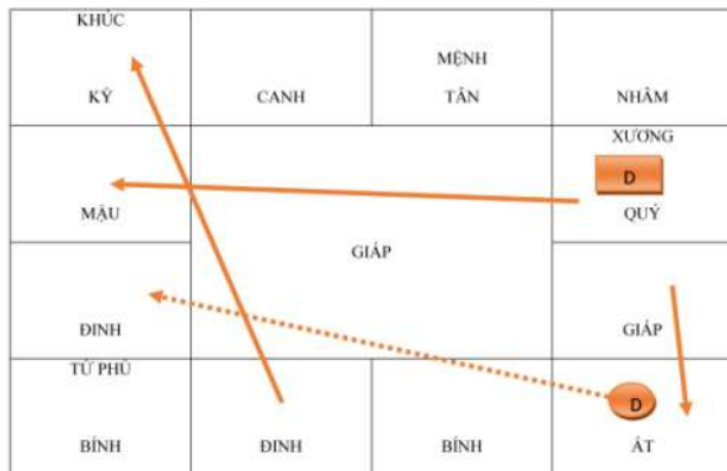
- Thê gộp cả 3 Kỵ chuyển Kỵ sang Tử. Tử xung phá Điền, cho nên đây là Dụng xung phá Thê xuyên liên hợp trình 3 Kỵ. Tử lưu xuất Kỵ sang Điền cho nên trực Tử Điền cộng thêm 1 Kỵ là 4 Kỵ.



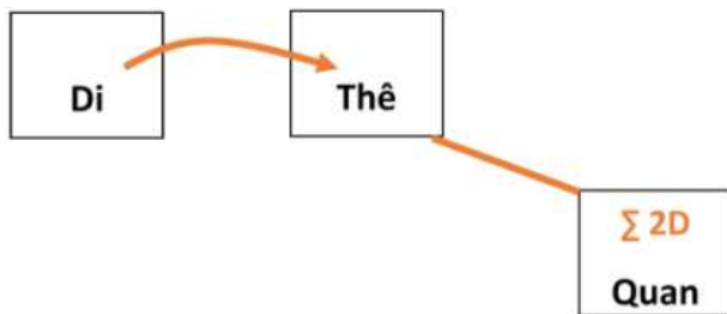
- Như vậy nhóm 1 có 3 Kỵ xuyên liên phá hoại. Nhóm 2 có 4 Kỵ xuyên liên phá hoại. Gia đạo suy vi. Tổng cộng tại Điền có 7 Kỵ phá hoại nhưng 7 Kỵ của hai nhóm riêng phá thì mức độ sẽ nhẹ hơn 7 Kỵ cùng phá một lúc.

Ví dụ 3:

Sinh năm Giáp, mệnh ở mùi, Xương ở dậu, Tử Vi ở dần. Xét gia đạo hưng suy, dùng cung Điền làm Thể, cung Mệnh Phúc Di và niên Kỵ làm Dụng. Xuyên liên thể dụng như sau:



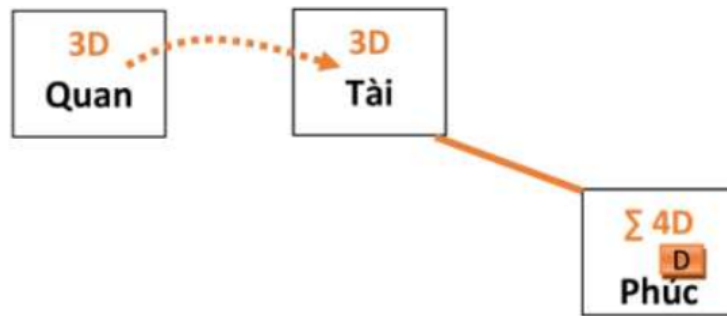
- Di hóa Kỵ nhập Thê xung Quan. Tại Quan có niên Kỵ. Tạo thành lưỡng đầu kiến Kỵ xuyên liên hợp trình 2 Kỵ.



- Điền hóa Kỵ nhập Quan, đồng cung tương bách với niên Kỵ và Di tại đây. Tại Quan có thêm 1 Kỵ là tổng 3 Kỵ.



- Quan gom 3 Kỵ chuyển Kỵ sang Tài xung Phúc. Phúc tọa mệnh Kỵ. Cho nên trực Phúc Tài hợp trình có 4 Kỵ.



- Kết luận: gia đạo có 4 Kỵ là bại.

—ooOoo—

Chương 9. Yếu Lĩnh Luận Mệnh

Luận mệnh là việc tổng hợp các thông tin từ cung chức tinh diệu và hóa tượng. Có thể tổng hợp hai yếu tố bất kỳ trong ba yếu tố trên sau đó tổng hợp nốt yếu tố còn lại cho đỡ rắc rối về cách tính. Ví dụ xuyên liên thủ pháp là kết nối hai yếu tố cung chức và hóa tượng, sau đó mới dùng tính lý tinh diệu để hoàn thiện luận đoán.

Cần nắm vững tượng ý của 12 cung chức, tượng ý của tứ hóa tượng, tượng ý của 18 tinh diệu. Nên dần dần nắm vững 672 tượng ý cơ bản của Lương phái. Phần này giống như nguyên liệu để ta sử dụng dự đoán sau này. Nó là thực phẩm nguyên liệu ta dùng để chế biến món ăn.

Cần nắm vững thủ pháp Lộc chuyển Kỵ và Kỵ chuyển Kỵ. Luôn nhớ rằng Lộc chuyển Kỵ có xét yếu tố đồng tinh diệu. Kỵ chuyển Kỵ thì không cần đồng tinh diệu.

Hiểu được các nhóm cung, ví dụ nhóm cung tính cách (mệnh tật phúc), nhóm cung căn khí (phúc di tử). Có khả năng xuyên liên các cung trong nhóm cung để có nhận định tổng hợp chính xác về nhóm cung đó.

Thành thạo cách luận hóa xuất tượng. Kỵ xuất luận như thế nào, Lộc xuất luận như thế nào.

Thành thạo giao Lộc, giao Kỵ và Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu.

Hiểu về quyền phát động phi hóa của các cung trong nguyên bản cũng như trong các vận.

Thành thạo xuyên liên Thể Dụng. Hiểu thế nào là Thể, thế nào là Dụng. Thành thạo các cách cục xuyên liên Thể Dụng.

- Luận gia đạo hưng suy: Thể là Điền, Dụng là mệnh phúc di và niên Ky.
- Luận hôn nhân: Thể là Phu thê, Điền hoặc Phụ; Dụng là mệnh phúc di và niên Ky.
- Luận tính cách: xuyên liên ba cung tính cách là mệnh tật phúc và niên Ky.
- Luận tài hoa: Thể là Phúc Di Tử, dụng là Mệnh và Tật và niên Ky.
- Luận hình dáng bên ngoài: Thể là tật, Dụng là mệnh di phụ và niên Ky.
- Luận sức khỏe: Thể là tật, Dụng là mệnh phúc di bào tử và niên Ky.
- Luận thọ yếu: thể là phúc, dụng là mệnh di tử điền tật bào và niên Ky.
- Luận bằng cấp học vị: Thể là phụ mẫu, dụng là mệnh phúc di và niên Ky.
- Luận thành tựu sự nghiệp: Thể là Bào, dụng là mệnh phúc di và niên Ky.

—ooOoo—

Chương 10. Xem Hình Dáng Bề Ngoài

Lượn vóc dáng người lấy tậ ách làm thể, sinh niên, mệnh cung, thiên di, phụ mẫu là dụng.

Phúc đức là cung vị bắc cầu. Cung vị bắc cầu là cung vị mà nếu không có nó thì Xuyến Liên không xảy ra, nó tuy không có quyền của cung Thể Dụng nhưng đóng vai trò cầu nối xúc tác để Xuyến Liên xảy ra.

1. Luận cao:

Tật ách tọa hoặc hóa Lộc, quyền dễ cao dài (Lương, Tham, Liêm, Nhật, Nguyệt). Thiên Lương (là ấm tinh đại thụ), Tham Lang (ngũ hành giáp mộc, tính chất vươn cao như cây lớn), Liêm Trinh (ngũ hành đình hỏa, kỳ tính viêm thương), Thái Dương (mặt trời treo cao ở trên trời), Thái

Âm (Thái Âm là mặt trăng treo cao ở trên trời), hóa Lộc hóa Quyền là cao. Tật ách, thiên di Lộc quyền giao củng, vóc người hội khá cao. Tật ách hóa Lộc quyền cùng cung vị biểu hiện (phụ mẫu, thiên di) giao Lộc dễ cao. Sinh niên Lộc, mệnh Lộc, tăng thêm cao. Phúc đức là bắc cầu củng vị.

2. Luận thấp:

Tật ách tọa hoặc hóa Kỵ dễ thấp bé, cùng thiên di, phụ mẫu giao Kỵ, càng thấp bé. Thiên Cơ (ngũ hành ất mộc là cây thấp hoặc hoa cỏ), Thiên Đồng (ngũ hành nhâm thủy, tính chất là chảy xuống chỗ thấp), Vũ Khúc (ngũ hành tân kim, tính chất là chìm xuống), Cự Môn (ngũ hành quý thủy, tính chất là chảy xuống chỗ thấp), Văn Khúc (ngũ hành quý thủy, tính chất là chảy xuống chỗ thấp), Văn Xương (ngũ hành tân kim, tính chất là chìm xuống), hóa Kỵ vóc người dễ co gọn lại, song Kỵ trở lên là nhỏ nhắn xinh xắn. Tật ách, thiên di giao Kỵ, hiện ra 2 Kỵ trở lên, vóc người cũng dễ nhỏ nhắn xinh xắn. Nước tính chất là chảy chỗ trũng, cho nên dễ thấp lùn.

3. Luận thân cao thấp:

Tật ách làm thể, xuyên liên sinh niên, mệnh, phúc, thiên di, phụ, Lộc Quyền nhiều hơn số Kỵ (sao chủ lùn), ước bình quân thân cao. Nếu như xuyên liên cao tinh mà lại có nhiều Lộc Quyền thì cao càng thêm cao. Số Kỵ mà nhiều hơn số Lộc quyền, thì cơ bản là thấp, càng nhiều Kỵ thì thân càng thấp bé.

4. Luận béo gầy:

Một là, tọa Lộc hoặc hóa Lộc:

Tật ách tọa Lộc: Đơn Lộc đầy đà có da có thịt, song Lộc trở lên, có thể gọi là béo. Dễ lười biếng, không thường vận động.

Tật ách hóa Lộc nhập thiên di (cung biểu hiện, cũng đại biểu cư xử tốt), hoặc phụ mẫu (cung biểu hiện, hòa ái dễ gần), hoặc giao Lộc rất dễ béo.

Tật ách hóa Lộc nhập phu thê (phu thê là Tật ách điền trạch, Tật ách thu tàng cung, là hình thể thân thể), sự nghiệp (phu thê thiên di, tọa Lộc chiếu phu thê), rất dễ béo.

Tật ách cùng thiên di giao Lộc, chuyển Kỵ nhập phu thê hoặc sự nghiệp. Hoặc Tật ách hóa Lộc nhập thiên di hoặc phụ mẫu, chuyển Kỵ nhập phu thê hoặc sự nghiệp, phùng sinh niên Lộc, mệnh Lộc, rất hội béo. Chỉ uống nước cũng đã béo, giảm béo không nổi.

Tật ách hóa Lộc nhập thu tàng cung (điền trạch, huynh đệ) cũng dễ béo.

Tật ách hóa Lộc nhập mệnh cung, phúc đức, thiên di, phụ mẫu, cũng dễ béo. Cũng là lười vận động. Cư xử tốt, ở chung vui vẻ hài hòa.

Tật ách cùng phúc đức, thiên di giao Lộc, béo có nghĩa là đang có phúc. (khi đó vận khí đang tốt, mọi việc trôi chảy). Tật ách Lộc nhập điền trạch, hoặc cùng điền trạch giao Lộc, cũng có nghĩa béo là có phúc, gia vận tốt, đa phúc đa thọ ít bệnh.

Hai, tọa Quyền hoặc hóa Quyền:

Tật ách tọa Quyền: Vóc người rắn chắc hoặc cường tráng, ít ốm đau.

Tật ách hóa Quyền nhập mệnh, thiên di (cá tính rõ ràng, sức khỏe kiên cường dẻo dai), cũng là hình thể cường tráng ít bệnh.

Tật ách hóa Quyền nhập phu thê, sự nghiệp, có vận động tế bào, ưa vận động, hình thể đương nhiên khá là cường tráng.

Tật ách hóa Quyền phùng sự nghiệp hóa Lộc, sẽ thích vận động tập thể hình.

Tật ách hóa Quyền phùng phúc đức, thiên di, tử nữ, điền trạch hóa Lộc hội hợp, vận động dưỡng sinh thành công (hội Tham Lang, Thiên Lương, Thiên Đồng thọ tinh đều tốt, Tham Lang là tốt nhất).

Ba, Tật ách tọa Kỵ hoặc hóa Kỵ:

Tật ách hóa Kỵ nhập phu thê hoặc sự nghiệp, dễ gãy.

Tật ách hóa Kỵ nhập thiên di hoặc phụ mẫu, dễ gãy, cá tính khá là nóng dễ xúc động, khó ngồi yên.

Tật ách hóa Kỵ nhập phu thê chuyển Kỵ nhập thiên di, đạt song Kỵ trở lên đó, dễ gãy trở xương.

Tật ách tọa Kỵ hoặc tự hóa Kỵ, hoặc Tật ách hóa Kỵ nhập phụ mẫu, thiên di, hoặc hóa Kỵ nhập phu thê, sự nghiệp, dễ giảm béo.

Phàm Tật ách hóa Lộc xuyên liên tương quan cung vị hợp trình đa Lộc, không béo thì cũng lười. Ngược lại, xuyên liên đa Kỵ, không gãy thì cũng bệnh. Luận béo gãy, phải Lộc Kỵ cộng tham, rồi sau đó xem khế ứng đại hạn, lưu niên mà đoán định. Ở đại vận và lưu niên khác nhau, thì hình thể cũng không giống nhau.

5. Hình dạng xấu đẹp:

Tham Lang, Liêm Trinh là hoa đào tinh.

Mệnh cung hóa Liêm Trinh, Tham Lang Lộc nhập thiên di phụ mẫu, cho ta đào hoa mị lực biểu hiện ra ngoài, dễ tướng mạo đẹp, hoặc tươi cười rạng rỡ như hoa phóng điện hút người khác giới. Có vẻ bề ngoài thân thiện.

Tật ách cung hóa Liêm Trinh, Tham Lang Lộc nhập thiên di phụ mẫu, thân thể đào hoa mị lực biểu hiện bên ngoài nhìn rất hấp dẫn, tướng mạo đẹp, các số đo đều chuẩn.

Phụ mẫu thiên di hóa Liêm Trinh, Tham Lang Lộc, tướng mạo đẹp.

Nếu hóa Lộc nhập giao hữu tam phương, biểu thị giao tiếp giỏi.

Thái Âm Lộc là băng thanh ngọc khiết, tướng mạo thanh lệ.

Mệnh cung hóa Kỵ nhập thiên di, lòng dạ nông cạn, biểu hiện bên ngoài ngại ngùng e thẹn.

Mệnh cung hóa Kỵ nhập phụ mẫu, lòng dạ nông cạn, biểu hiện bên ngoài tương đối nghiêm túc lạnh nhạt, tính cách thẳng thắn nhanh gọn, vui buồn dễ lộ ra mặt, thiếu kiểm soát cảm xúc.

Tật ách hóa Kỵ nhập phụ mẫu, thiên di, tính tình nhanh và thẳng, không có tính nhẫn nại, thiếu tu dưỡng, dễ lộ vui buồn ra mặt. Phùng Quyền lại càng dễ thô lỗ. Hóa Thái Âm Kỵ, tướng mạo khá là xấu và quái dị. Không giỏi cư xử. Nôn nóng bồn chồn đứng ngồi không yên.

Khoa chủ tri thức, tu dưỡng tốt, có khí chất. Lý trí, hòa hoãn.

Mệnh khoa nhập thiên di: Cao nhã, thanh tú, bình thản, đề phòng nguy trang giả tạo.

Mệnh khoa nhập phụ mẫu: Văn chất, thanh tú. Tính tình nhã nhặn, bình thản.

Tật ách khoa nhập thiên di: Cử chỉ ưu nhã, thông thả lễ độ. Nhưng đề phòng ôn nhu, do dự.

Tật ách khoa nhập phụ mẫu: Văn nhã lễ độ. Cử chỉ bình thản. Nhưng đề phòng ôn nhu khách sáo.

Phúc đức khoa nhập thiên di: Coi trọng tu dưỡng, thương thức. Tâm bình khí hòa, hàm dưỡng tốt, có nhiều quý nhân. Dễ yêu thích tôn giáo, triết học, tâm linh học.

Phúc đức khoa nhập phụ mẫu: Tu dưỡng tốt, ăn nói nho nhã. Cách cục kém thì đề phòng ôn nhu giả vờ. Thận trọng từ lời nói đến việc làm.

—ooOoo—

Chương 11. Cung Tính Cách

Cung tính cách là ba cung Mệnh Tật Phúc với mỗi quan hệ nhất lục cộng tổng. Nếu mệnh là 1 thì tật là 6, nếu tật là 1 thì phúc là 6. Bộ ba cung mệnh tật phúc đi với nhau trong đó có ý nghĩa chung là tính cách của ta. Nói cách khác, cung tật và cung phúc làm rõ nét hơn tính cách đọc từ cung mệnh. Xuyên liên ba cung tính cách nhiều Lộc là người lạc quan vui vẻ, nhưng nếu không có Quyền thì dễ thành người phù phiếm mơ mộng mà thiếu nghị lực cố gắng. Xuyên liên ba cung tính cách có nhiều Kỵ là người thực dụng thực tế, nhưng đa nghi và có nhiều suy nghĩ ích kỷ tiêu cực. Xuyên liên đi qua các sao đào hoa như Liêm Tham Âm Cự thể hiện tính cách đào hoa, tính đào hoa này gây hậu quả tốt hay xấu dựa và số Kỵ Lộc hợp trình. Xuyên liên các cung tính cách có tượng Lộc xuất là cái hay cái đẹp được phô diễn ra ngoài. Xuyên liên các cung tính cách có tượng Kỵ xuất là cái xấu cái dở được phô diễn ra ngoài. Nếu xuyên liên đi qua các tinh diệu có tính chất mạnh mẽ kiêu dũng lại có tượng Lộc xuất Quyền xuất thì người đó tính cách anh hùng trượng nghĩa, là một hào kiệt trên đời.

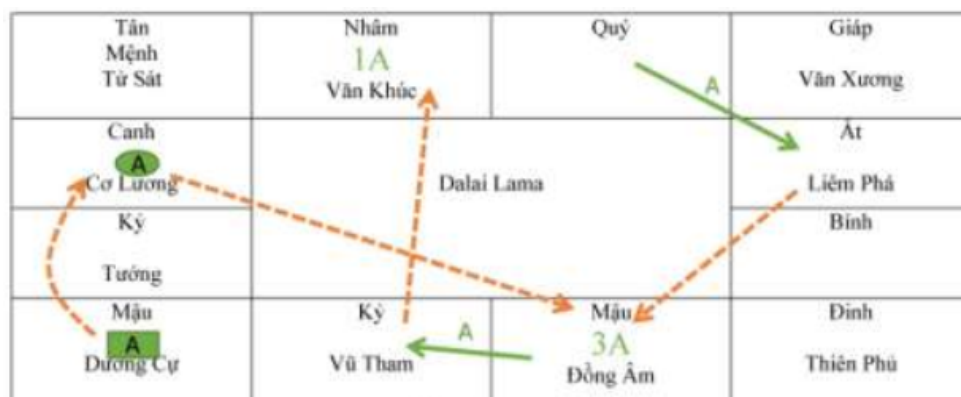
Cách luận khác cũng tương tự như vậy.

a. Ví dụ lá số Dalai Lama

(các bạn lưu ý là độ tin cậy thông tin mọi lá số chỉ là tương đối, các bạn học để cảm nhận được phương pháp rồi thoát ra và suy nghĩ độc lập của riêng mình mới là điều quan trọng).

Xuyến liên Lộc của mệnh phúc tật niên Lộc:

(khi Xuyến liên Lộc luôn phải chú ý Truy Lộc cần cùng tinh diệu).



Mệnh cung tân tỵ hóa Lộc Cự Môn ở mậu dần chuyển Kỵ tới Thiên Cơ ở canh thìn, tại canh thìn tọa niên Lộc đương nhiên chuyển Kỵ tới Thái Âm ở mậu tỵ (cung tật ách). 2A được chuyển tới tật ách.

Phúc cung quý mùi hóa Lộc Phá Quân ở ất dậu chuyển Kỵ tới Thái Âm ở mậu tỵ (cung tật ách). 1A được chuyển tới tật ách.

Như vậy tại tật ách tọa 3A.

Tật ách mậu tỵ hóa Lộc Tham Lang tại kỷ sửu chuyển Kỵ tới Văn Khúc ở phụ mẫu đối xung tật ách.

Như vậy trục tật ách có 4A tổng cộng. Cho nên các cung tính cách của Dalai Lama xuyên liên hợp trình 4A hội tụ tật ách tất nhiên là người chịu ảnh hưởng lớn bởi cung tật ách duyên nghiệp, ở đây ứng với tu hành.

Xuyến liên hợp trình 4A hội tụ tất ách tọa trên sao Thái Âm, cho nên đây là người tu hành huyền môn, Lộc chủ cát chủ thiện cho nên đây là người có tính cách thiện.

Xuyến liên Kỵ của mệnh phúc tất niên Kỵ:

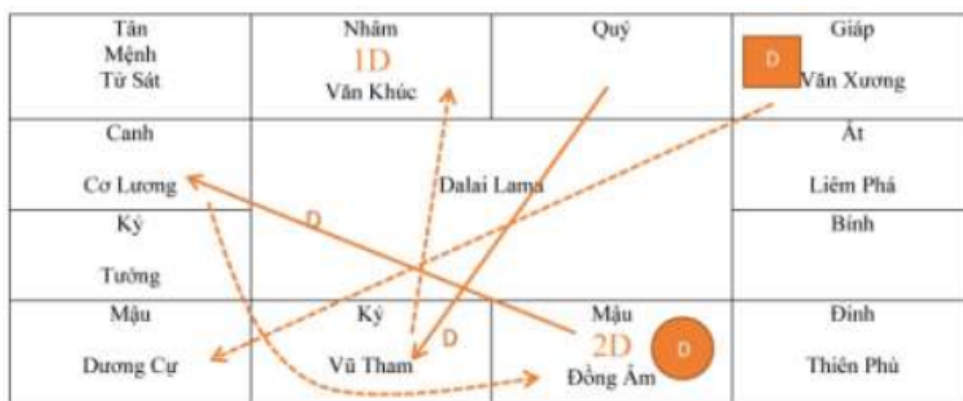
Mệnh tân tỵ hóa Kỵ Văn Xương tọa giáp thân chuyển Kỵ Thái Dương tọa mậu dần.

Phúc quý mùi hóa Kỵ Tham Lang tọa kỷ sửu chuyển Kỵ Văn Khúc tọa nhâm ngọ.

Tất ách mậu tỵ hóa Kỵ Thiên Cơ tọa canh thìn chuyển Kỵ Thái Âm tọa tất ách.

Niên Kỵ tọa tất ách.

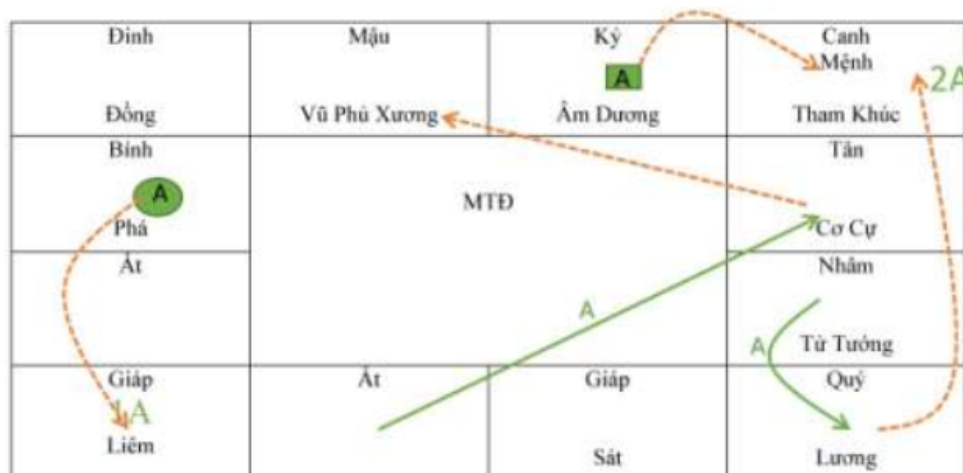
Như vậy trục tất ách có 3D. Cung mệnh đứng ngoài Xuyến liên Kỵ các cung tính cách này. Cung tất vừa có niên Kỵ tọa vừa hợp trình xuyên liên 3D hội tụ. Cho nên cung tất là cung quan trọng trong cuộc đời Dalai Lama. Duyên nghiệp và tu hành trả nghiệp là chuyện trọng yếu của ông. Cung mệnh đứng ngoài xuyên liên Kỵ các cung tính cách cho nên cung mệnh có thể tránh né được những liên lụy xấu từ tổ hợp này gây ra.



b. Ví dụ lá số MTĐ

Xuyến liên Lộc của mệnh phúc tột niên Lộc:

(khi Xuyến liên Lộc luôn phải chú ý Truy Lộc cần cùng tinh diệu)



Mệnh cung canh thân hóa Lộc Thái Dương tọa kỷ mùi chuyển Kỵ Văn Khúc tọa mệnh.

Phúc cung nhâm tuất hóa Lộc Thiên Lương tọa quý hợi chuyển Kỵ Tham Lang tọa mệnh.

Niên lộc tọa bính thìn chuyển Kỵ Liêm Trinh tọa thiên di.

Tật ách ất mao hóa Lộc Thiên Cơ tọa tân dậu chuyển Kỵ Văn Xương mậu ngọ phu thê.

Như vậy trên lá số của MTĐ, mệnh phúc và niên Lộc xuyến liên 3A tại trục mệnh di. Cho nên là người có mệnh cách nắm quyền. Xuyến liên đa lộc đi qua Liêm Trinh Tham Lang nên là người tài hoa và mang những đặc tính của Liêm Tham. Cung tật ách phi Lộc không xuyến liên đi qua mệnh phúc và niên Lộc cho nên cung tật ách tách biệt trong tổ hợp xuyến liên tính cách. Mệnh cách này mà luận, không phải người tu hành.

Xuyến liên Kỵ của mệnh phúc tột niên Kỵ:

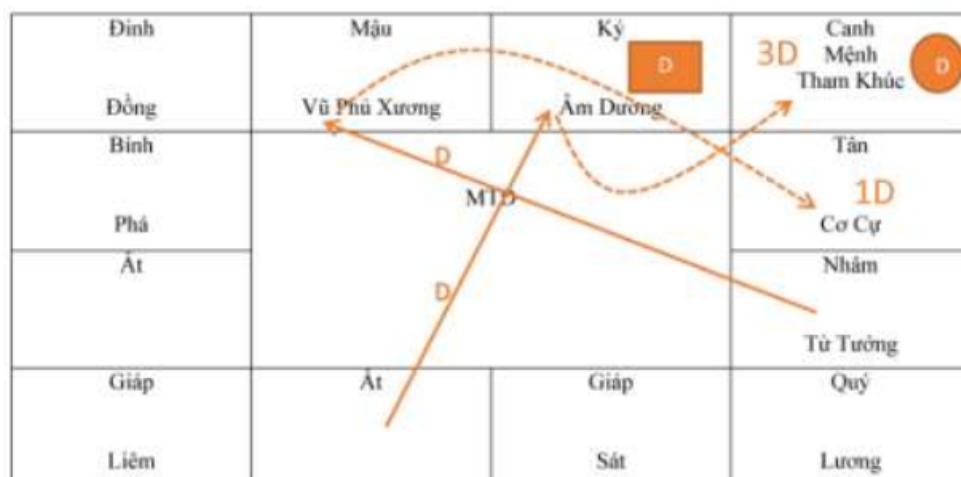
Phúc nhâm tuất hóa Kỵ Vũ Khúc tọa mộ ngũ chuyển Kỵ Thiên Cơ tân dậu phụ mẫu. Trục phụ tậ có 1D.

Tật ách ất mảo hóa Kỵ Thái Âm chuyển Kỵ Văn Khúc tọa mệnh.

Niên Kỵ tọa mệnh. Tại mệnh tọa 3D. Tại phụ mẫu tọa 1D.

Như vậy mệnh tật và niên Kỵ xuyên liên hợp trình 3D tọa mệnh. Là người có tính cách cơ mưu và quyết đoán. Mệnh lại nằm nguồn Kỵ toàn lá số (tức niên Kỵ) cho nên ảnh hưởng của Kỵ rất mạnh.

Trong các cung tính cách, riêng cung phúc đức hóa Kỵ và hóa Kỵ chuyển Kỵ đi lẻ. Cho thấy trong tính cách xuyên Kỵ không có vai trò của cung phúc đức. Điều này cũng thể hiện trong cá tính quyết liệt của MTĐ.



CÁ TÍNH BỘC TRỰC

Người bộc trực cá tính, phi tinh tử vi đầu số có một loại thuyết pháp, là Bất bình tắc minh: Thấy chuyện bất bình thì phải lên tiếng.

Sở dĩ xảy ra Thấy chuyện bất bình thì phải lên tiếng, có hai mẫu chốt:

1. Vừa là tính không kiên nhẫn, gặp phải chuyện không như ý, không giấu được lửa giận trong lòng, mà nhanh chóng biểu hiện ra ngoài. (Kỵ xuất).
2. Vừa là lòng háo thắng, rất nhanh biểu hiện ra ngoài. (quyền xuất).

Khi hai điều đó kết hợp, lúc gặp chuyện bất bình, sẽ nhịn không được mà lên tiếng, hoặc phát giận, hoặc kích động, hoặc rút dao tương trợ.

Phúc hóa Quyền nhập thiên di hoặc phụ mẫu, phùng Kỵ: Khi gặp phải chuyện không hài lòng, thấy chuyện bất bình thì phải lên tiếng. (đây cũng là biểu hiện một cách nóng nảy bộc trực)

Phải như thế nào mới có thể có đón nhận sự ủng hộ của những người xung quanh, khi Phúc Hóa Quyền nhập Phụ Mẫu hoặc Thiên Di, phùng đồng tinh diệu giao hữu Hóa Lộc tới, sẽ được mọi người vỗ tay tán thưởng.

—ooOoo—

Chương 12. Cung Căn Khí

CUNG CĂN KHÍ XEM PHÚC KHÍ, MAY MẮN

Tuổi thọ dài ngắn, cần xem phúc khí. Xuyên liên các cung phúc đức, thiên di, tử nữ quyết định phúc thọ. Nếu phúc dày, thì cho dù gặp nhiều kiếp nạn cũng sẽ qua khỏi. Ba cung căn khí được xây dựng xoay quanh cung phúc, nếu phúc là 1 thì tử là 6 vì tử là tật của phúc, và di là 9 vì di là quan của phúc, di là khí số vị của phúc. Cho nên ba cung phúc di tử hàm ý xem phúc khí của người đó, phúc dày hay mỏng cho biết may mắn hay xui xẻo. Cung căn khí cũng dùng để xem tài hoa của đời người. Qua đây ta thấy người xưa coi tài hoa là điều gắn với sự bẩm sinh, sự may mắn trời ban. Có tài hoa chính là có phúc. Nếu ba cung tật ách xoay quanh cung mệnh thì ba cung căn khí xoay quanh cung phúc. Xuyên liên cung căn khí nhiều Lộc là có nhiều may mắn, nhiều Kỵ là có nhiều xui xẻo, lại gặp tượng Lộc xuất Kỵ xuất thì may mắn và xui xẻo đó không chỉ là xu hướng tiềm năng mà được biểu lộ được hiện thực hóa ra sự việc sự kiện.

Ví dụ cách tính toán phúc dày hay mỏng:

Một, hóa Lộc năm sinh tại Thái Âm tọa phụ mẫu, chuyển tân Văn Xương hiệp Lộc nhập thiên di, được một Lộc.

Hai, thiên di giáp Liêm Trinh Lộc nhập mệnh, lại được thêm một Lộc nữa.

Ba, mệnh hóa Thái Dương Lộc ở giao hữu, phúc hóa Thiên Lương Lộc ở giao hữu hội Tật ách quyền, chuyển Tham Lang Kỵ hiệp song Lộc đến phúc đức, lại có thêm hai Lộc một quyền.

Tổng cộng, phúc được 4 Lộc và 1 quyền, chắc chắn không phải là đoản mệnh rồi, có thể thọ đến 70. Nhưng phúc đức cũng gặp phá hoại, cho nên cần phải tích đức, duy trì tập thể dục dưỡng sinh bằng không lúc về già sức khỏe sẽ rất kém.

—ooOoo—

Chương 13. Tượng Kỵ Xuất

Kỵ xuất có ý tượng là ngay thẳng, trực tiếp, phát tiết, tiêu tán. Vì trực tiếp biểu hiện tâm tình một cách trần trụi, vì vậy còn có nghĩa là suy nghĩ thiếu cân, dễ xung động, ẩu trĩ, nông cạn, cho nên cũng dễ tạo thành túng quẫn, vô trí, bệnh hay quên, đần độn, mờ mịt, hoảng loạn, uể oải, tự ti, loạn kết cấu, suy nghĩ trống rỗng, làm việc và hành động không có mục đích.

Chúng ta đã biết Xuyên liên Kỵ các cung giống như bình thông nhau, gặp Kỵ xuất là có bình thủng, nước tất nhiên phải chảy ra ngoài. Hay giống như, nhóm bạn chơi với nhau buôn chuyện với nhau, chỉ một người trong đó bẻp xép là thông tin của cả nhóm trao đổi bị lộ ra ngoài. Kỵ xuất đơn giản là cái dở lộ ra, cái dở thành hiện thực, chuyện lộ ra không được người đời ủng hộ mà thành dở. Lộc xuất ngược lại là cái tốt lộ ra, cái hay được người đời đón nhận.

Kỵ xuất có 3 loại:

1. Hóa Kỵ nhập phụ mẫu — Kỵ xuất tại thiên di của tật ách.
Hóa Kỵ nhập thiên di — Kỵ xuất tại thiên di của mệnh cung.
2. Bản cung Tự hóa Kỵ xuất.
3. Bản cung hóa Kỵ nhập đối cung trực tiếp Kỵ xuất.

Kỵ xuất sợ nhất gặp đa Kỵ lại gặp Kỵ xuất, là tượng rối loạn nghiêm trọng.

Thí dụ như mệnh cung (cung tính cách) tọa niên Kỵ lại phùng bản cung Tự hóa Kỵ xuất, hoặc nếu mệnh cung tọa niên Kỵ mà can

cung đó lại hóa Kỵ nhập phụ mẫu hoặc thiên di là tượng Kỵ xuất. Người như thế dễ nhiều phiền não, không an định, ít suy tư mà vui giân biểu hiện luôn trên khuôn mặt.

Như cách trên mà lại gặp phúc đức, tất ách đều là cung chủ về tính cách đồng thời hóa Kỵ nhập mệnh cung cùng với niên Kỵ tạo thành Tam Kỵ phá, lại gặp mệnh cung Tự hóa Kỵ xuất hoặc mệnh cung hóa Kỵ nhập phụ mẫu, thiên di tượng Kỵ xuất, tất người này thô lỗ, gấp gáp, ít có tu dưỡng, hành sự không có suy nghĩ. Ngày nào đó cũng có thể gặp vấn đề về sức khỏe, bởi vì mệnh phúc tất xuyên liên nhiều Kỵ phá hoại, chẳng lẽ lại không gặp chuyện gì?

Lại thí dụ như cung sự nghiệp cùng huynh đệ (sự nghiệp nhất lục cộng tông) hoặc tất ách (tâm tình cung) cùng những cung liên quan công tác, mà biến thành xuyên liên trình đa Kỵ phá bại ở cung nào đó, mà cung đó lại có Tự hóa Kỵ xuất hoặc Kỵ xuất tới đối cung, thì người này trong quá trình công tác hay gặp chuyện trở ngại, không như ý, bất đắc chí mà bỏ việc. Nếu như chỉ là hội Song Kỵ lại phùng Tự hóa Kỵ xuất hoặc Kỵ xuất tới đối cung, kỳ lực phá không quá nghiêm trọng, vì vậy có thể nhẫn nại chịu khó mà vượt qua khó khăn. Thế mới nói Kỵ xuất là tiêu tán, cửa ải khó khăn rồi cũng sẽ trời quang mây tạnh. Nếu như tụ hội Tam Kỵ hoặc nhiều hơn thì khi đó sự phá hoại là nghiêm trọng nếu lại gặp Tự hóa Kỵ xuất hoặc Lưu xuất Kỵ (Kỵ xuất đáo đối cung), thì khó khăn thất bại không dứt và phải kết thúc sự nghiệp, nếu đa Kỵ phá lại phùng Kỵ xuất tiêu tán, mọi việc đều TÀN THÀNH MÂY KHÓI.

Thí dụ như phu thê bản cung tự hóa Kỵ xuất, thì người phối ngẫu tính tình thẳng không để bụng. Giả như phu thê tọa Mệnh Kỵ cho đến niên Kỵ hợp trình song Kỵ lại phùng Tự hóa Kỵ xuất, thì người phối ngẫu không suy nghĩ nhiều, bộc trực, tâm tư biểu hiện ngay trên khuôn mặt, ít tình cảm. Về lâu về dài, tất nhiên hôn nhân có chuyện bằng mặt không bằng lòng. Nếu như hai cung phụ mẫu hoặc điền trạch lại không tốt, thì có nguy cơ cao là li dị.

Chương 14. Xem Cách Cục Tình Cảm

KẾT CẤU MỆNH BÀN ĐÀO HOA

Nếu có người mang cung Tử nữ để nói cái kiểu chém đinh chặt sắt về chuyện đào hoa. Luận như thế là hại oan bao nhiêu người. Đơn giản là Tử nữ cung là tật ách của Phúc đức cung, là cung chủ về sự hưởng thụ của thân thể, cho nên nếu đem ra nói một cách tuyệt đối là Hoa đào cung, gây hàm oan thiên cổ bao người.

Cũng bởi vì Tử nữ là cung đứng sau cung Phu thê một cung, cho nên đương nhiên là tình cảm sau hôn nhân. Chưa ly hôn thì cung Tử nữ là tình ngoài giá thú tức ngoại tình, li hôn rồi thì Tử nữ là cuộc hôn nhân tiếp theo, cho nên Tử nữ là đào hoa cung nhưng không thể coi đó là tuyệt đối nhất nhất như vậy. Bởi vì, nếu như tái hôn Tử nữ cung chính là cung Phối ngẫu lần thứ hai, mà phối ngẫu là chính đại quang minh, không thể lẫn lộn với chuyện đào hoa bất minh được.

Từ trước đến nay cung Tử nữ chẳng phải là dùng để xem con cái sao? Nếu muốn luận đào hoa, trừ phi Tử nữ cung có hóa xuất hoặc hóa nhập đồng thời xuyên liên Liêm Trinh hoặc Tham Lang hai đào hoa tinh, thì còn có thể luận là có chuyện đào hoa, nếu không thì không thể.

Cách cục đào hoa trong mệnh lý cũng có sự đa dạng của nó:

1. Mệnh cung, tật ách cùng phúc đức ba cung tính cách hóa Liêm Trinh Lộc hoặc Tham Lang Lộc, thì người này dễ đa tình; ba cung tính cách hóa Liêm Trinh Kỵ hoặc Tham Lang Kỵ, là người

này dễ si tình lụy tình. Ba cung tính cách tạo thành Liêm Trinh hoặc Tham Lang Lộc kỵ Đồng cung, thì người này dễ đa tình đa dục, dễ vướng vào tình yêu sét đánh; đặc biệt là khi tật ách cùng phúc đức có Liêm Trinh hoặc Tham Lang Lộc Kỵ Đồng cung, lại thêm xuyên liên Sinh niên hoặc mệnh cung biến thành Liêm Trinh Lộc Kỵ hoặc Tham Lang Lộc Kỵ hợp trình xuyên liên đào hoa Đa Lộc Kỵ, đều cần phòng tránh dục tình dục vọng làm trầm mê mụ mị.

2. Mệnh cung, tật ách cùng phúc đức ba cung tính cách hóa Liêm Trinh Lộc hoặc Tham Lang Lộc nhập thiên di (mệnh cung biểu tượng), phụ mẫu (Tật ách biểu tượng) cùng Tài Bạch (phúc đức biểu tượng) ba cung biểu tượng, thì người này dễ có biểu hiện động tình đào hoa, qua bức vách cũng đánh hơi được mùi xuân tình.
3. Nếu thiên di hoặc phụ mẫu hai cung biểu tượng, hóa Liêm Trinh Lộc hoặc Tham Lang Lộc nhập mệnh cung, tật ách, phúc đức, cũng dễ mắc vào chuyện đào hoa. Lấy tật ách, phúc đức mà nói, có thể ngoắc tay là thành hôn; xuyên liên hoa đào tinh đa Lộc, là cảnh hoa nở khắp nơi. Thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa tinh Lộc nhập Giao hữu, rất giỏi giao tế; thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa tinh Lộc nhập Phu thê, thường truy tìm con mồi; thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa tinh Lộc nhập Tử nữ, ngoắc tay là thành hôn, thiên di hoặc phụ mẫu hóa đào hoa tinh Lộc nhập Sự nghiệp, cũng có khả năng sản sinh hoa đào. Đặc biệt thiên di hoặc phụ mẫu hổ hóa Lộc đào hoa tinh, hoặc như thiên di hoặc phụ mẫu bản cung tự hóa Lộc Hoa đào Lộc xuất, rất dễ tồn tại mị lực với người khác phái, đương nhiên trêu hoa ghẹo nguyệt.
4. Mệnh cung, tật ách, phúc đức cùng Phu thê, Tử nữ, Giao hữu tọa niên Lộc đào hoa tinh hoặc mệnh cung biến thành đào hoa Lộc hoặc bản cung đào hoa tinh Tự hóa Lộc xuất, cũng dễ sinh ra chuyện đào hoa trăng gió.
5. Ngược lại, nếu như thiên di, phụ mẫu hai cung biểu tượng, tọa Liêm Trinh Kỵ hoặc Tham Lang Kỵ, tất nhiên vụng về chuyện tán zai tán gái. Hoặc như thiên di, phụ mẫu hai cung biểu tượng hóa Liêm Trinh Kỵ hoặc Tham Lang Kỵ nhập mệnh cung, tật ách, phúc đức cùng phu thê, tử nữ, giao hữu, sự nghiệp, cũng là vụng về chuyện tình cảm với người khác phái. Hợp trình Song Kỵ (hoặc trở lên) thì lại càng vụng hơn chỉ có thể lấy người quen

thân hoặc qua môi giới giới thiệu, khó tự mình tán được zai
được gái.

MỆNH CÁCH KHÓ YÊU

Đàn ông hay đùa nhau, trên đời chỉ có hai loại đàn ông: một là háo sắc, hai là phi thường háo sắc. Cho đến khi gặp được những loại mệnh cách khó yêu. Điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên lý âm dương. Có người đa tình tình cũng có người lãnh cảm khó yêu, không có gì đáng ngạc nhiên. Nếu mệnh cách thể hiện không giỏi giao tế (thiên di hóa Kỵ nhập phu thê, chuyển Kỵ nhập Tài Bạch, hội phúc đức, sinh niên Kỵ, hợp trình 3 Kỵ mà phá).

Cho nên tính cách như vậy sẽ không sa ngã vào tình cảm và tình dục, cho nên không những không biết tham hoa yêu rượu ở ngoài, mà ngay cả thói hư tật xấu bar sàn bay lắc cũng không có. Mệnh cung, Tật ách, Phúc hóa Kỵ không xuyên liên xuyên qua Liêm Trinh, Tham Lang, cho nên sẽ không sa ngã vào tình cảm và tình dục, cũng sẽ không sa ngã vào ăn uống rượu chè bê tha.

Nếu mệnh cung, Tật ách, phúc hóa Lộc không có xuyên liên đảo Liêm Trinh, Tham Lang, cũng không có Hóa Kỵ nhập cung phu thê thì cũng sẽ không đa tình đa dục. Ngoài ra nếu mệnh hóa Kỵ nhập tật tự hóa Kỵ xuất thì cũng là người ưa sạch sẽ, tính cách cần mẫn và hơi bảo thủ.

—ooOoo—

Chương 15. Xuyên Liên Thủ Pháp Luận Hôn Nhân

Bài này nói về hôn nhân, hôn nhân trạng thái: kết hôn, ly hôn, quan niệm không kết hôn, hôn duyên dày mỏng, ngoại tình. Lấy phu thê cung, điền trạch hoặc phụ mẫu làm thể, mệnh cung, phúc đức, thiên di là dụng

Luận xuyên liên Kỵ:

Lấy phu thê cung, điền trạch hoặc phụ mẫu làm thể, mệnh cung, phúc đức, thiên di là dụng:

1. Luận ly hôn: Phu thê, điền trạch hoặc phụ mẫu, xuyên liên mệnh cung, phúc đức, thiên di hợp thành 4 Kỵ trở lên phá cục. Ví như kết cấu phân li, cần xem kết cấu mạnh yếu mà phán định, hôn duyên có phá bại, hơn nữa hôn duyên bạc nhược, đều có thể luận là cuộc hôn nhân không bền. Có thể luận là có khả năng li hôn, nhưng không phải chắc chắn sẽ li hôn. Cần hiểu rằng các cách cục li hôn có biến hóa phức tạp.
2. Luận quan niệm không kết hôn, lấy phúc đức Kỵ xuất là chính, xuyên liên phu thê, điền trạch hoặc phụ mẫu thành 3 Kỵ trở lên chi phá, xem hôn duyên dày mỏng mà suy luận. Hôn duyên dày thì chỉ là vấn đề thời gian, khi nghiệp lực kết thúc, hôn duyên sẽ thành. Còn nếu hôn duyên mỏng, có thể là cả đời.
3. Luận kẻ khác ngoại tình (ta là kẻ bị cầm sừng), phu thê hóa Kỵ xuyên liên (Thái Âm hoặc Cự Môn), thậm chí xuyên liên (Liêm Trinh hoặc Tham Lang), tái xuyên liên điền trạch thành phá, thông thường cần xuyên liên Cự Môn (tinh diệu có ý nghĩa là hộ tịch), điền trạch hộ tịch cung, hoặc Văn Xương Văn Khúc công văn tinh.
4. Luận ta có ngoại tình hay không (tất nhiên có kết hôn, thì mới nói chuyên ngoại tình), lấy tính cách cung vị (mệnh cung, phúc đức, Tật ách) đến xem TA đa tình hoặc chung tình hoặc tình yêu sét đánh, lại phối hợp nhân tố gặp gỡ, tế ngộ, sự nghiệp (là cảm tình ngoài hôn nhân-cung thiên di của phu thê), tử nữ (cảm tình sau hôn nhân). Tha cung phi Lộc hội, biểu thị đối phương tới báo ân, thì sẽ không xảy ra va chạm, phải xem ngã cung hóa Kỵ xuyên liên kết cấu có tạo thành phá bại hay không. Tha cung hóa Kỵ hội tới, biểu thị là đòi nợ, là kém may mắn chuyện đào hoa, hoa đại ven đường không nên hái, biểu thị TA không có phúc khí trong chuyện đào hoa tình ái, nghìn vạn lần không nên ham mà sập bẫy.

Luận xuyên liên Lộc (luận kết hôn): Lấy phu thê cung, điền trạch hoặc phụ mẫu làm thể, mệnh cung, phúc đức, thiên di là dụng.

Cung vị bắc cầu không phải thành bại cung vị mà có tác dụng bắc cầu, bởi vì hóa Lộc cách tính xuyên liên rất nghiêm cẩn, cho nên khi hóa Lộc kết cấu phải thông qua bắc cầu mới có thể xuyên liên thể dụng, nhất định phải có xuyên liên, hôn nhân duyên phận tài năng xuyên liên thành vượng, thì hôn nhân sẽ thành.

Cung vị bắc cầu như sau:

1. Tài Bạch: Phu thê của phu thê, là hôn nhân đối đãi cung vị, luận ta cùng với phối ngẫu ăn ở đối xử với nhau ra sao.
2. Tật ách: Mệnh cung cộng tông sáu vị, mệnh là cái TA vô hình, Tật ách là thân thể là cái TA hữu hình, thể xác và tinh thần hợp lại làm một. luận ta cùng với phối ngẫu tiếp xúc thân thể, hóa Lộc nghĩa là tốt đẹp.
3. Giao hữu: Phu thê Tật ách, thân thể của phối ngẫu, nhất định phải xuyên liên phu thê cung thì mới tính. Cũng mang hàm ý giao hữu môi giới giới thiệu cho cuộc hôn nhân giới duyên, biểu thị hôn nhân của ta khả năng đến từ những người bạn bè thân quen.
4. Sự nghiệp: Thông qua công việc mà gặp nhau, nhờ có quan hệ công tác mà nên duyên.
5. Tử nữ: Thông qua tử nữ bắc cầu, gọi là hôn duyên có liên quan tử duyên, thông thường có hai trường hợp, một là trước đây đã từng kết hôn, hai là kết hôn xong thì nhanh chóng có con.

Muốn xem ai là chủ thể của vấn đề, thì xem cung nào chủ động hóa xuất.

Mệnh cung tứ hóa nhập phu thê, là ta chủ động.

Phu thê tứ hóa nhập ngã cung, là vợ/chồng tương đối chủ động. Còn phải xem nhập cung vị nào thì cần nghiên cứu cụ thể.

Bởi vì nam nữ khác nhau, nam tính là dương, đương nhiên phái nam chủ động là chuyện bình thường. Nếu như là nữ mệnh truy cầu, nhất định phải tỉ mỉ nghiên cứu.

Đồng tính luyện ái hôn nhân, bởi vì đồng tính luyện ái là dựa theo tính cách mà suy luận, không lấy phu thê cung mà suy luận, mà cũng vì pháp luật đất nước ta hiện nay không thừa nhận đồng tính luyện ái hôn nhân, cho nên cũng không lấy phu thê cung để xem.

—ooOoo—

Chương 16. Lộc Kỵ Hợp Tham Đồng Tinh Diệu

Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu là trường hợp khi cung A phi Lộc/Kỵ nhập sao X tọa cung B đồng thời cung C cũng phi Lộc/Kỵ nhập sao X tọa cung B. Khi đó tùy trường hợp mà tốt xấu khác nhau. Vì như bạn biết hai cung phi Lộc đến cùng một cung gọi là giao Lộc thể hiện sự tốt đẹp, tùy theo giao Lộc trên cùng một tinh diệu hay khác tinh diệu mà có khác nhau, nhưng cơ bản ta hiểu trường hợp này là tốt đẹp. Ngược lại hai cung cùng phi Kỵ tới một cung, ta hiểu là giao Kỵ hàm ý có sự va chạm và xấu xa. Hai trường hợp đó thì tốt xấu rõ ràng, chỉ có trường hợp Lộc Kỵ cùng gặp trên một tinh diệu trong cùng một cung mới cần phân định tốt (thành song Lộc) hay xấu (thành song Kỵ). Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu là thủ pháp quan trọng sử dụng khi xem vận, đánh giá sự tương tác tốt xấu giữa các cung liên quan, sự tốt xấu đó xảy ra tại cung mà Lộc Kỵ hợp tham và có thể chuyển Kỵ gây ảnh hưởng sang cung khác.

Đầu tiên cần phân ra tha cung và ngã cung. Ngã cung là cung của ta hàm ý nội, hàm ý bên trong. Tha cung là cung của người hàm ý ngoại, hàm ý bên ngoài. Có hai cách phân tha ngã cung, tùy bạn có thể lựa chọn sử dụng.

Cách 1: Tha cung là 6 cung Phúc Di Phối Phụ Tử Nô, Ngã cung là 6 cung Mệnh Tài Quan Điền Tật Bào.

Cách 2: Tha cung là 6 cung huynh đệ Di Phối Phụ Tử Nô, ngã cung là 6 cung Mệnh Tài Quan Điền Tật Phúc.

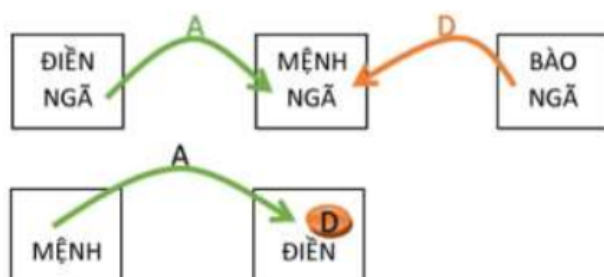
Tử vi đầu số có 12 cung chia thành 4 tam hợp. Tam hợp mệnh tài quan là chủ quản. Tam hợp Phúc Di Phối cho biết nhân quả. Tam hợp Điền Tật Bào là cung thu tàng cất giữ. Tam hợp Phụ Tử Nô cho biết sự giao tiếp.

Lộc Kỵ đồng tham có những trường hợp sau:

1. Mệnh phi Lộc nhập Điền, Bào phi Kỵ nhập Điền.

Cung huynh đệ còn thể hiện thu nhập. Ở đây là ba ngã cung tương tác với nhau. Ta cần kiệm tích lũy cho gia đình (điền) và ta có thu nhập (bào) tốt.

Mệnh phi Lộc nhập Điền, Điền tọa niên Kỵ: gia đình là trách nhiệm của ta khi gia đình cần thì ta sẽ cung ứng.



Khi cả ba cung đều là ngã cung thì ta hiểu mọi chuyện dù Lộc Kỵ cũng nằm trong tầm tay ta quản lý, cho nên đều là tốt đẹp dù biến hóa thế nào.

Khi cả ba cung đều là tha cung thì cho dù tốt xấu cũng ít ảnh hưởng trực tiếp tới ta. Nếu ngã cung phi Kỵ nhập tha cung, là ta đang quan tâm chuyên chú vào điều đó. Nếu tha cung phi Kỵ nhập ngã cung, là người khác có rình rập lấy mất của ta điều gì đó.

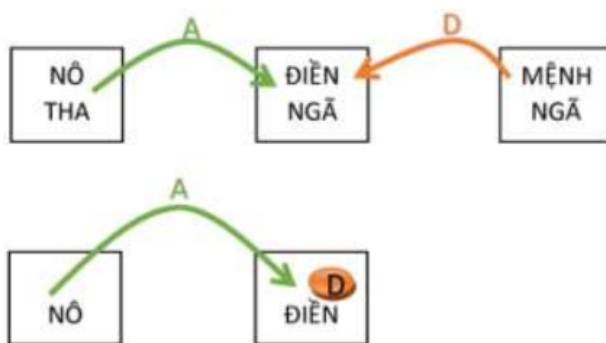
2. Ngã cung mệnh phi Lộc nhập ngã cung Điền, tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Điền (đương nhiên trên cùng tinh diệu):

Ta tạo được gia sản và bằng hữu tới lấy của ta.



3. Tha cung nô hóa Lộc nhập ngã cung Điền, ngã cung Mệnh hóa Kỵ nhập ngã cung Điền:

Ta lo cho gia đình và bằng hữu giúp đỡ ta.



Nô hóa Lộc nhập Điền, Điền tọa niên Kỵ: gia đình là trách nhiệm của ta.

Bằng hữu giúp ta khi túng thiếu.

4. Tha cung Nô hóa Lộc nhập Ngã cung điền, Tha cung di hóa Kỵ nhập ngã cung Điền:

Ta làm ăn kém, ta quản lý kém gây thất thoát, bằng hữu tới giúp ta hòa vốn.



5. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập ngã cung Điền, ngã cung huynh đệ phi Lộc nhập ngã cung Điền:

Ta cần kiệm quản lý gia đình, ta có may mắn tăng tài lộc.



6. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập tha cung nô, ngã cung tài phi Lộc nhập tha cung Nô:

Ta mang tiền giúp bạn, khoản tiền này nằm trong tầm tay ta.



7. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập tha cung nô, tha cung thân phi Lộc nhập tha cung nô:

Ta giúp bạn, vợ ta ủng hộ ta trong chuyện này.



8. Tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Điền, ngã cung mệnh phi Lộc nhập ngã cung điền:

Ta lỏng lẻo quản lý tiền bạc tài sản và bị bạn bè lấy mất.



9. Tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Tài và tha cung Phụ phi Lộc nhập ngã cung Tài:

Ta nhiều lần bị tiểu nhân hại nhưng phụ mẫu (bề trên nói chung) giúp đỡ ta vượt qua khó khăn.



10. Tha cung nô phi Kỵ nhập tha cung Phụ và ngã cung mệnh phi Lộc nhập tha cung Phụ:

Bằng hữu có thái độ xấu với ta (phụ mẫu là cung giao tiếp của ta, cung di của tật) nhưng ta luôn bỏ qua.



—ooOoo—

Chương 17. Luận Lục Thân

Lá số tử vi có 12 cung trong đó có 6 cung chủ nhân vật là: mệnh, bào, phu thê, tử tức, giao hữu, phụ mẫu; có 2 cung chủ vật là: tài bạch và điền trạch; có 4 cung chủ sự việc là: sự nghiệp, thiên di, phúc đức, tật ách.

Lá số nguyên bản lập cực tại mệnh từ đó có 11 cung chức còn lại là: bào, phu thê, tử tức, tài bạch, tật ách, thiên di, giao hữu, sự nghiệp, điền trạch, phúc đức, phụ mẫu. Tương tự như vậy nếu lập cực tại cung tật ách thì điền trạch là tài bạch của tật ách và bào là sự nghiệp của tật ách. Mệnh tài quan là tam phương chủ sự cấp quản thì điền tật bào là tam phương chủ sự thu tàng. Tài thu tàng về điền. Tài là tiền mặt thì điền là tài sản. Sự nghiệp thu về bào. Sự nghiệp là tính chất công việc thì bào là thành tựu hiện hữu (thấy được, kể được, gọi tên được) của sự nghiệp. Tương tự lập cực từ cung phụ mẫu thì cung giao hữu là sự nghiệp của phụ mẫu, cung tật ách là thiên di của phụ mẫu. Chúng ta có thể lập cực từ bất kỳ cung nào nhưng mỗi lần lập cực thì lại càng xa rời ý nghĩa nguyên thủy. Ví dụ lá số nguyên bản lập cực tại mệnh, nếu lập cực tại cung phụ mẫu là một lần xa ý nghĩa nguyên thủy, sau đó lại lập cực từ cung tài bạch của phụ mẫu (tức là cung tử nữ nguyên thủy) là một lần nữa ra rời nguyên cực là cung mệnh nguyên thủy. Sau ba lần lập cực thì cung tử nữ của mệnh đã trở thành cung tài bạch của cung phụ mẫu của mệnh. Tất nhiên càng ra rời nguyên cực thì độ chính xác càng kém đi, đó là điều cần chú ý khi lập cực.

Cho nên khi tá bản luận lục thân (luận việc của người thân bằng lá số của mình) có khái niệm hồi quy thái cực. Ví dụ cung phụ mẫu

là cung dậu. Nếu cung sửu Hóa Kỵ hoặc Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung hợi xung cung tị, mà muốn luận khi lập cực tại phụ mẫu, thì sự ảnh hưởng từ phụ mẫu như sau sự nghiệp của phụ mẫu (cung sửu) Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung điền trạch của mệnh xung cung tử tức của điền. Cung phát động phi hóa luận theo cung của phụ mẫu (sự nghiệp của phụ mẫu), nhưng cung đón nhận phi hóa phải là cung tính theo mệnh nguyên thủy (điền và tử của mệnh nguyên thủy). Đó chính là tá bàn luận lục thân.

Ngoài ra tượng ý của các cung cần để ý như sau:

Cung huynh đệ chủ anh trai thứ nhất trong gia đình (trừ mình ra nếu mình là nam, thì người anh em trai lớn nhất trong số anh em trai còn lại là cung huynh đệ), từ cung đó tính ngược chiều kim đồng hồ lần lượt là các anh em trai trong gia đình.

Cung phụ mẫu chủ người chị em lớn nhất trong gia đình (trừ mình ra nếu mình là nữ). Từ đó tính thuận chiều kim đồng hồ lần lượt là các chị em gái trong nhà.

Cung huynh đệ còn chủ mẹ đẻ của mình, vì đó là cung thân của cung phụ mẫu. Cung phụ mẫu là cha đẻ của mình.

Cung huynh đệ còn là bố vợ hoặc bố chồng mình vì cung huynh đệ là cung phụ mẫu của phu thân.

Cung tử nữ là mẹ vợ hoặc mẹ chồng mình, vì đó là cung thân của cung bố vợ mình.

Cung tử nữ là con trai đầu của mình, cung tài bạch là con trai thứ hai. Cứ thế tính ngược chiều kim đồng hồ các con trai tiếp theo.

Cung huynh đệ là con gái đầu của mình, cung mệnh là con gái hai cứ thế đi thuận chiều kim đồng hồ các con gái tiếp theo.

Tương tự như vậy thì ông nội mình ở cung phúc đức (cung phụ mẫu của phụ mẫu mình). Bà nội mình tức thân của ông nội tức cung mệnh.

Bà ngoại mình tức mẹ của mẹ đẻ mình là cung phu thân (cung huynh đệ của huynh đệ mình tức cung mẹ của mẹ mình).

—ooOoo—

Chương 18. Cách Xem Vận

a. Cung vận:

Cách an đại vận: đại vận tính theo cục số, nhưng đại vận thứ nhất của Lương phái không an ở mệnh mà dùng cung phu thê làm Dụng kết hợp với lưu niên thái tuế trong đại vận đó để xem vận. Bạn có thể tham khảo cách an đại vận của Lương phái hoặc bạn có thể an đại vận ở mệnh bình thường như Nam phái và tứ hóa phái.

Cách an lưu niên thái tuế: vào năm nào thì lưu niên thái tuế đóng ở cung đó. Ví dụ năm Kỷ Hợi thì lưu niên thái tuế đóng ở cung hợi.

Cách an lưu nguyệt (vận tháng): cung dần của địa bàn là cung chức nào của nguyên bản thì cung chức đó của lưu niên thái tuế là tháng giêng của năm đó. Ví dụ cung dần của lá số nguyên bản là cung Tài Bạch thì năm Kỷ Hợi lưu niên thái tuế đóng cung hợi, như vậy cung tài bạch của cung hợi là cung mùi sẽ an tháng Giêng của năm hợi. Các tháng tiếp theo đi thuận, bất kể nam nữ tuổi âm tuổi dương. Ví dụ trên, tháng hai sẽ là cung thân, tháng ba cung dậu, tháng tư cung Tuất...

Cách an lưu nhật: tháng là quân, ngày là thần cho nên ngày 1 tháng đó sẽ an ở cung tiếp theo tính theo chiều thuận. Ví dụ tháng Giêng an ở cung mùi thì ngày 1 tháng Giêng an ở cung thân, tháng hai an ở cung thân thì ngày 1 tháng hai an ở cung dậu. Cứ thế đi thuận có mừng 2 mừng 3 mừng 4, ...

Cách an lưu thời: giờ Tý hàng ngày an tại cung an ngày đó, cứ thế đi thuận đến giờ Hợi. Ví dụ ngày 3 tháng hai ở cung Hợi thì giờ Tý ngày 3 tháng hai an tại cung Hợi, giờ Sửu an cung Tý, ...

b. Tứ hóa tượng của các vận:

Tứ hóa của nguyên bản là tứ hóa của năm sinh.

Tứ hóa của đại vận là tứ hóa của can cung đại vận. Ví dụ sinh năm Đinh thì cung hợi là Tân Hợi. Đại vận đến cung hợi thì lấy can Tân để an tứ hóa đại vận.

Tứ hóa của vận một năm là tứ hóa của lưu niên thái tuế, ví dụ lưu niên thái tuế là Kỷ Hợi thì dùng can Kỷ của năm Kỷ Hợi để an tứ hóa lưu niên. Lưu ý rằng cung an lưu niên thái tuế chính là cung mệnh của lưu niên, tại cung đó có can cung riêng. Ví dụ năm Kỷ Hợi thì mệnh lưu niên đóng cung Hợi, cung hợi của tuổi Đinh Nhâm là Tân Hợi thì can Tân đó được dùng để tính tứ hóa của mệnh lưu niên Kỷ Hợi.

Tứ hóa của lưu nguyệt: tính theo can của tháng đó, ví dụ xem vận tháng Đinh Mão thì dùng can Đinh để phát động phi hóa của tháng đó. Mệnh tháng đóng tại mão, với tuổi Đinh Nhâm là cung quý Mão, thì mệnh tháng lấy can quý để tính toán tứ hóa của mệnh tháng.

Tứ hóa của lưu nhật, lưu thời cũng tính toán theo nguyên tắc giống lưu niên lưu nguyệt.

c. Luận cát hung của đại vận:

Trong đại vận đó ta có can cung đại vận, từ đó tính ra được tứ hóa đại vận. Ta có cung mệnh đại vận mới và 11 cung chức trong vận đó cũng thay đổi khi lập cực cung mệnh tại cung đại vận. Mọi công thức xuyên liên ta học phía trên có thể áp dụng ở đại vận, khi thay cung mệnh mới và các cung chức mới. Ví dụ xem gia đạo hưng suy, ta dùng cung Điền đại vận làm thể, dùng cung Mệnh đại vận và Phúc đại vận và Di đại vận và niên Kỵ làm Dụng tính toán ra tổ hợp xuyên liên mới. Tổ hợp này cho biết sự hưng suy của gia đạo trong 10 năm đại vận đó. Nguyên bản có tổ hợp Xuyên Liên Thể Dụng nào thì đại vận có tổ hợp Xuyên Liên Thể Dụng đó.

Ngoài ra có thể xét tương tác cung đồng chức của đại vận với nguyên bản. Ví dụ xét tương tác phi hóa Lộc Kỵ của cung tài bạch đại vận với tài bạch nguyên bản, ở đây gọi là kích trên. Tức là từ tầng đại vận phi hóa kích lên tầng trên là nguyên bản. Dưới kích trên có ảnh hưởng nặng, trên xuống dưới không gọi là kích mà gọi là ứng. Ví dụ cung tài bạch đại vận phi Kỵ chuyển Kỵ xung tài bạch nguyên bản tọa cung dần có nghĩa là trong 10 năm đó có chuyện xấu về tài bạch thì đến lưu niên năm dần năm ngọ ứng nghiệm chuyện xấu đó. Bởi vì năm dần lưu niên mệnh nhập cung dần, năm ngọ lưu niên tài nhập cung dần. Đó gọi là kích trên ứng dưới của tứ hóa phái. Đây là cách xét đơn giản và là trường hợp riêng của Phi tinh khi chỉ xét tương tác phi hóa-cung.

Phi tinh tứ hóa xét tương tác tứ hóa của đại vận với tứ hóa của nguyên bản để xét đoán cát hung (tương tác phi hóa-phi hóa). Như phần trên đã giới thiệu, phi hóa là cánh tay nối dài của cung và có thể đại diện cho cung để tương tác. Ví dụ cung tài bạch đại vận Hóa Kỵ hoặc Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung thìn. Cung tài bạch nguyên bản cũng Hóa Kỵ hoặc Hóa Kỵ chuyển Kỵ nhập cung thìn hoặc cung tuất là có chuyện xấu về tài bạch bởi vì khi đó hai Kỵ của Tài bạch nguyên bản và Tài bạch đại vận gặp nhau ở trực thìn tuất, chính là đồng cung tương bách hoặc lưỡng đầu kiến Kỵ. Cần nắm vững giao

Lộc, giao Kỵ và giao Lộc Kỵ (tức Lộc Kỵ hợp tham đồng tinh diệu) để xét đoán cát hung chính xác.

d. Tam bản thiên địa nhân:

Sắp xếp theo thứ tự lớn nhỏ của thời gian, thì chúng ta có 6 khung thời gian như sau: 120 năm (1), 10 năm (2), 1 năm (3), 1 tháng (4), 1 ngày (5), 1 canh giờ (6) (một canh giờ bằng 2 tiếng đồng hồ thời hiện đại). 120 năm chính là lá số nguyên bản, chúng ta có thể gọi là tĩnh bản hoặc nguyên bản nhưng chúng ta hiểu lá số của chúng ta quản 120 năm, sau 120 mọi thứ lặp lại từ đầu.

- Để xem toàn bộ cuộc đời, ta xem toàn bộ lá số, khung 120 năm.
- Để xem vận 10 năm, ta xem hai khung thời gian 1 (120 năm) và khung thời gian 2 (10 năm).
- Để xem vận 1 năm, ta xem ba khung thời gian 1 (120 năm), khung thời gian 2 (10 năm) và khung thời gian 3 (1 năm).
- Để xem vận 1 tháng, ta xem ba khung thời gian 2 (10 năm), khung thời gian 3 (1 năm) và khung thời gian 4 (1 tháng).
- Để xem vận 1 ngày, ta xem ba khung thời gian 3 (1 năm), khung thời gian 4 (1 tháng) và khung thời gian 5 (1 ngày).

Ba khung thời gian liên tiếp được gọi là tam bản thiên địa nhân. Trong bộ ba thiên địa nhân bất kì, bản địa là khác biệt nhất, bản thiên và bản nhân có thể kết hợp gọi là thiên nhân hợp nhất. Nói cách khác tương tác bản thiên và bản nhân là phép cộng, tương tác giữa thiên và địa là phép nhân, tương tác giữa địa và nhân là phép nhân. Bạn có thể tham khảo thêm khái niệm “cung vị trùng điệp” của tứ hóa phái để hiểu thêm về cách phối hợp tam bản tại cùng một cung địa chi (tý, Sửu, dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi).

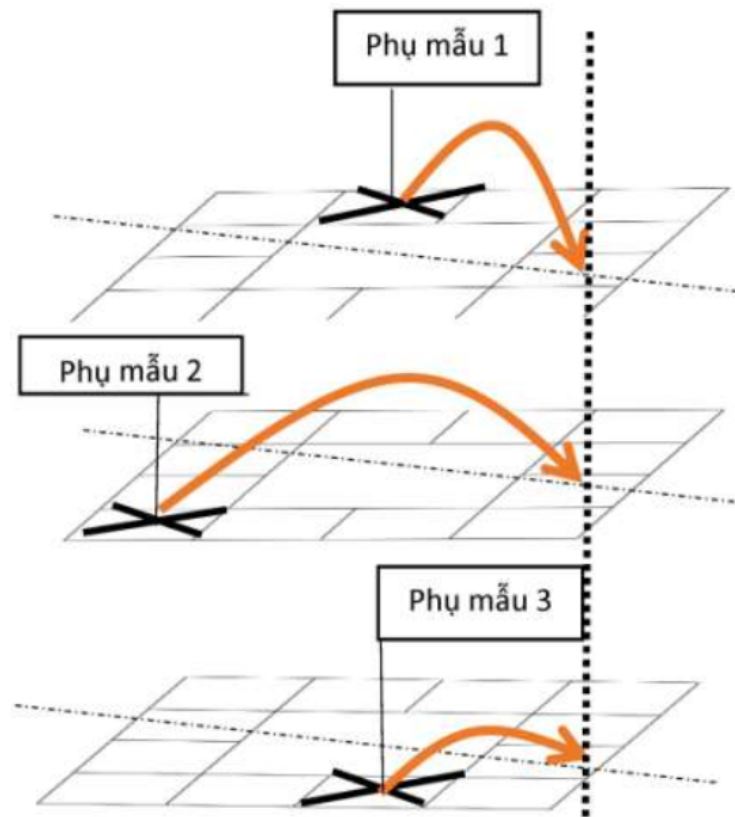
Tóm lại khi chúng ta muốn xem vận 1 năm, chúng ta thiết lập ba bản thiên địa nhân: là tĩnh bản (nguyên bản), đại vận bản, và lưu niên bản. Ba bản thiên địa nhân, mỗi bản lại có 12 cung chức khác nhau. Ví dụ lá số mới lập xong, có cung mệnh nằm ở cung địa chi là cung Ngọ. Khi đại vận đến cung Thìn thì cung mệnh đại vận là cung

thìn. Về lưu niên thái tuế, ví dụ năm 2019 Kỷ Hợi thì lưu niên thái tuế đóng ở cung hợi. Cung mệnh của năm Kỷ Hợi đóng tại cung hợi. Từ cung mệnh lập cực, ta lại có những cung chức còn lại như bào phối tử tài tật di nô quan điền phúc phụ.

e. Kết nối tam bàn đoán sự kiện:

Khi xem vận 1 năm ta phải xem ba tầng thiên địa nhân liên tiếp là nguyên bản, đại vận và lưu niên. Khi xem vận 1 tháng ta phải xem ba tầng thiên địa nhân liên tiếp là đại vận, lưu niên và lưu nguyệt. Ba bàn liên tiếp bất kì này có tứ hóa riêng. Ba bàn liên tiếp bất kì này có cung chức riêng.

Về tứ hóa, chỉ cần tứ hóa đồng tượng của ba tầng vận liên tiếp đó cộng hưởng là xảy ra sự kiện. Ví dụ ba Hóa Kỵ (Kỵ năm sinh, Kỵ đại vận, Kỵ lưu niên) của ba bàn gặp nhau ở cùng cung hoặc ở cùng trục là năm đó có chuyện xấu xảy ra ở cung đó trục đó. Về cung chức, chỉ cần ba cung đồng chức ví dụ Phụ mẫu nguyên bản, Phụ mẫu đại vận, và Phụ mẫu lưu niên Xuyên Liên giao hội Kỵ ở cùng cung (đồng cung tương bách) hoặc đồng trục (lưỡng đầu kiến Kỵ, hoặc Dụng xung phá Thể) thì năm đó có chuyện xấu về phụ mẫu (cha đẻ). Phụ mẫu gặp chuyện xấu gì thì phải lấy cung phụ mẫu lập cực và xem tiếp. Xem vận tháng thì tính tương tự cho ba bàn: đại vận, lưu niên và lưu nguyệt.



Tóm lại sự kiện xảy ra khi có sự cộng hưởng hội tụ của đồng hóa tượng và đồng cung chức của tam bản liên tiếp.

—ooOoo—

Chương 19. Phong Thủy Dương Trạch Từ Cái Nhìn Từ Lá Số Tử Vi Tứ Hóa Phi Tinh

Ngôi nhà cũng như con người. Con người cần nhập vào và xuất ra dưỡng khí, vật chất, thông tin. Hai đường xuất nhập đều cần thiết, chỉ nhập không xuất hay chỉ xuất không nhập đều không có sự sống. Xem phong thủy là xem xét các điều kiện xuất nhập để cho ngôi nhà khỏe mạnh. Ngôi nhà cho người sống gọi là dương trạch, ngôi nhà cho người chết tức mộ phần gọi là âm trạch. Tam cương của phong thủy là khí mạch, thủy khẩu và minh đường. Tam cương phong thủy cho biết nguồn năng lượng tới với ngôi nhà với cuộc đất đang xét. Khí mạch xem nguồn khí mạch. Thủy khẩu xem nơi đón nhận dòng nước chảy vào chảy ra. Minh đường là nơi đón nhận ánh sáng. Khí mạch, nước và ánh sáng là ba nguồn năng lượng của phong thủy. Sau tam cương là ngũ thường. Ngũ thường phong thủy là long chân, huyết đích, sa tú, thủy bảo và hướng vượng. Tam cương hỏng thì ngũ thường không thể tốt. Ngũ thường tốt, cần có tam cương tốt để cái tốt của ngũ thường được bền vững và khẳng định. Thuật xem phong thủy dù kì ảo đến đâu cũng không nằm ngoài tam cương ngũ thường phong thủy.

Tử vi đầu số tứ hóa phi tinh Lương phái coi Lộc Quyền là dương trong đó Lộc là thiếu dương Quyền là lão dương, coi Khoa Kỵ là âm trong đó Khoa là thiếu âm Kỵ là lão âm. Thiếu dương là dương mới sinh, âm vẫn còn dư. Thiếu âm là âm mới sinh, dương vẫn còn dư.

Trong phong thủy dương trạch, trước là dương sau là âm, ngoài là dương trong là âm, trái là dương phải là âm, động là dương tĩnh là âm. Sử dụng lá số tử vi tứ hóa phi tinh để xem dương trạch đơn giản chỉ là khớp âm dương cho hợp lý. Mỗi cá nhân có một lá số tử vi. Cá nhân đó có thời gian đặc ý của mình. Cá nhân đó có thời gian không đặc ý của mình. Cá nhân đó có không gian đặc ý của mình. Cá nhân đó cũng có không gian không đặc ý của mình. Mệnh lý chẳng qua là diễn hóa của không gian và thời gian. Thuật phong thủy dương trạch áp dụng trên lá số đánh giá dưới góc độ không gian. Cho dù bạn không dùng để xem dương trạch, thì thông qua phần này bạn cũng sẽ hiểu rõ hơn về tính chất của tứ hóa tượng Lộc Quyền Khoa Kỵ.

Âm trạch coi trọng lai long tọa sơn, dương trạch coi trọng nạp khí (qua lai lộ, khai môn và lập hướng). Lai lộ là con đường đi tới, khai môn là cửa mở, lập hướng là xem phương hướng liên quan. Trạch môn phải mở ở cát phương và lập ở cát hướng. Dương trạch lấy chữ Dương đặt trong tên gọi, cho biết coi trọng và nghiên cứu chủ yếu ở Dương, nhờ Dương mà biết về Âm. Nhờ đó mà nạp được cát khí giảm hung khí tăng phúc giảm họa. Sau khi xét nạp khí thì khí đó vào dương trạch có được lưu thông hợp lý hay không, giai đoạn này giống như thức ăn đã đi qua miệng vào cơ thể. Sau khi xét khí lưu chuyển trong dương trạch hợp lý hay không phải xét đến khi khí ra khỏi ngôi nhà có hợp lý hay không. Vì chỉ nạp không xuất là chết, mà chỉ xuất không nạp cũng chết. Xuất nạp hài hòa thì sống.

Trong dương trạch thì đường đến, cửa lớn, sân trước, phòng khách thuộc Dương, cần sôi động rộn ràng. Ngược lại cửa hậu, phòng ngủ, phòng đọc sách, nhà kho, nơi thờ cúng thuộc Âm, cần tĩnh lặng êm đềm. Cửa chính tĩnh lặng, cửa hậu có chợ búa ồn ào là đảo nghịch âm dương sớm muộn cũng có họa. Phòng khách vắng lặng tối tăm, phòng ngủ ồn ào chói chang là âm dương đảo nghịch sớm muộn cũng có họa. Dương động âm tĩnh, nên lập hướng cần tọa âm hướng dương. Lưng dựa vào núi, mặt ngoảnh ra hồ. Ngược lại lưng quay ra hồ, mặt úp vào núi là xấu. Mặt úp vào tường chính là diện bích sát hối, người ta chỉ làm khi có tội phải dừng lại, quay mặt vào tường hàm ý không giao tiếp với đời nữa, tập trung sửa

sang lỗi lầm của mình, đó là trạng thái tĩnh tại ngừng nghỉ, không phải là trạng thái hoạt động.

Tọa âm hướng dương là tọa Khoa Kỵ và hướng về Lộc Quyền. Những khu vực âm trong dương trạch nên có Khoa Kỵ, những khu vực dương nên có Lộc Quyền. Như Khoa là thiếu âm, rất phù hợp với phòng đọc sách. Kỵ là âm, rất phù hợp với phòng ngủ hoặc nơi thờ cúng hoặc kho tàng vì Kỵ là tĩnh lặng Kỵ là thu tàng cất giữ. Đường tới nhà nên nằm ở hướng có Lộc, phòng khách chỗ giao tiếp nên có Quyền. Ngược lại không nên lập hướng về nơi có Kỵ, trong tứ hóa phi tinh điều đó chẳng khác gì có Kỵ tới xung. Không khác gì đóng kín cửa ra vào, thu nhỏ con đường đến. Và đương nhiên Lộc không nên nằm ở những nơi ẩn tàng. Lộc Quyền là dương, chủ về động, nếu nằm ở những nơi ẩn tàng thì cũng giống như mở nhạc sà trong phòng ngủ.

a) Trên lá số, nơi nào có niên Lộc hoặc mệnh Lộc đều có thể dùng để lập hướng.

b) Hoặc bất cứ cung nào phi hóa Lộc Quyền nhập tam phương của mệnh tam phương (mệnh tài quan) của phúc tam phương (phúc di phú thê) của điền tam phương (điền tật bào), mà cung đó không phi Kỵ xung mệnh tam phương và điền tam phương thì đều có thể dùng để lập hướng.

c) Nếu cung nào đó có phi Kỵ hoặc Kỵ chuyển Kỵ tạo thành thể đồng cung tương bách hoặc lưỡng đầu kiến Kỵ với niên Kỵ hoặc mệnh Kỵ, thì cung đó không thể dùng để lập hướng.

d) Những cung tọa niên Kỵ, mệnh Kỵ hoặc có tự hóa Kỵ đều không thể dùng để lập hướng.

e) Dương trạch lấy trái dương phải âm, trước dương sau âm, ngoài dương trong âm. Cho nên Lộc Quyền phù hợp với bên trái với phía trước với bên ngoài, Khoa Kỵ phù hợp với bên phải với phía sau với bên trong. Các bạn cứ theo đó để tìm được phương hướng phù hợp. Bạn áp dụng thể nào thì áp dụng, âm dương hợp lý thì cát, âm dương trái khoáy thì hung.

f) Lấy cửa nhà lập thái cực đặt la bàn xem phương hướng để xác định ảnh hưởng của khu vực xung quanh như đường sá trường học bến xe chợ búa bến cảng tới ngôi nhà của mình. Khi đó toàn bộ ngôi nhà coi là một điểm và lấy cửa nhà đại diện cho điểm đó để xét tương tác với khu vực rộng lớn xung quanh. Như lầu cao, nhà cao tầng, cột cao phía xa vào phương Lộc Quyền chính là cát tinh cao chiếu chủ tốt đẹp, nếu đứng vào vị trí Khoa Kỵ chính là sát tinh xuất đầu chủ xấu. Tất nhiên, phải là công trình cao phía xa. Ở ngay sát dưới chân công trình cao thì luôn xấu, không cần xem hướng nữa.

g) Lấy tâm nhà lập thái cực để xem tương quan hướng nhà với tâm nhà, tương quan cửa nhà với tâm nhà, xem tương quan các phương vị các khu vực trong ngôi nhà với tâm nhà. Xác định vị trí tương ứng trên lá số, khởi động phi xuất tứ hóa Lộc Quyền Khoa Kỵ để xét đoán cát hung.

h) Lấy tâm từng phòng để lập hướng cửa phòng, xác định vị trí cung tương ứng, khởi động phi xuất tứ hóa Lộc Quyền Khoa Kỵ để xét đoán cát hung.

i) Những vật liên quan chuyển động như cá bơi nước chảy chuông gió nên đặt ở phương có Lộc Quyền. Những vật liên quan đến tĩnh tại như hòn đá, núi giả, bình phong, cổ vật nên đặt ở phương có Khoa Kỵ.

j) Phương Lộc Quyền phù hợp với không gian sáng rộng thoáng đãng, không khí lưu thông nhanh. Phương Khoa Kỵ phù hợp với không gian nhỏ hẹp, ánh sáng vừa phải, kín đáo, không khí lưu thông chậm.

k) Lương phái sử dụng lá số của người chủ gia đình để xét đoán cho cả gia đình. Người chủ gia đình theo Lương phái định nghĩa là bất kể già trẻ gái trai, chỉ cần là người đứng ra gánh vác gia đình thì đó là người chủ gia đình. Cho nên một khi ngôi nhà đổi chủ tức thay đổi vai trò người gánh vác, thì phong thủy ngôi nhà cũng thay đổi. Ví dụ người cha đang gánh vác thì phải đi xa công tác, khi đó người mẹ là chủ gia đình, lá số người mẹ quyết định cát hung vận khí của gia đình.

l) Dựa vào lá số của mỗi người, có thể tự suy xét mình phù hợp với hướng nào và không hợp với hướng nào. Khi đến một vùng đất hay một đơn vị mới, có thể xem mình có phù hợp với đại cục phong thủy đó hay không, và trong đại cục đó thì mình phù hợp với chỗ nào. Phù hợp là cát, không phù hợp là hung.

m) Tất cả các hướng là 360 độ, phân phối vào 12 cung, mỗi cung nắm giữ 30 độ. Chi tiết các cung được ghi trong phụ lục, hoặc bạn có thể đối chiếu với La Kinh môn phong thủy.

—ooOoo—

PHỤ LỤC TƯỢNG Ý

Bạn có nắm vững tâm pháp mà không nắm được các Tượng ý thì cũng KHÔNG BAO GIỜ luận được mệnh. Thiếu tâm pháp thì tượng ý chỉ là xác không có hồn. Thiếu tượng ý thì tâm pháp chỉ là hồn không có xác.

A. Tượng ý 12 cung chức:

Cung chức có nghĩa là cung và chức. Cung là các cung gắn với địa bàn, như cung tý sửu dần mão thìn tị ngọ mùi thân dậu tuất hợi. Chức là cung đó đóng chức năng gì, ví dụ chức năng mệnh, chức năng phụ mẫu. Cung chức là một trong ba trụ cột của tử vi (cung, tinh, tượng). Luận mệnh thiếu cung chức cũng giống như nói không có chủ ngữ, không biết ai cái gì gây ra và cũng không biết tác động vào ai cái gì.

Tam phương mệnh tài quan là ba cung cấp quản của lá số. Là tam phương của mệnh, mệnh là thái cực đầu tiên của lá số.

Tam phương điền tật huynh đệ (bào) là ba cung thu tàng của lá số. Nếu mệnh tài quan là tinh thần thì điền tật bào là vật thể. Mệnh tài quan cho biết bắt đầu, thì điền tật bào cho biết kết quả.

Tam phương phúc di phu thê (phối) là ba cung quả báo, cho biết duyên nghiệp quả báo phúc khí may rủi của đời người. Cung phúc đức là đầu mối của ba cung căn khí là phúc di và tử nữ.

Tam phương phụ tử nô là ba cung giao tế của đời người, cho biết uy tín xã hội, giao dịch, quan hệ bạn bè, quan hệ tiền bối hậu bối.

1. Cung Mệnh

Là thái cực của lá số. Có mệnh là có 11 cung chức còn lại. Không có mệnh là không có gì. Mệnh cho biết tính cách, năng khiếu, cách suy nghĩ.

Mệnh cung còn được dùng để tá bàn luận ông ngoại (phụ mẫu của mẹ (cung huynh đệ)), bà nội (mẹ (cung huynh đệ) của bố (cung phụ mẫu)), anh em trai thứ nhất của bố (có nghĩa là người thứ nhất trong số những anh em trai của bố, nếu bố là con trưởng thì đây là chú kế tiếp bố, nếu bố là con thứ thì đây là bác cả).

2. Cung Huynh Đệ

Xem về anh em. Xem về tích góp, tiết kiệm, tài khoản tiền mặt gửi ngân hàng, kết tiền. Xem thành tựu sự nghiệp (nhất lục công tông với cung sự nghiệp).

Là cung khí số vị của tật ách, xem về sức khỏe của cơ thể.

Cho biết khái quát đời sống vật chất, mức độ chi tiêu.

Tá bàn luận về con gái đầu, mẹ đẻ, anh em trai thứ hai của bố, bố vợ/ chồng (cung phụ mẫu của phu thê).

Anh em trai thứ nhất của bản thân, nghĩa là trong số anh em trai của mình thì đây là người lớn tuổi nhất, nếu mình là trưởng nam thì đây là em trai thứ hai, nếu mình là thứ nam thì đây là anh cả.

3. Cung Phu Thê

Xem hôn nhân, tình duyên với người khác giới.

Xem đại vận đầu tiên, sử dụng cung phu thê phối hợp với các cung lưu niên vì cung phu thê là tử tức của phụ mẫu, hồi nhỏ phải sống dựa vào phụ mẫu.

Phu thê là phúc đức của tài bạch, dùng để xem may mắn về tiền bạc. Tá bàn luận lục thân về khí số vị của thiên di xem vận khí may rủi xuất ngoại, nhà bếp, tài bạch của anh em trai thứ nhất, tài bạch của mẹ đẻ.

4. Cung Tử Tức

Xem về con cái.

Xem về thuộc hạ, cấp dưới, tùy tùng, học trò, đàn em.

Xem về cảnh đời lúc về già.

Xem về tình cảm sau hôn nhân (cung đứng sau cung phu thê theo chiều ngược kim đồng hồ trên lá số). Tuy nhiên khi xem tái hôn, vẫn cần lấy cung phu thê là chính, cung tử nữ chỉ mô tả hình dáng tính cách của người hôn phối thứ hai mà thôi chứ mỗi quan hệ vợ chồng vẫn do cung phu thê quy định.

Năng lực tình dục, vì là phúc đức của tật ách: hưởng thụ của cơ thể.

Là một trong ba cung căn khí, có quan hệ nhất lục cộng tông với phúc đức.

Xem di chuyển đi lại dịch mã vì là cung thiên di của điền trạch.

Tá bàn luận lục thân về chị em dâu (thê của huynh đệ), mẹ vợ/chồng (huynh đệ (còn là mẹ) của phu thê), xem về người cậu thứ hai (anh em trai của mẹ).

5. Cung Tài Bạch

Xem về cách kiếm tiền, năng lực kiếm tiền, quản lý và sử dụng tiền mặt.

Xem sức khỏe của phụ mẫu (tật ách của phụ mẫu).

Xem về con trai thứ hai.

Xem về người cậu thứ ba (anh em trai của mẹ)

Phòng trọ, nhà trọ, khách sạn (điền trạch của nô bộc, nô bộc của điền trạch).

6. Cung Tật Ách

Cơ thể, hình dáng.

Là phần thực thể của mệnh, mệnh là tinh thần thì tật là vật chất (nhất lục cộng tông).

Xem sức khỏe, xem thói hư tật xấu.

Cửa hàng, cơ quan công tác, môi trường công tác (điền trạch của quan lộc).

Tá bàn luận lục thân cho các cung khác như con dâu con rể (phu thê của tử nữ).

Xem cách đối xử quan hệ với bạn bè, phù hợp loại bạn bè giao hữu nào (phúc đức của giao hữu).

7. Cung Thiên Di

Xem quan hệ xã hội, danh tiếng xã hội, quan điểm giao tiếp, địa vị xã hội.

Xem xuất ngoại, di chuyển.

Xem trải nghiệm của cuộc đời.

Là một trong ba cung căn khí (phúc tử di) xem phúc khí và tài hoa.

Xem cách dùng tiền của vợ/ chồng. Qua đó cũng cho biết sang hèn của mệnh tạo. Đây chính là sang vì vợ.

Con trai đầu của con trai mình (tử tức của tử tức).

Sân trước nhà, minh đường (điền của điền).

8. Cung Giao Hữu (nô bộc)

Xem thực tế đời sống hôn nhân (nhất lục cộng tông với phu thê).

Xem sức khỏe và cơ thể của vợ/ chồng (tật ách của phu thê).

Uy tín xã hội của mẹ của anh em trai (thiên di của huynh đệ).

Xem năng lực cạnh tranh thi đua (quan lộc của phụ mẫu, phụ mẫu chủ bằng cấp văn thư).

Xem về làm việc thiện, tu nhân tích đức (điền của phúc, nơi thu giữ phúc đức)

Xem bàn thờ, linh đường, nơi thờ cúng trong nhà (điền của phúc).

9. Cung Quan Lộc

Xem công việc, nghề nghiệp chuyên môn, năng lực quản lý, quyền chức.

Xem tình cảm ngoài hôn nhân (thiên di của phu thê).

Xem hương hỏa mộ phần của tổ tiên (phúc của phúc).

Thư phòng, thư viện, phòng đọc sách (điền trạch của phụ mẫu, phụ mẫu của điền trạch).

10. Cung Điền Trạch

Xem về đất đai nhà cửa, nguyên quán, quê hương. Điền trạch là cung thu tàng, là nhất lục cộng tông với tài bạch, cho nên là nơi tụ

tài, chủ tài sản có giá trị lớn.

Xem công việc của anh em trai, công việc của mẹ (quan của huynh đệ).

Xem năng lực giao tiếp và mối quan hệ bạn bè của vợ/ chồng (nô của phu thê).

Xem về họ hàng xa.

Xem về ngoại tình, hàm ý cung phu thê của giao hữu (vợ/ chồng của bạn bè).

11. Cung Phúc Đức

Mệnh là tâm, tật là thể, thì phúc là linh.

Xem hưởng thụ tinh thần, đam mê, sở thích, hứng thú, năng lực EQ.

Duyên nợ, khả năng tu dưỡng hóa giải nghiệp quả. Xem tuệ căn, tuệ giác.

Phòng ăn trong gia đình.

Tá bàn luận lục thân xem về ông nội (phụ mẫu của phụ mẫu).

Xem về tài nguyên, môi trường kiếm tiền (thiên di của tài bạch).

12. Cung Phụ Mẫu

Cha mẹ, duyên với cấp trên, người cao tuổi.

Xem về bằng cấp học hành thi cử.

Xem về hình ảnh nhân phẩm dưới con mắt xã hội, bằng khen, danh hiệu gia đình văn hóa, dưới con mắt người đời (thiên di của tật ách).

Xem về quê hương gia tộc của vợ/ chồng (điền của phu thê).

Xem về phúc đức của mẹ mình (phúc của huynh đệ).

Xem về giao dịch tài chính với bạn bè, cho vay tín dụng, bốc bát họ (tài bạch của giao hữu).

B. Lộc quyền khoa Kỵ

Hóa Lộc tượng ý là: phát sinh, có duyên, vui thích.

Hóa Quyền tượng ý là: tráng thịnh, quản lý, khống chế, thành tựu.

Hóa Khoa tượng ý là: văn chất, lý trí và ôn hòa.

Hóa Kỵ tượng ý là: khiêm tàng, chấp trước và ra sức.

C. 18 tình diệu Sáu loại tình diệu:

a. Tà dâm tình: Tham Lang, Liêm Trinh. Tà và dâm, liên quan những chuyện bất chính. Nếu cùng với Thái Âm hoặc Cự Môn xuyên liên đa Kỵ, không có tượng Kỵ xuất thì chỉ nghĩ chứ không dám làm. Nếu xuyên liên đa Kỵ và lại có Kỵ xuất thì tâm tà bất chính mà có hành động biểu hiện ra ngoài.

b. Hoa đào tình: Tham Lang tình là Chính đào hoa tình, coi trọng tình thần tình dục và quan hệ xác thịt. Liêm Trinh là thứ đào hoa chủ nhục dục.

c. Thiên tài tình: Phá Quân thiên tài tình đứng đầu. Thứ nhì là Tham Lang, tiếp theo là Liêm Trinh. Thiên tài có hai loại: Vừa là thiên môn thiên tài, là rách giới rơi xuống, phạm là đầu cơ, đánh bạc, trúng số độc đắc đều là tính chất của thiên tài tình (kiếm tiền bằng cách dị biệt). Hai là nỗ lực ít nhưng thu lợi nhiều, ví như doanh nhân, chủ xí nghiệp, quan cao Lộc đầy, trường kỳ vững vàng đầu tư.

d. Ích thọ tình: Thiên Lương là ấm tình, chưa chết đã được phong thần, mà trải qua trăm trận lại không chết. Thiên Đồng là phúc tình. Tham

Lang là con Hồ Ly tu hành ngàn năm, dâm đẳng giỏi pháp thuật ma mị, chiêu dụ lấy lòng người.

e. Tài hoa tình: Tham Lang thiên hướng tay nghề kỹ thuật chuyên nghiệp. Liêm Trinh cũng là tài hoa, là ca múa kỹ nghệ.

f. Tôn giáo tình: Nói về tu hành thì Tham Lang là tu hành thuần theo kiểu Đạo gia, thầy lang vườn, bói mệnh tướng số, ngũ thuật tu tập. Thiên Lương là tôn giáo bản địa, ở Trung Hoa Trung Quốc là phật giáo, Thiên Lương là ấm tình, chủ huyền học tôn giáo, cũng là y dược thuốc men bản địa, thuốc men có nguồn gốc từ thiên nhiên. Thiên Cơ là mệnh lý, phật hiệu, thiên môn. Cự Môn là ngoại lai tôn giáo, ngoại lai y dược.

—ooOoo—

Chương 20. Tượng Ý 18 Tinh Diệu

A. Tử Vi

Ngũ hành: Kỷ thổ.

Phong Thần bảng nhân vật: Bá ấp Khảo, con trưởng của Chu Văn Vương, giỏi cổ cầm, tư cách tôn quý, khí chất ưu nhã, là một mỹ nam tử.

Tử vi là sao đứng đầu tử vi tinh hệ, là chủ tinh của tử vi viên, là vì đầu tiên bị lên bảng Phong Thần, cư bắc đầu, còn xưng là Trung thiên Đế tọa, chủ tôn quý cao thượng (trên thực tế chân chính đế tinh là Phá Quân Trạ Vương).

Chế hóa giải ách, Tiêu tai duyên thọ. Vốn là thọ tinh. (bởi vì không có hóa Lộc, chỉ có hóa Quyền cùng khoa, thực chất tác dụng không lớn).

Tính chất riêng:

1. Hiếm quý cổ điển. Châu báu hột xoàn. Bầu trời đầy tinh tú. Gia cụ cao cấp. Nhà cao tầng. (có tính chất tôn quý cao thượng)
2. Tinh vi, cao quý, vật phẩm đắt tiền. Máy vi tính.

Tử vi tứ hóa: Nhâm quyền, ất khoa.

Ất tử vi hóa Khoa: Mệnh cung ất tử vi hóa Khoa nhập phụ mẫu, thiên di, hoặc sinh niên tử vi hóa Khoa làm phụ mẫu, thiên di (khoa xuất), người này khí chất nhất định cao thượng ưu tú nho nhã thoát tục.

Nhâm tử vi hóa Quyền: Mệnh cung nhâm tử vi hóa Quyền nhập thiên di, hoặc sinh niên tử vi hóa Quyền tọa thiên di, người này năng lực tốt, sức quan sát nhạy cảm, làm việc tình rất quyết đoán, không giận mà cũng có uy. Nhưng cuối cùng cũng là lực bất tòng tâm, bởi vì sao? Chúng ta biết hóa Quyền là đại biểu năng lực của ta, hóa Lộc là cơ duyên, là sân khấu, bởi vì tử vi sẽ không hóa Lộc, cho nên tử vi quyền không có bất kỳ cung vị hóa Lộc lai hội, bởi vậy không có sân khấu mà phát huy, cho nên giống như Bá Ấp Khảo bị hãm hại mà tuổi trẻ mất sớm đầy uất hận.

Mệnh cung nhâm tử vi hóa Quyền nhập phúc đức, ta là người chịu chơi, sẵn sàng chi trả mua hàng hiệu cao cấp.

B. Thiên Cơ

Ngũ hành: Ất mộc

Phong Thần bảng nhân vật: Khương Thượng, Khương Thái Công, quân sư của Chu Văn Vương quân sư. Ngôi sao tính toán, hóa khí là Thiện và Trí. Bày mưu tính kế. Khương Thái Công tự phong là môn thần.

Tính chất riêng:

1. Khương Thái Công là quân sư, cho nên vừa thông minh phản ứng bén nhạy, đối nhân xử thế cũng đầy trí tuệ. Giỏi về suy nghĩ mưu tính lên kế hoạch sắp xếp trù bị. Mệnh cung, phúc đức cung có Thiên Cơ hóa Lộc, hay thay đổi, nhưng không thực tế; mệnh cung, phúc đức cung Thiên Cơ hóa Kỵ, hay để tâm vào chuyện lặt vặt.

2. Cơ Lương là thiện ấm, chủ huyền học, tôn giáo, Thiên Cơ là thiện tinh, Thiên Lương là ấm tinh. Cho nên chủ thiên định, minh tướng, triết học, mệnh lý, niệm Phật.

3. Khương Thái Công tự phong là môn thần, thời cổ môn là cửa gỗ, cửa gỗ luôn xoay tròn, cho nên là dịch mã tinh, chủ di chuyển, biến động. Nhưng còn phải phối hợp dịch mã cung (thiên di cung).

4. Khương Thái Công tự phong là môn thần, thời cổ môn là cửa gỗ, trên dưới trục cửa gỗ có một cái chén gỗ, cửa gỗ luôn xoay tròn, cho nên Thiên Cơ còn có nghĩa là động cơ là ổ trục, là những vật có ổ trục bên trong, động cơ, xe taxi, quỹ đạo, công nhân lao động giản đơn, ga ra, nơi bảo dưỡng xe ô tô, máy cơ khí nhỏ.

5. Ứng ở thân thể: Gân cốt (ất mộc, mộc đối ứng ngũ tạng là gan, là gân, tinh thần, hệ thần kinh, tay, ngón chân, lông. Đau nhức, mất ngủ, thần kinh suy nhược, tinh thần hao tổn yếu, bệnh tâm thần.

Ất mộc, xuyên liên đa Kỵ là bị thương tay, ngón tay, ngón chân chi thương hoặc lông tóc có vấn đề. Cũng là bệnh về gân cốt sẽ tạo thành gân cốt đau nhức hoặc tuần hoàn máu kém, chân tay tê buốt.

- Thiên Cơ + Văn Khúc: đái buốt.
- Thiên Cơ + Vũ Khúc: thần kinh toạ.
- Thiên Cơ + Văn Xương hoặc Văn Khúc: bệnh Parkinson run tay run chân.
- Thiên Cơ lại chủ tư duy, lý giải hoặc trí nhớ, xuyên liên đa Kỵ lại khổ vì trí nhớ khổ vì suy tính.
- Thiên Cơ + Văn Xương hoặc Văn Khúc: mất ngủ, u buồn.
- Thiên Cơ + Cự Môn + Văn Xương hoặc Văn Khúc: ngất xỉu, hoảng hốt, tự mình hại mình, tự sát. Nếu tạo thành xuyên liên nhiều Kỵ lại gặp một trong ba tượng Kỵ xuất cũng dễ bị trí nhớ kém tinh thần quái dị.
- Thiên Cơ + Cự Môn hoặc Thái Âm: Đóng ở thiên di hoặc Tử nữ hóa tượng dễ gặp chuyện máy móc xe cộ trục trặc thậm chí là tai nạn giao thông.

6. Hoa cỏ, cây thân mềm, bonsai.

Ất Thiên Cơ hóa Lộc, bính Thiên Cơ hóa Quyền, đinh Thiên Cơ hóa Khoa, mậu Thiên Cơ hóa Kỵ.

Mệnh cung ất Thiên Cơ hóa Lộc nhập bất kỳ cung nào, đại biểu TA có ý niệm suy nghĩ và tính toán về cung đó với ý tốt và tích cực lạc quan.

Phúc đức cung ất Thiên Cơ hóa Lộc nhập bất kỳ cung nào, đại biểu ta yêu mến yêu thích và hay suy nghĩ tới cung này. Nhất là hóa Lộc nhập tử nữ (văn bối, tiểu bối) thì đó là thiện niệm là từ ái.

Mệnh cung mậu Thiên Cơ hóa Kỵ nhập bất kỳ cung vị, đại biểu TA đối với cung vị đó suy nghĩ khá là cứng nhắc và ngây ngô.

Phúc đức cung mậu Thiên Cơ hóa Kỵ nhập bất kỳ cung vị, đại biểu TA đối với cung đó dễ tâm chấp nhất vào chuyện vụn vặt. Nếu xuyên liên 2 Kỵ trở lên, tất có xoi mói, nghĩ xấu, hiểu lầm. Nếu phúc đức cung mậu Thiên Cơ hóa Kỵ nhập tử nữ, dễ vì yêu thương mà cứng chiều thái quá con cái.

Phúc hóa Thiên Cơ khoa, dễ yêu thích tôn giáo, không màng chuyện đời.

C. Thái Dương

Ngũ hành: Bính hỏa.

Trong Phong Thần bảng chính là nhân vật Tỳ Can, trung thần của Trụ Vương.

Tính chất riêng: quang minh lỗi lạc, khoan hồng độ lượng, bác ái.

Giải thích:

1. Ánh sáng mặt trời soi rọi thiên hạ, chủ quang minh, bác ái, vô tư, chủ chính trị.
2. Mặt trời mọc mặt trời lặn, chủ Dịch mã, bận rộn rộn rã.
3. Mây dịch, điện thoại, vẽ truyền thần, hình ảnh, thông tin, TV, máy vi tính hệ thống.
4. Đại biểu nguồn sinh lực, điện lực, biến áp, máy phát điện, thiết bị điện cỡ lớn. Dầu mỏ, mô-tơ, động cơ.
5. Ứng ở thân thể: Chủ đầu, trái tim, mắt. Bệnh chứng là đau đầu, ngất xỉu, bệnh tim, huyết áp, trúng gió, tắc động mạch, những bệnh chủ về tim và máu.
6. Chủ cha, chồng và con trai.

Luận tật bệnh:

Lấy thiên nhiên nói, mặt trời là trung tâm của Thái Dương hệ, ứng ở thân thể là hệ thần kinh, trái tim. Thái Dương lại chủ quang minh lỗi lạc cho nên cũng đại biểu cho mắt.

Xuyên liên nhiều Kỵ dễ bị đau đầu, cao huyết áp, xuất huyết não, trụ tim.

Hoặc là mắt có tật khúc xạ, quáng gà, đục thủy tinh thể, tăng nhãn áp. Nếu tạo thành Xuyên liên nhiều Kỵ lại gặp một trong ba tượng Kỵ xuất đều có thể tạo thành nhược thị hoặc bị mù. Nếu xuyên liên đi qua Thái Âm thì càng khẳng định là như vậy.

Tứ hóa: Canh Thái Dương hóa Lộc, tân Thái Dương hóa Quyền, giáp Thái Dương hóa Kỵ.

Nếu Thái Dương tọa tính cách cung vị như mệnh tật phúc hóa Lộc Kỵ thì người này rất thích chính trị. Nhưng muốn làm chính trị, phải có Hóa Quyền tới đồng tinh diệu giao hội thì dễ trở thành chính khách danh giá, bởi vì Thái Dương chủ danh vọng.

Nếu luận về nghề nghiệp mưu sinh bình thường thì Thái Dương chủ mậu dịch, điện thoại, vẽ truyền thần, thông tin truyền thông, TV, máy vi tính. Cũng thuộc về dịch mã, đại biểu bên ba bên rón.

D. Vũ Khúc

Ngũ hành Tân kim.

Là nhân vật Chu Vũ vương trong truyện Phong thần. Là chính tài tinh, chủ tài bạch, tính cách cương nghị chính trực, nhưng cô độc.

Đại biểu ngân hàng, tài chính, vàng bạc, tiền giấy, tiền xu, tổ chức mua sắm, kế toán, xuất nhập khẩu, thuế vụ.

Có thể kinh doanh công nghiệp nhẹ liên quan đến kim loại.

Ứng ở thân thể: Chủ lồng ngực, phổi, mũi, hàm răng, xương cốt, sỏi.

Vũ Khúc, ngũ hành thuộc tân kim, chủ hô hấp khí quan (kim - phát ra âm thanh) lồng ngực, phổi, mũi, răng, xương, móng tay cho đến Kết sỏi (kim - vật cứng). Phàm là ho lâu ngày, lao phổi, phổi tích nước, Viêm phổi, thậm chí nghiêm trọng như Ung thư phổi, ung thư xương hoặc ung thư vú (hội Liêm Trinh, Cự Môn Kỵ càng rõ hơn). Hoặc là loãng xương, Gãy xương, răng lợi, sỏi mật, sỏi thận, sỏi bàng quang, sỏi ống dẫn niệu.

Nếu tạo thành xuyên liên đa Kỵ lại có tượng Kỵ xuất thì có khả năng bị gãy vỡ răng cửa, hoặc bị vẩu lệch răng cửa.

Hội Cự Môn, Liêm Trinh: Ung thư phổi, ung thư xương hoặc ung thư vú.

Vũ Khúc tứ hóa: Kỵ Lộc, canh quyền, giáp khoa, nhâm Kỵ.

Tính cách cung vị (mệnh cung, Tật ách cung, phúc đức cung) hóa nhâm Vũ Khúc Kỵ, dễ ăn chay (thích ăn chay và tự nguyện ăn chay). Nhâm là thiên can thứ chín là cực dương, dương cực thì sinh âm, người sắp chết thì lời nói lương thiện, Thiên Lương hóa Lộc, là ấm tinh chủ tôn giáo huyền học. Dương nhiên tin tôn giáo và Thiên Lương Hóa Lộc ăn chay rất tự nhiên và vui vẻ.

Phúc nhâm hóa Vũ Khúc Kỵ, dễ cố chấp ở tiền tài (Vũ Khúc chính tài tinh), dễ yêu tiền thái quá, nhất là phúc hóa Kỵ nhập thu tàng

tam phương đặc biệt là rất keo kiệt, như vắt cổ chà ra nước.

Phúc nhâm hóa Vũ Khúc nhập giao hữu tam phương, thì tình nguyện chia sẻ với bên ngoài, coi trọng bổ thí. Hoặc Vũ Kỵ nhập thiên di cũng có tượng ý như vậy bởi vì thiên di là xã hội.

Vũ Khúc + Thất Sát, là tổ hợp kim loại có hình khối lớn, nếu như điền trạch hai bên trái phải như sự nghiệp hoặc phúc đức tọa tổ hợp Vũ Khúc + Thất Sát thì nhà để ở bên cạnh đường ray xe lửa, hoặc tháp sắt, xưởng luyện thép, công xưởng có máy kim loại cỡ lớn.

E. Thiên Đồng

Ngũ hành Nhâm thủy.

Là nhân vật Chu Văn Vương trong truyện Phong Thần. Hóa khí là phúc. Thiên Đồng là phúc tinh, là ích thọ tinh.

1. Văn vương giỏi bói toán, vốn chủ quái lý cho đến phương vị học (la bàn, phong thủy, dương trạch học, âm trạch học).
2. Thức ăn ngon (phúc tinh, và Hóa Lộc đều chủ có Lộc ăn), công việc liên quan ẩm thực, câu lạc bộ.
3. Bệnh viện lớn.
4. Nhâm thủy là dương thủy chủ dòng chảy lớn như kênh mương lớn, sông hồ, hệ thống cung cấp nước, nước dùng cho nấu ăn.
5. Nghề phục vụ.
6. Ở cơ thể người là đường tiết niệu (nhâm thủy), hệ tiêu hóa, hệ thống miễn dịch, nội tiết, tai (Cự là mồm, Đồng là tai, Đồng Cự đồng cung là mồm ở gần tai cho nên hãm địa), bệnh sa ruột, đái rắt, viêm ruột thừa.
7. Là Thọ tinh, Phúc tinh, chủ Hệ tiêu hoá Tham ăn, ruột non ruột già, chướng bụng, đi tả, táo bón, viêm dạ dày, ung thư ruột (hội Liêm Cự Kỵ), bệnh ngán ăn. Phúc tinh cũng chủ những bệnh về hệ thống miễn dịch, kháng thể, nội tiết. Nhâm thủy chủ dương thủy là nước chảy, chủ bàng quang, đường tiết niệu. Bởi vì Thiên Đồng là phúc tinh, nếu như xuyên liên hợp trình đa Kỵ, dễ phát sinh tai nạn lớn có tính nguy hiểm cao (hội Liêm Trinh Kỵ) phải phẫu thuật. Mặt khác, Thiên Đồng cũng chủ lỗ tai hàm ý thính lực cho nên cũng liên quan tới bệnh câm điếc (hội Cự Môn Kỵ).

Đại tràng ung thư, trực tràng ung thư, ung thư các tuyến, ung thư bạch huyết: Thiên Đồng hóa Kỵ xuyên liên Liêm Trinh + Cự Môn.

Câm điếc: Thiên Đồng hóa Kỵ xuyên liên Cự Môn.

Tai nạn lớn phải giải phẫu: Thiên Đồng hóa Kỵ xuyên liên Liêm Trinh.

Cự Môn là từ dạ dày trở lên đến miệng trong lúc có dạ dày, thực quản, yết hầu, khoang miệng.

Thiên Đồng quản từ dạ dày môn vị đến hậu môn trong đó có tá tràng, ruột non, đại tràng, trực tràng, hậu môn.

Thiên Đồng nhâm thủy, chủ bệnh liên quan đường tiết niệu, từ bàng quang đến niệu đạo.

Thái Âm, Văn Khúc quý thủy, quản từ thận đến bàng quang trong đó có ống dẫn niệu.

Thiên Đồng tứ hóa: Bính Lộc, đinh Quyền, canh Khoa.

F. Liêm Trinh

Ngũ hành Đinh hỏa. Trong bảng Phong Thần là nhân vật Phí Trọng, thần tử của vua Trụ. Hóa khí là tù, thứ đào hoa.

Tù tình, phạm tội, gian tà, thị phi tranh chấp. Quan phi, tổ tụng, hóa đơn phạt. Quân cảnh, pháp luật.

Sách cổ nói: Nam lang thang, nữ đa dâm. Ưa gần tửu sắc, nhục dục tà dâm. Uống rượu lê la, quán bar hộp đêm, âm nhạc giải trí tiêu khiển.

Âm nhạc, ca vũ, tài nghệ (cũng là Tài hoa tình).

Thiên tài, đánh bạc, đầu cơ. Thiên tài tình có hai ý: một là chính quy thiên tài tình là sau khi nỗ lực thì thu hoạch cũng lớn, ví dụ như doanh nhân thương gia nhà sản xuất; loại thứ hai là thiên môn thiên tài tình (bàng môn dị lộ) như đánh bạc đầu cơ (không khuyến khích sử dụng).

Ứng ở nhân thân: Đinh nhân chủ máu, dễ bệnh phụ nữ, ngoài ý muốn, kinh nguyệt, giải phẫu, vết đao, bị phỏng, nhiễm trùng, trúng độc, ung nhọt độc, ung thư.

Tự hóa Lộc, dễ chảy máu. Tự hóa Quyền, dễ ứ máu xanh đen (Liêm Trinh không hóa Quyền cho nên chỉ cần tinh diệu đồng cung hóa Quyền là tính). Tự hóa Kỵ, dễ nội thương.

Chất có hại, thuốc lá thơm.

Máy vi tính, tủ lạnh, máy giặt quần áo, máy điều hoà nhiệt độ cơ, đồ điện gia dụng.

Luận tật bệnh: Liêm Trinh, ngũ hành thuộc đinh hỏa, chủ thân thể hư hỏa, nhiễm trùng, nóng rần lên, lở loét. Hỏa là màu đỏ, cổ cũng chủ Máu, Kinh nguyệt, cho đến máu bệnh Máu hư, Băng huyết, Máu nồng, Máu nhiệt, Tuần hoàn không ổn đến lúc nhiễm bệnh. Liêm Trinh vốn thuộc hỏa, vốn chủ ham mê mỗi ngon sắc dục hái hoa đại ven đường, nếu xuyên liên đa Kỵ tất thành hung họa. Hít

thuốc phiện, Chất có hại, Túng dục (hội Tham Lang Kỵ thì càng chắc chắn là như vậy). Đương nhiên cũng có thể nghĩa rộng là thức đêm, ăn uống không hợp lý mà trong cơ thể sinh ra độc tố hoặc bị nhiễm độc từ bên ngoài vào (hội Cự Môn Kỵ), Trúng độc, Uống thuốc độc (hội Cự Môn, Thiên Cơ Kỵ), Bị bỏng (hội Thái Âm Kỵ), Bệnh hoa liễu (hội Cự Môn Kỵ). Khó trị nhất là Bệnh ung thư (hội Cự Môn Kỵ), là độc tố tích lũy dồn nén lâu ngày mà sinh bệnh; Bệnh ung thư là bệnh nan y, tất nhiên cần Xuyên Liên hợp trình ít nhất bốn Kỵ trở lên. Chú: mệnh cung, tật ách, phúc đức tọa hoặc hóa Liêm Trinh hoặc Tham Lang hợp trình song Kỵ trở lên dễ ham mê sa đà vào những thú vui trần tục phồn thực. Liêm Trinh tứ hóa: Giáp Lộc, bính Kỵ Mệnh, Tật ách, phúc hóa Liêm Trinh Kỵ, thì ta là người cố chấp về chuyện tình cảm. Hóa Liêm Trinh Lộc là người đa tình. Nếu là mệnh, Tật ách, phúc đức xuyên liên vừa có Lộc vừa có Kỵ, thì người đó có xu hướng tình ái bắt cá hai tay.

G. Thiên Phủ

Ngũ hành Mậu thổ.

Trong truyện Phong Thần là nhân vật Khương thái hậu, người vợ hiền đức của Trụ Vương.

Tính chất là Lộc khố (kho Lộc). Biểu tượng của đại địa.

1. Có thể chăn nuôi, nuôi trồng, sơn sản, thổ sản (thí dụ như nấm hương, măng, khoai lang, mộc nhĩ, cây lạc, đông trùng hạ thảo).
2. Hình tướng đẹp. Nữ mệnh khả năng thích may, dệt len sợi, trang điểm.
3. Ở cơ thể người là tỳ, dạ dày (thuộc thổ).

Thiên Phủ không có tứ hóa, bởi vậy khi luận mệnh ít khi dùng đến.

H. Thái Âm

Ngũ hành Quý thủy.

Trong truyện Phong Thần nhân vật đại biểu là Cổ phu nhân người vợ xinh đẹp hiền thực của Hoàng Phi Hổ.

Tính chất đặc biệt: Sạch sẽ dịu dàng, Ngọc khiết băng tâm. Tượng người mẹ vun đắp xây dựng tổ ấm, chủ về điền trạch đất đai nhà ở gia đình.

Nhập điền trạch kiến Kỵ, coi trọng tiền tài (điền trạch là Tài Bạch nhất lục cộng tông), phòng ở sạch sẽ.

Vận thàng rơi vào Thái Âm, chủ Dịch mã.

Chủ du ngoạn, khách sạn lớn, nghề cho thuê (phòng xép, tắc xi, xe du lịch).

Đẹp, sạch sẽ: Đồ trang điểm, đồ vệ sinh cá nhân. Trang sức, dụng cụ chỉnh hình, làm mặt, làm tóc.

Ở cơ thể là: Kinh nguyệt của người nữ, mắt, da.

Gia cụ, sàng, hàng hiệu cao cấp, lên xe xuống ngựa, biệt thự cao cấp, sản phẩm hóa học.

Chủ mẹ, vợ và con gái.

Phi tinh tứ hóa:

- Đinh Thái Âm hóa Lộc, mậu Thái Âm hóa Quyền, canh Thái Âm hóa Kỵ, quý Thái Âm hóa Khoa, ất Thái Âm hóa Kỵ.

Luận tật bệnh: Thái Âm ngũ hành thuộc quý thủy, quý thủy là âm thủy, đại biểu bàng quang, hệ thống tiết niệu. Thái Âm là ánh trăng, là kinh nguyệt ở người nữ, Hội Liêm Kỵ thì có bệnh. Thái Âm chủ Đẹp, mà cũng đại biểu Bệnh ngoài da (hội liên Kỵ), Trang điểm dung nhan có vấn đề. Đứng ở Quả báo cung vị (nghĩa rộng là thể giới vô hình) tạo thành chứng bệnh Trúng tà, Âm sát (hội cự Kỵ) gây rắc rối phiền phức. Ánh trăng là vật sáng, luận ở thân thể là mắt,

xuyến liên đa Kỵ thì cận thị hoa mắt quáng gà, đục tinh thể, tăng nhãn áp (hội Nhật Kỵ), các tật về thu nhận hình ảnh ở mắt Đa Kỵ xuyến liên ở thiên di hoặc phụ mẫu (Kỵ xuất), hoặc đa Kỵ lại gặp Lưu Xuất Kỵ (Kỵ xuất nhập đối cung), bản cung tự hóa Kỵ xuất cũng tạo thành mắt kém, mắt mờ (hội Nhật Kỵ lại càng khẳng định).

I. Tham Lang

Ngũ hành Giáp mộc (khí thuộc giáp mộc, thể thuộc quý thủy). Trong Phong Thần bảng chính là nhân vật đại biểu: Đất kĩ, Hồ ly nghìn năm tuổi. Tên gọi Đào hoa tinh (quý thủy). Chủ tu luyện (giáp mộc), hóa khí (tu hành) (đạo gia công phu). Tu hành Tham Lang là tu hành kiểu hồ ly chồn cáo, đạo pháp cao nhưng thiên về ma mị lừa người.

Tính chất:

- Chủ cảm tình, rượu, sắc giới. Sinh hoạt cá nhân phóng túng, Hoa đào, Trộm cắp.
- Thiên tài tinh (Lộc, quyền), Tham dục, Đánh bạc, đầu cơ.
- Giáo hóa chi thủy (cổ chi thẻ tre, sách — giáp mộc chế tác), dễ là người làm công tác Lão sư, Văn giáo, Văn hóa thông tin thể thao và du lịch.
- tài nghệ, văn học, nghệ thuật (đồ cổ), nghệ phẩm, nấu nướng, xảo nghệ.
- Ngũ thuật — sơn, y, mệnh, tướng, xem bói, võ thuật, thuật dưỡng sinh, thần tiên thuật, đạo gia tu hành Công phu.
- Cây to, là vạn vật Căn cơ, Căn bản (chú: Nhân bản là: Giáo dục. Trách bản là: Vật liệu xây dựng. Vật bản là: Nguyên liệu).
- Sợi chỉ, nguyên liệu gỗ, vật liệu xây dựng, nguyên liệu, quan tài.
- Thọ tinh (con hồ ly ngàn năm tuổi) (mừng đóng ở các cung chỉ Thọ — tý ngọ thìn tuất) (chú: Tý, ngọ, định vị thiên địa. Thìn, tuất, là thiên la địa võng.)
- Là biểu hiện Tinh, khí, thần của hành động, khi làm việc.

Ứng ở nhân thân: Chủ gan, thận, chân cẳng. Giáp mộc, ở nhân thể chủ bắp đùi (Hậu thiên bát quái của Tham Lang là quẻ Tốn trong Kinh Dịch, quẻ Tốn chủ bắp đùi, gan, Thận, xuyên liên đa Kỵ tất dẫn tới các tật về chân, Bệnh viêm gan, xơ gan, Ung thư gan (hội Liêm Trinh Kỵ), Bệnh thận, Bệnh gút (hội Thiên Cơ Kỵ), Tiểu

đường (hội Liêm Trinh Kỵ) hoặc Viêm nhiễm đường tiết niệu (hội Liêm Trinh Kỵ).Tham Lang thuộc thận, thận hư thì Û tai, rụng tóc, hồng răng, Thắt lưng đầu gối cảm giác vô lực, Mỏi eo đau lưng, Tinh thần uể oải, Dương suy, Lạnh cảm, và bệnh phụ khoa (với người nữ) (hội Liêm Trinh Kỵ).Tham Lang cũng chủ tửu sắc, Xuyên Liên đa Kỵ đề phòng Túng dục (hội liên Kỵ), thận hư, uống rượu tới mức sinh bệnh.

Chỉnh lý: Sinh bệnh nhất định là hóa Kỵ, có liên quan tới sáu cung chủ sức khỏe (Tật ách, mệnh cung, phúc đức, thiên di, tử nữ, huynh đệ)

- Ung thư gan: Tham Lang + Cự Môn + Liêm Trinh
- Bệnh gút: Tham Lang + Thiên Cơ
- Bệnh tiểu đường: Tham Lang + Liêm Trinh
- Viêm đường tiết niệu: Tham Lang + Liêm Trinh + Văn Khúc
- Bệnh phụ khoa: Tật ách ở cung Tử nữ, Tham Lang + Liêm Trinh (nhiễm trùng)
- Túng dục quá độ: Tính cách cung vị (mệnh cung, Tật ách, phúc đức) tọa hoặc đa Kỵ xuyên liên Tham Lang or Liêm Trinh Kỵ. Nếu như lại còn xuyên liên với Thái Âm hoặc Cự Môn, có thói quen sinh hoạt xấu.

J. Cự Môn

Quý thủy. Trong Phong Thần bảng chính là nhân vật Mã Thiên Kim: người vợ ác độc tai quái của Khương Tử Nha. Cự Môn là con yêu quái răng nhọn, là ám diệu chủ nghi Ky, nghi hoặc, thị phi. Tại thiên là phẩm vạn vật, tại địa là ty ngũ cốc.

Tính chất:

- Hóa Ky, chủ tiểu nhân, thị phi, khẩu thiệt, nghi Ky, nghi hoặc, lòng nghi ngờ ám quỷ, tà niệm, ngoài ý muốn, tai nạn xe cộ.
- Tà thuật, quỷ mị, thần đàn, miếu nhỏ, nghĩa địa công cộng, nấm mồ, ngõ hẹp, phá trạch, ngã ba đường, cống ngầm, cống thoát nước. Mạt chược (ngày xưa lấy xương động vật làm quân bài).
- Gia môn, môn hộ, hộ khẩu, hộ tịch.
- Công nhân không có bằng cấp, người hành nghề nhưng không có bằng cấp chứng chỉ, mật y (chữa bệnh bằng thần chú), kê đồng (xem bói bằng vu thuật đồng thầy), phù tiên (bùa chú thần tiên), địa lý sư, thầy bà, tà thuật, trộm cắp, băng nhóm lừa đảo.
- Thuốc tây, trạm xá.
- Đồ ăn vặt, ưa thích ăn uống, ăn uống ngon miệng, sành ăn (Cự Môn là ngôi sao phẩm vạn vật).
- Đường sắt, vận tải, xe tải, xe ô tô hàng nội địa (không phải hàng cao cấp).

Ở cơ thể người: Thực quản, dạ dày, nhọt độc, ung thư, bệnh mãn tính, ăm sặc thuốc (thuốc cho bệnh mạn tính), trúng tà, âm khí.

Ám diệu, chủ Thuốc tây, Thuốc duyên, Ấm sặc thuốc, dễ là Bệnh mãn tính, Trường nhọt độc, Bệnh ung thư (hội Liêm Trinh Ky).

Cự Môn phẩm vạn vật đại biểu Miệng cùng Dạ dày, Xuyên liên đa Ky chủ Khoang miệng có tật, Ngôn ngữ cản trở, Câm điếc (hội Thiên

Đồng Kỵ) Bệnh bao tử.

Đóng ở thiên di hoặc tử nữ hóa tượng dễ sản sinh Sự cố ngoài ý muốn, tai nạn xe cộ (hội Liêm Trinh Kỵ), Trúng tà, Mê muội (hội Thiên Cơ Kỵ).

Đóng ở mệnh cung, tật ách, phúc đức Xuyên Liên đa Kỵ dễ tạo thành Trầm cảm, Tự mình hại mình, Tự sát (hội Thiên Cơ, Văn Xương, Văn Khúc Kỵ).

Cự Môn bản chất vốn là ám diệu, cho nên cũng dễ Bệnh lặp đi lặp lại, Bệnh nhẹ nhưng dai dẳng mãi không khỏi.

Tự sát: Cự Môn, Thiên Cơ, Văn Xương, Văn Khúc.

Trúng tà, mê muội: Cự Môn, Thiên Cơ.

Sự cố ngoài ý muốn, tai nạn xe cộ: Thiên di, tử nữ, Tật ách xuyên liên, Cự Môn, Liêm Trinh.

Bệnh ung thư: Cự Môn, Liêm Trinh - Câm điếc: Cự Môn, Thiên Đồng.

Tứ hóa: Tân Lộc, quý quyền, đình Kỵ.

Tính chất đặc biệt:

- Cự Môn là bàng môn tả đạo, cho nên luận là Tây y, thuốc tây, trạm xá, người lao động không có bằng cấp, giang hồ thuật sĩ.

K. Thiên Tướng

Ngũ hành: Nhâm thủy.

Trong truyện Phong Thần là nhân vật Văn thái sư, trung thần của Trụ Vương. Hóa khí là ấn, chủ quyền, chủ quan chức.

Chủ y thực (áo cơm), hàm ý tước vị.

Tính chất:

1. Thác nước, suối phun (không phải nước có thể ăn uống được).
2. Xem tay, xem tướng mặt, xem tướng xương, xem nhà ở, xem mộ phần, xem tướng động vật như ngựa chó.
3. Đồ ăn ngon tinh xảo
4. Người hoà giải.
5. Thọ tinh.

Vì Thiên Tướng không có tứ hóa tượng, cho nên trong Phi tinh ít khi dùng.

L. Thiên Lương

Ngũ hành: Mậu thổ.

Trong truyện Phong Thần là nhân vật: Thác tháp Thiên vương Lý Tịnh, là chủ soái, trải qua trăm trận không chết, là ẩm tinh, là Thọ tinh.

Tính chất:

1. Ẩm tinh, còn gọi là phụ mẫu tinh, lão đại tinh. Quan viên, cảnh vệ, cục điều tra, quân nhân.
2. Thuốc có nguồn gốc thực vật, thuốc đông y, trung y (hội Tham Lang), y viện (Thọ tinh).
3. Cây to (ẩm tinh), lâu cao, biệt thự, khu căn hộ cao cấp.
4. Thanh cao, có phong cách, có đạo đức, cây trúc, lá trà, cây hoa lan.
5. Hay nói quá sự thật. Sách cổ nói: Thiên Lương Hóa Lộc ở thiên di, buôn to bán lớn.
6. Cổ phiếu, chứng khoán, vé xổ số, nghề bảo hiểm (ẩm tinh).
7. Thọ tinh.

Chỉnh lý:

1. Tử vi, Thiên Tướng, Thiên Đồng, Thiên Lương, Tham Lang đều là ích thọ tinh chủ trường thọ. Trừ Tham Lang thuộc thiên tài tinh ra còn lại đều là chính tài tinh. Nhập mệnh cung chủ không phát đạt lúc trẻ tuổi¹.
2. Thiên Lương hội Tham Lang: Nếu xuyên liên cung căn khí (cung Phúc Tử và Di), dễ tập dưỡng sinh. Sử dụng thuốc Đông y. Dễ học tập trung y, mệnh lý, tôn giáo bản địa, triết học.
3. Thiên Lương là lão đại tinh, tọa phu thê hoặc Phu thê hóa Thiên Lương Lộc, dễ lấy chồng vợ già. Các tổ hợp Hóa Kỵ khác như Thiên Cơ, Cự Môn, Thái Dương, Thái Âm thì cũng lấy cưới người già.

4. Phụ thể tọa hoặc hóa Thái Âm, Tham Lang, Liêm Trinh Lộc thì cưới người trẻ tuổi.

M. Thất Sát

Ngũ hành: Canh kim.

Trong truyện Phong Thần chính là nhân vật: Hoàng Phi Hổ, dũng tướng của Trụ Vương, về sau hàng nhà Chu. Hóa sát vi Quyền. Là sao Túc sát, liên quan đến tử vong. Chủ dũng mãnh quả quyết.

Tính chất:

1. Khủng bố, đáng sợ, răn, rết, bò cạp, loài bò sát.
2. Quân nhân, cảnh sát, quân đội (Túc sát).
3. Xe lửa, ca nô, sân bay, trạm xe lửa, quân khu.
4. Máy móc công nghiệp, kim loại khối lớn, công nghiệp nặng như luyện thép đóng tàu.
5. Luyện kim.

Không có tứ hóa nên ít sử dụng trong phi tinh.

N. Phá Quân

Ngũ hành: Quý thủy.

Trong Phong Thần bảng chính là nhân vật bạo chúa Trụ vương, Thương triều mặt đại Hoàng đế. Chủ phá hao hư tổn.

Tính chất:

1. Nước biển lớn, chủ thủy sản, hải sản.
2. Vận tải, vận tải biển, kho hàng, quầy hàng, xe container, xe tải lớn.
3. Đồ chơi, sản phẩm tiêu hao, tay chơi, nghề kiến trúc.
4. Chợ, bán hàng rong, chợ đêm, khu náo nhiệt.
5. Kho chứa đồ, đồng rác. Công trường xây dựng.

Tứ hóa: Quý Phá Quân hóa Lộc, giáp Phá Quân hóa Quyền.

Phá Quân mới chính là đế vương tinh, cho nên chỉ có hóa Lộc quyền, không có hóa Kỵ. Là đệ nhất thiên tài tinh.

O. Tả Phụ

Ngũ hành: Mậu thổ.

Là sao trợ thiện.

1. Bí thư, tham mưu, phụ tá.
2. Tả hữu là xoay chuyển, xoay sở, hòa giải.

Tứ hóa: Hóa Khoa, chủ yếu sử dụng khi mô tả tính cách.

P. Hữu Bật

Ngũ hành: Quý thủy.

Là sao trợ thiện, sao quý nhân.

1. Thiện giải, cơ trí, truyền lệnh.
2. Giải quyết tranh chấp, khả năng xoay sở.

Tứ hóa: Hóa Khoa, chủ yếu sử dụng khi mô tả tính cách.

Q. Văn Xương

Ngũ hành: Tân kim.

Chủ khoa bảng thanh danh.

1. Chính thống văn học. Văn chương, thư tịch.
2. Chi phiếu, khế ước, giấy chứng nhận, quà tặng, sợi chỉ, bút, văn phòng phẩm.
3. Công tác hộ lý, tiêm chủng, giải phẫu.
4. Ở cơ thể người là: Nhánh khí quản, thanh đới, phát ban, tinh thần, hệ thần kinh.
5. Dịch mã tinh (sao an theo giờ, biến hóa nhanh), chủ biến động.

Tứ hóa: Bính Văn Xương hóa Khoa, tân Văn Xương hóa Kỵ.

Văn Xương là sao an theo giờ, vốn chủ thần kinh não trạng. Xuyên liên nhiều Kỵ cũng tạo thành trí nhớ kém, mất ngủ, u buồn, nóng nảy, âm ức, (hội Thiên Cơ), hoảng hốt.

Thuần âm kim, cho nên chủ viêm khí quản, thanh đới. Hội Liêm Kỵ dễ phải nhập viện phẫu thuật hay tiêm chủng.

Ngoài ra cũng liên quan tới tàn nhang, da đồi mồi. Thiên Cơ + Văn Xương: thần kinh suy nhược hoặc mắc bệnh về tinh thần.

Tay chân run rẩy, bệnh Parkinson: Thiên Cơ, Văn Xương, Văn Khúc.

Trí nhớ kém, năng lực kém, ngơ ngẩn, lơ đãng: Thiên Cơ, Văn Xương, Văn Khúc, lại có tượng Kỵ xuất.

(Tham khảo thêm các tượng liên quan ở mục Thiên Cơ).

R. Văn Khúc

Ngũ hành: Quý thủy.

Chủ tài hoa.

1. Các loại sách văn học, sách tạp lục, tiểu thuyết, tạp chí.
2. Cách cục tốt thì ăn nói tốt, gặp Hóa Kỵ thì ăn nói lời nhai.
3. Nhân duyên tốt, quảng giao, chuyện tình cảm khá phong phú.
4. Đường tiết niệu, tinh thần, hệ thần kinh.
5. Dịch mã tinh (sao an theo giờ, biến hóa thay đổi nhanh), chủ biến động.

Tứ hóa: Tân Văn Khúc hóa Khoa, Kỷ Văn Khúc hóa Kỵ

Văn Khúc là sao an theo giờ vốn chủ thần kinh não trạng. Xuyên liên nhiều Kỵ dễ tạo thành trí nhớ kém, mất ngủ, lo âu, (hội Thiên Cơ Kỵ), hoảng hốt, cà lăm.

Thuần âm thủy, đại biểu bàng quang cho đến đường tiết niệu, xuyên liên đa Kỵ có thể mắc chứng tiểu buốt đái rắt (hội Tham Lang, Thiên Cơ Kỵ).

Tiểu độc, nhiễm trùng niệu đạo (hội Liêm Kỵ).

Cà lăm, lời nhai: Văn Khúc + Cự Môn

Thần kinh não: Văn Xương, Văn Khúc (sao an theo giờ).

Trí nhớ kém, mất ngủ, u buồn, ức chế, hoảng hốt: Văn Xương, Văn Khúc, Thiên Cơ.

Nước tiểu độc suy thận: Tham Lang, Liêm Trinh, Văn Khúc, Thái Âm.

Tham khảo tượng ý liên quan ở mục sao Thiên Cơ.

—ooOoo—

Chương 21. Vận Dụng Tứ Hóa

A. Hóa Lộc năm sinh (niên Lộc)

1. Mệnh cung tọa sinh niên Lộc:

Mệnh cung chủ suy xét, tinh thần, tâm tình phản ứng, cũng là giao hữu Tật ách.

Sinh niên Lộc là có phúc bẩm sinh.

Lộc suy lý Tượng nghĩa: Sinh sôi, hữu duyên, vui sướng.

Mệnh cung tọa sinh niên Lộc, có suy xét linh hoạt, tinh thần thường tốt, người này lạc quan, thông tình đạt lý, suy nghĩ thông suốt. Giao tế quan hệ đương nhiên tốt (giao hữu Tật ách tọa Lộc).

2. Huynh đệ cung tọa sinh niên Lộc:

Huynh đệ cung chủ duyên huynh đệ, thành tựu sự nghiệp (sự nghiệp Tật ách luận sự nghiệp quy mô, Tài Bạch điền Trạch luận tiền gủi ngân hàng), thể chất (là Tật ách của sự nghiệp luận sự may rủi cho thân thể)

Huynh đệ tọa sinh niên Lộc, biểu thị ta cùng với tình huynh đệ có duyên, huynh đệ thường cảm thông cho ta. Thành tựu sự nghiệp của ta có tín hiệu tốt, nếu nỗ lực phấn đấu dễ thành công, cho dù sự nghiệp đổ vỡ cũng dễ gây dựng lại, ta có thiên khiếu phát triển sự nghiệp, thể chất tốt.

3. Phu thê cung tọa sinh niên Lộc:

Phu thê cung chủ phối ngẫu đích tình duyên, tình duyên với người khác phái, có phúc tài (là phúc đức của Tài Bạch), gia đạo nhất lục cộng tông (là điền trạch của Tật ách).

Phu thê cung tọa sinh niên Lộc, ta cùng với người phối ngẫu tình duyên nồng hậu, người phối ngẫu thông cảm và thấu hiểu cho ta. Ta có phúc duyên với người khác phái. Nếu phu thê cung cùng với tài cung xuyên liên đa Lộc quyền, lại có thiên tài tinh (Phá Quân, Tham Lang, Liêm Trinh) giao nhau, dễ được người khác phái trợ giúp mà phát tài. Xuyên liên với điền trạch đa Lộc quyền thì gia đạo hưng thịnh.

4. Tử nữ cung tọa sinh niên Lộc:

Tử nữ cung chủ tử nữ tình duyên (văn bồi, thuộc hạ, cấp dưới), duyên hợp tác trong công việc làm ăn, khỏe mạnh (nói về năng lực tình dục).

Tử nữ cung tọa sinh niên Lộc, ta cùng với con cái có duyên lành, phẩm chất của con cái cũng tốt. Năng lực tình dục của ta tốt, nếu xuyên liên đi qua các sao đào hoa như Liêm Tham cần đề phòng phóng túng quá độ mà sinh bệnh.

5. Tài Bạch cung tọa sinh niên Lộc:

Tài Bạch cung chủ tiền mặt, cho biết cách thức kiếm tiền, trạng thái kiếm tiền dễ hay khó. Tài Bạch tọa sinh niên Lộc, có duyên kiếm tiền mặt duyên hảo, suốt đời không thiếu tiền chi tiêu, kiếm tiền dễ dàng, thu nhập tốt. Luận về cách thức kiếm tiền cần xem thêm các thông tin phối hợp, không thể chỉ dựa vào phi hóa đã vẽ đoán, nhưng dù sao tài bạch có sinh niên Lộc cũng là một dấu hiệu rất thuận lợi. Nhưng tài bạch không cho biết tài sản tích lũy mà chỉ cho biết thu nhập. Thu nhập cao chưa chắc đã tích lũy được nhiều. Tài sản tích lũy phải xem cung điền.

6. Tật ách cung tọa sinh niên Lộc:

Tật ách cung chủ thân thể (hình thể, khỏe mạnh, tật bệnh), gia đạo nhất lục cộng tông (điền trạch sự nghiệp), nơi công tác (sự

nghiệp điền trạch), ở chung (tiếp xúc trên thân thể).

Tật ách tọa sinh niên Lộc, thân thể hữu phúc, thân thể khỏe mạnh có da có thịt chứ không gầy còm xanh xao. Gia vận tốt (cung tật là khí số vị của cung điền). Nơi công tác rộng rãi thoải mái. Tâm tính tốt, tật là cung giao hữu của phúc thể hiện sự giao tiếp bằng cảm xúc, sự thông cảm và lòng trắc ẩn đối với người khác.

7. Thiên di tọa sinh niên Lộc:

Thiên di cung chủ xã hội gặp gỡ, năng lực xử thế ứng đối, sự di chuyển đi lại.

Thiên di cung tọa sinh niên Lộc, giao tiếp xã hội tốt, ra ngoài thường gặp quý nhân. Xử thế không câu nệ cố chấp, thích hợp quan hệ xã hội, có vẻ bề ngoài thân thiện lịch sự. Nếu thiên di xuyên liên với Tật và Điền hợp trình nhiều Lộc Quyền là người thường xuyên di chuyển đi lại, đi xa và đi lâu. Nếu Thiên Di với Tử nữ và Phụ mẫu xuyên liên thì lại là đi lại nhanh chóng rồi quay về, hành trình đi lại cũng không xa. Tử nữ là thiên di của điền trạch, còn Phụ mẫu là thiên di của tật ách chủ cơ thể, cả hai cung đều có hàm ý là bên ngoài. Bản Tật hay Điền bị xuyên liên cùng di thì đương nhiên sự đi lại nghiêm trọng hơn cho nên di chuyển đi lại nhiều xa và lâu.

8. Giao hữu tọa sinh niên Lộc:

Giao hữu cung chủ duyên giao tế gặp gỡ, thi cử cạnh tranh (cung quan của phụ mẫu, phụ mẫu chủ danh hiệu bằng cấp giải thưởng), cũng chủ sự làm việc thiện tích phúc đức (là phúc đức của điền trạch là là điền trạch của phúc đức tức nơi tích phúc, kho tàng của phúc đức).

Giao hữu tọa sinh niên Lộc, nhân duyên hảo, thường có bạn tốt, cạnh tranh thi đấu dễ thắng cuộc hơn người có cung Giao hữu xấu. Mặt khác cũng là người chịu khó hành thiện tích phúc. Tật cả các lãnh tụ cách mạng quần chúng đều có cung Giao hữu tốt, ví dụ như Grandhi hay Tôn Dật Tiên.

9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên Lộc:

Sự nghiệp cung chủ trạng thái làm việc, phương thức kiếm tiền, vận khí.

Sự nghiệp tọa sinh niên Lộc, trạng thái làm việc rất thuận lợi trôi chảy. Xem cụ thể cách thức kiếm tiền cần lưu ý tham khảo các thông tin khác trên lá số mới có thể dự đoán chính xác. Nhưng dù sao có niên Lộc ở cung sự nghiệp tất nhiên công việc thuận lợi. Nhưng có thành tựu hay không phải xem tam phương điền tậ bào là các cung thành quả của đời người, đặc biệt bào là cung sự nghiệp của tậ ách cho biết trực tiếp thành tựu sự nghiệp.

10. Điền trạch cung tọa sinh niên Lộc:

Điền trạch cung chủ gia đình, tài sản, hoàn cảnh sinh hoạt.

Điền trạch tọa sinh niên Lộc, không khí gia đình đầm ấm vui vẻ hòa thuận. Kinh tế thu nhập chi tiêu của gia đình cũng tốt. Hoàn cảnh sinh hoạt cũng tốt.

11. Phúc đức cung tọa sinh niên Lộc:

Phúc đức cung (năm chữ Linh trong thần linh) chủ tinh thần linh tính linh mẫn của đời người, chủ đam mê tinh thần, năng lực xử thế EQ, cũng cho biết người đó thích cái gì thích điều gì. Phúc đức là tổng hợp của thiên thiên phúc và hậu thiên đức. Đức là việc tốt mình làm hàng ngày, về sau đức sẽ chuyển thành phúc. Phúc khí vô hình này có thể bảo vệ bản thân mình, và truyền đời cho con cháu mình. Còn việc tốt (Đức) là chuyện hữu hình chỉ có thể kể lại chứ không thể truyền như phúc khí.

Phúc đức tọa sinh niên Lộc, tinh thần thường an lạc vui vẻ, không câu nệ chấp nhất, nhưng dễ ham hưởng lạc, dễ úi xui và không phù hợp với những công việc đòi hỏi tỉ mỉ chính xác. Tuy nhiên phúc dày thì hay gặp may mắn vô hình, gặp sự cố thường có quý nhân giúp đỡ.

12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên Lộc:

Phụ mẫu cung chủ phụ mẫu tình duyên (trưởng bối, thủ trưởng, người già), đọc sách bằng cấp học tập, trí thông minh IQ, chủ việc

giao dịch tài chính với bạn bè với người khác (vì phụ mẫu là cung Giao hữu của Tài bạch).

Phụ mẫu tọa sinh niên Lộc, có duyên tốt với người lớn tuổi hoặc cấp trên. Thông minh ham học may mắn trong học hành thi cử.

Có duyên giao dịch tiền mặt với người khác nên có thể làm nghề cho vay, làm tín dụng.

B. Hóa Quyền năm sinh (niên Quyền)

1. Mệnh cung tọa sinh niên quyền:

Mệnh cung chủ suy xét, tinh thần, tâm tình phản ứng vị, cũng là giao hữu Tật ách.

Sinh niên quyền là bẩm sinh có sức lực, có nghị lực, có chí khí. Thiếu Hóa Quyền thì nhiều Hóa Lộc cũng chỉ là phù phiếm lạc quan tếu mà thiếu nghị lực và ý chí vượt khó để đi đến thành công.

Quyền suy lý Tượng nghĩa: Tráng thịnh (POWER), năng lực quản lý và thu tóm, thành tựu.

Thái độ là tích cực, nghị lực kiên cường, nhưng đề phòng thái quá thành thô bạo.

Mệnh cung tọa sinh niên quyền, ý chí mạnh mẽ nên đầy tự tin, có chủ kiến, có năng lực, bởi vậy dễ dàng chủ quan kiêu ngạo. Cần đề phòng tính cách kiêu ngạo, luôn tự cho mình là đúng, tự cao tự đại, thiếu khiêm tốn và tinh thần cầu thị học hỏi, hay áp đặt lên người khác.

2. Huynh đệ cung tọa sinh niên quyền:

Huynh đệ cung chủ tình duyên với anh em, thành tựu sự nghiệp (sự nghiệp Tật ách luận quy mô thành tựu hữu hình của sự nghiệp ví dụ như sáng tạo ra bóng đèn sáng tạo ra điện thoại đánh đuổi giặc ngoại xâm, thành tựu sự nghiệp này là hữu hình và có thể gọi tên kể chuyện được chứ không vô hình chủ khuynh hướng năng khiếu như cung sự nghiệp, là cung Tài Bạch của điền trạch nên có thể luận thực lực kinh tế rồi tiền gửi ngân hàng), luận thể chất (Tật ách sự nghiệp luận thân thể khí số vị).

Huynh đệ cũng là cung thành tựu sự nghiệp, Hóa Quyền cũng chủ thành tựu, cho nên gặp nhau càng rõ nét.

Huynh đệ cung tọa sinh niên quyền, huynh đệ có tự tin, có chủ kiến, tích cực trong sự nghiệp. Người đó là người có thành tựu sự

nghiệp, về kinh tế thu nhập cũng rất thành công, nếu sự nghiệp có thất bại thì cũng dễ dàng tái khởi nghiệp.

Thế chất tốt, nhưng nếu xuyên liên với đào hoa tinh như Tham Lang hóa Quyền thì thận khí khỏe mạnh, có thể là người hào sắc cũng có thể không (chỗ này cần thêm thông tin mới có thể kết luận).

3. Phu thê cung tọa sinh niên quyền:

Phu thê cung chủ tình duyên với người phối ngẫu, tình duyên với người khác phái, có may mắn về tiền bạc (phúc đức Tài Bạch), gia đạo nhất lục cộng tông (điền trạch Tật ách).

Phu thê cung tọa sinh niên quyền, phối ngẫu có tự tin, có chủ kiến.

Ta cũng có duyên nhờ người khác phái mà được việc. Hóa Quyền tọa phu thê đương nhiên chiếu cung Sự nghiệp hàm ý sự nghiệp cũng dễ phát triển và có thành tựu. Nếu xuyên liên với những cung chủ tài đi qua thiên tài tinh (Phá Quân, Tham Lang, Liêm Trinh) hợp trình đa Lộc Quyền thì dễ được vợ chồng giúp hoặc người khác phái giúp đỡ mà phát tài.

4. Tử nữ cung tọa sinh niên quyền:

Tử nữ cung tọa sinh niên quyền, con cái ta có ý chí có tự tin, dễ thành công sự nghiệp, có chủ kiến, nhưng hơi bướng và khó bảo. Khỏe mạnh (Nếu đắc hoa đào tinh tọa quyền, là sinh dục khỏe, đề phòng phóng túng ăn chơi quá độ).

5. Tài Bạch cung tọa sinh niên quyền:

Tài Bạch tọa sinh niên quyền, có thu nhập tốt, có kỹ năng chuyên nghiệp, dễ làm chuyên môn để kiếm tiền.

Tiền mặt khi có có nhiều, khi tiêu tiêu nhiều, đề phòng tiêu pha quá độ mà mất cân đối thu chi.

6. Tật ách cung tọa sinh niên quyền:

Tật ách tọa sinh niên quyền, thân thể khỏe mạnh có sức sống, ưa vận động, tật ách có Hóa Quyền khi phát bệnh sẽ phát rất nhanh. Gia vận tốt vì cung tật là khí số vị của cung Điền. Nơi công tác rộng rãi sáng sủa nhưng có nhiều áp lực.

7. Thiên di tọa sinh niên quyền:

Thiên di cung tọa sinh niên quyền, năng lực quan sát tốt, hành sự quả quyết, tính cách quyết đoán. Có uy tín và được xã hội tin phục ủng hộ. Xuất ngoại hay gặp quý nhân. Năng lực xử thế tốt, thích hợp khai sáng dẫn đầu, phù hợp với công việc lãnh đạo tạo dựng. Hội thêm Hóa Lộc thì xử thế không câu nệ và cũng bớt nghiêm túc lạnh lùng. Hay phải di chuyển đi lại. Đi gần hay xa đi lâu hay mau cách xem giống như mục thiên di tọa sinh niên Lộc.

8. Giao hữu tọa sinh niên quyền:

Hay giao lưu đi lại với người có chức có quyền. Có năng lực cạnh tranh tốt. Làm việc thiện tích đức rất hăng hái năng nổ.

9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên quyền:

Sự nghiệp tọa sinh niên quyền, năng lực làm việc cường, dễ thành công. Là người tích cực sáng tạo trong công việc. Có năng lực quản lý chỉ đạo tốt. Dễ là người làm việc có chuyên môn sâu. Có duyên làm việc với các cơ quan công quyền hành chính pháp lý.

10. Điền Trạch cung tọa sinh niên quyền:

Điền trạch tọa sinh niên quyền, dễ có thành tựu tài sản nhờ quyền lực. Bản thân có ý thức tích cực xây dựng gia sản, xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái. Thường là người chủ gia đình hoặc người có tiếng nói trong gia đình.

11. Phúc đức cung tọa sinh niên quyền:

Phúc đức tọa sinh niên quyền, tinh thần ý chí mạnh mẽ, cho nên cá tính hiếu thắng, tính áp đặt cao. Dễ xa xỉ lãng phí vì xung tài bạch.

Gặp phụ mẫu, thiên di phi hóa Lộc tới thì thích phô trương khoe khoang phù phiếm.

12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên quyền:

Phụ mẫu tọa sinh niên quyền, cha mẹ là người mạnh mẽ, có chức quyền, có uy tín và địa vị xã hội. Vì cung phụ mẫu chủ học hành thi cử bằng cấp cho nên người đó khá thông minh nghị lực, giỏi các môn khoa học tự nhiên. Nếu có thêm hóa Lộc để cùng người giao dịch tiền bạc, có thể làm tín dụng công. Cung phụ mẫu cũng là uy tín xã hội của người đó. Phụ mẫu Hóa Quyền cũng có hàm ý người này có uy tín xã hội nhưng dễ kiêu căng tự đắc. Khi thi cử đề phòng sai sót do chủ quan. Hành xử với người lớn tuổi có thể bị hiểu nhầm là vô lễ.

C. Hóa Khoa năm sinh (niên Khoa)

1. Mệnh cung tọa sinh niên khoa:

Sinh niên khoa bản chất là hài hòa, là khéo thu xếp.

Khoa suy lý Tượng nghĩa: Văn chất, lý trí, hòa hoãn.

Thái độ của Hóa Khoa là dĩ hòa vi quý không muốn mất lòng ai, thiếu quả quyết rạch ròi.

Mệnh cung tọa sinh niên khoa, làm gì cũng suy xét, tính cách ôn hòa, biểu hiện nho nhã thanh tú, tâm khí bình hòa.

2. Huynh đệ cung tọa sinh niên khoa:

Huynh đệ tọa sinh niên khoa, biểu thị huynh đệ văn chất ôn hòa thanh tú.

Sự nghiệp bình ổn. Đời sống vật chất cơm gạo mắm. Điền trạch tam phương luận điều kiện đời sống vật chất với thái độ.

Thể chất trung bình, sinh bệnh thì gặp thầy gặp thuốc, Khoa tuy là quý nhân nhưng quý nhân này có bệnh mới giúp chữa trị. Khác với Hóa Khoa, quý nhân kiểu Hóa Lộc thì may mắn hơn, thường là tránh được tai họa từ ban đầu.

3. Phu thê cung tọa sinh niên khoa:

Phu thê cung tọa sinh niên khoa, người phối ngẫu của ta văn chất ôn hòa thanh tú. Lý trí tâm tư tình cảm đều bình ổn, ít khi mãnh liệt cuồng xé, nếu hội thêm Lộc thì lãng mạn.

4. Tử nữ cung tọa sinh niên khoa:

Tử nữ cung tọa sinh niên khoa, con cái ta có tính cách ôn hòa thanh tú, lợi việc học tập thi cử bằng cấp. Bản thân ta cũng khó dính vào những chuyện tình ái ong bướm bên ngoài.

5. Tài Bạch cung tọa sinh niên khoa:

Tài Bạch tọa sinh niên khoa, thu nhập thường thường bậc trung, liệu cơm gạo mắm. Thường là người kiếm tiền bằng văn hóa tri thức.

6. Tật ách cung tọa sinh niên khoa:

Tật ách cung chủ thân thể (hình thể, khỏe mạnh, tật bệnh), gia đạo nhất lục cộng tông (điền trạch sự nghiệp), nơi công tác (sự nghiệp điền trạch), ở chung (tiếp xúc trên thân thể).

Tật ách tọa sinh niên khoa, vóc người trung bình không quá cao không quá thấp. Gặp bệnh thì hay gặp thầy gặp thuốc. Ghi nhớ rằng Khoa tuy có năng lực giải họa nhưng là năng lực giải cứu khi đã xảy ra chuyện.

7. Thiên di tọa sinh niên khoa:

Thiên di cung tọa sinh niên khoa, ra ngoài dễ gặp quý nhân, có danh tiếng xã hội.

Xử thế ứng đối thái độ ôn hòa khiêm cung lễ độ. Thoạt nhìn là có khí chất, cử chỉ nho nhã.

8. Giao hữu tọa sinh niên khoa:

Giao hữu tọa sinh niên khoa, bạn bè giao lưu nhiều người thuộc giới tri thức khoa học. Bản thân cũng thích giao lưu với những người như vậy. Cung giao hữu chủ sự cạnh tranh, có Hóa Khoa sức cạnh tranh không cao.

9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên khoa:

Sự nghiệp tọa sinh niên khoa, tính chất công tác bình ổn. Dễ làm công ăn lương. Làm công việc có chuyên môn.

10. Điền trạch cung tọa sinh niên khoa:

Điền trạch tọa sinh niên khoa, người đó dễ sinh ra ở gia tộc có truyền thống học hành, bản thân người đó về sau cũng dễ có thành tựu cuộc đời về khoa học nghệ thuật. Quan hệ đối xử trong gia đình

hài hòa hạnh phúc. Kinh tế gia đình bình thường, chi tiêu liệu cơm gạo gạo.

11. Phúc đức cung tọa sinh niên khoa:

Phúc đức tọa sinh niên khoa, coi trọng đời sống tinh thần tâm linh, là người không màng danh lợi, suy nghĩ nhẹ nhàng thanh thản, không ham lợi ích vật chất. Ưu những công việc nhàn nhã ổn định, ít cạnh tranh.

12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên khoa:

Phụ mẫu tọa sinh niên khoa, phụ mẫu văn chất ôn hòa thanh tú. Bản thân là người có tu dưỡng, khí chất tốt, giao tiếp ôn hòa, thi cử thuận lợi, có duyên với bằng cấp.

D. Hóa Kỵ năm sinh (niên Kỵ)

1. Mệnh cung tọa sinh niên Kỵ:

Mệnh cung chủ suy xét, tinh thần, tâm tình phản ứng, cũng là cung Giao hữu của Tật ách.

Sinh niên Kỵ ở đâu thì trách nhiệm nghĩa vụ duyên nợ của ta nằm ở đó.

Kỵ suy lý Tượng nghĩa: Liễm tàng, chấp nhất, nỗ lực.

Kỵ thái độ là chuyên chú, dễ dẫn phát ngũ độc (Tham, sân, si, nghi, mạn).

Cách các để giảm bớt tác động xấu của Kỵ: Thả lỏng, từ bi hỉ xả, bố thí tạo phúc, mở rộng cái nhìn từ nhiều phía để tránh thiên kiến, cực đoan.

Mệnh cung tọa sinh niên Kỵ, cách suy nghĩ máy móc cứng nhắc, cố chấp, sẵn sàng xúc phạm người khác khi không vừa ý. Tính cách như vậy cho nên đương nhiên cô độc lẻ loi, ít người cảm thông và thấu hiểu, thậm chí dễ gây thù chuốc oán không đáng có vào thân. (mệnh là cung giao hữu của Tật ách lại tọa Kỵ).

2. Huynh đệ cung tọa sinh niên Kỵ:

Huynh đệ tọa sinh niên Kỵ, biểu thị ta cùng với anh em duyên mỏng, anh em ta không cảm thông với ta. Mặc dù ta nỗ lực phấn đấu nhưng sự nghiệp gian nan, thu nhập kinh tế dù giàu nghèo cũng đều khó khăn (cần xem Lộc Quyền phi hóa mới biết được cụ thể chính xác thành tựu cao thấp). Về sức khỏe (bởi vì huynh đệ là cung khí số vị của tật ách) nếu Xuyên Liên đi qua Tham Lang hoặc Liêm Trinh hợp trình nhiều Kỵ thì sức khỏe sinh lý khá kém, thận khí yếu.

3. Phu thê cung tọa sinh niên Kỵ:

Phu thê cung tọa sinh niên Kỵ, ta duyên mỏng với người phối ngẫu, ta với người phối ngẫu nặng về trách nhiệm và nghĩa vụ hơn là yêu thương, người phối ngẫu thường giữ tâm sự riêng và ít khi chia sẻ tâm tư tình cảm với ta. Ta đối với người khác phải nói chung cũng vô duyên. Ta dễ vì tình cảm mà ảnh hưởng sự nghiệp (Hóa Kỵ tọa phu thê xung cung Sự nghiệp).

Gia vận của ta cũng dễ suy kém khó khăn.

4. Tử nữ cung tọa sinh niên Kỵ:

Tử nữ cung tọa sinh niên Kỵ, ta cùng với con cái duyên mỏng tình sơ, con cái là nợ của ta, con cái tuy không thân với ta tuy không thông cảm với ta nhưng ta lại có trách nhiệm phải chăm lo cho chúng. Phẩm chất và thành tựu của con cái cũng không cao. Xét về đào hoa và gia đạo, Hóa Kỵ tọa Tử nữ có thể xung phá điền trạch làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới gia đạo. Sinh hoạt và không khí gia đình cũng không được tốt. Đời sống gia đình dễ gò bó, cần kiệm, bản thân cũng không có dư dả vốn liếng.

5. Tài Bạch cung tọa sinh niên Kỵ:

Tài Bạch tọa sinh niên Kỵ, vô duyên với tiền mặt, kiếm tiền khổ cực ảnh hưởng tới tinh thần (xung Phúc đức). Hay phải mắc nợ, đầu tư sử dụng đồng tiền thường mắc sai lầm. Chuyện kiếm tiền và giàu nghèo cần xem thêm các thông tin khác trên lá số, nhưng cơ bản là người này gian nan chuyện kiếm tiền và dùng tiền. Nếu xuyên liên hợp trình nhiều Lộc Quyền thì cũng có thể giàu có. Hóa Kỵ tọa Tài bạch còn có hàm ý tín dụng đen.

6. Tật ách cung tọa sinh niên Kỵ:

Tật ách tọa sinh niên Kỵ, là cơ thể dễ có khuyết tật, sẽ phải lao lực, không được rảnh rỗi nhàn hạ.

Nên an phận gìn giữ cái đã có. Ưa nội liễm.

Nếu có thêm Hóa Quyền thì tham công tiếc việc

Kiểm thêm chức vụ, làm tăng ca. Nữ mệnh cũng là người thích hoạt động và công tác.

Không dễ béo phì, nếu béo là phải đề phòng có bệnh.

Mệnh cách xấu thì phải đề phòng bệnh mạn tính, nên duy trì vận động thân thể.

Có tính lui mà không nghỉ, rảnh rồi dễ sinh bệnh.

Có xu hướng ích kỷ, không thích hợp ở chung với người khác (như sinh viên ở trọ), ít quan tâm tới cảm xúc của người khác (Tật ách là cung giao hữu của phúc đức). Điền trạch tam phương đa tọa Kỵ xung giao hữu tam phương, về cá tính thì người đó có xu hướng khép mình ích kỷ, không muốn giao lưu chia sẻ tình cảm tâm tư với người khác.

Phù hợp với người tu hành. Nhất là khi Mệnh Tật Phúc xuyên liên hợp trình nhiều Lộc tụ cung Tật ách (lá số Dalai Lama)

7. Thiên di tọa sinh niên Kỵ:

Thiên di cung tọa sinh niên Kỵ, giao tiếp xã hội thường gặp hiểu lầm, xuất ngoại hay trở ngại, khó gặp được quý nhân, trời không chiều ý người. Năng lực xử thế kém, ngay thẳng bộc trực nhưng dễ làm mất lòng người khác. Dịch mã động nhưng là bồn ba lao碌. Nếu xuyên liên với Tật Điền thì đi xa và đi lâu. Nếu xuyên liên với tử phụ thì đi ngắn và đi nhanh.

8. Giao hữu tọa sinh niên Kỵ:

Giao hữu tọa sinh niên Kỵ, mắc nợ ân tình cũng như tài vật với bạn bè, thường vì bạn bè mà bị liên lụy. Năng lực cạnh tranh kém. Xét về tích đức hành thiện thì người đó sẽ phải ra sức hành thiện tích đức mới có thể trả bớt món nợ duyên nghiệp này.

9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên Kỵ:

Sự nghiệp tọa sinh niên Kỵ, thái độ quan điểm cho rằng công tác là trách nhiệm của ta, cho nên ta thường thường việc phải tự làm. Thường thời gian làm việc dài, áp lực công việc lớn, hoặc công việc cần tỉ mỉ chi tiết, có độ khó cao. Tuy nhiên Kỵ còn là kỳ lạ, cho nên nếu cung Sự nghiệp tốt, người đó có thể là người có tài hoa đặc biệt.

10. Điền trạch cung tọa sinh niên Kỵ:

Điền trạch tọa sinh niên Kỵ, gia đình là trách nhiệm của ta, ta dễ là con trưởng, ta phải vì gia đình mà nỗ lực. Duyên với gia đình không tốt. Kinh tế gia đình không dư dả. Hoàn cảnh sinh hoạt không tốt. Phòng ở tối và ẩm thấp, bế khí.

11. Phúc đức cung tọa sinh niên Kỵ:

Phúc đức tọa sinh niên Kỵ, dễ khởi tâm phiền não, thường nghi ngờ, hay xoi mói tọc mạch, rất khó tùy duyên tự tại. Tinh thần dễ buồn bực không vui. Nếu cách cục xấu dễ bị trầm cảm. Tính cách khá cực đoan nhưng quyết liệt. Thường vì cố chấp theo cảm xúc mà ảnh hưởng chuyện kinh tế tiền bạc. Ví dụ không hợp tác vì không thích. Hay như cố tình đầu tư vì thích. Cảm giác của bản thân luôn là trời không chiều lòng người.

12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên Kỵ:

Phụ mẫu tọa sinh niên Kỵ, mang nợ với phụ mẫu, vì phụ mẫu ra sức nỗ lực. Vô duyên với cấp trên và trưởng bối. Có thể có hiếu với cha mẹ nhưng lại không giỏi thể hiện. Phải cẩn thận trong công văn giấy tờ kế ước. Không thích hợp giao dịch tiền tài cùng người khác, không phù hợp với nghề tín dụng. Vẻ bề ngoài dễ nghiêm túc. Phụ mẫu là thiên di của tật ách (thể hiện sắc mặt).

E. Mệnh phi Lộc (mệnh Lộc)

1. Mệnh cung hóa Lộc nhập huynh đệ cung:

Ta cùng với huynh đệ hoặc cùng mẹ ta có duyên tốt đẹp. Ta thông qua học tập và nỗ lực mà sự nghiệp dễ dàng thành công, kinh tế linh hoạt. Ta thông qua rèn luyện làm cho thể chất của ta khỏe mạnh (nếu là Tham Lang hoặc Liêm Trinh đào hoa tinh hóa Lộc, tất nhiên công năng của thân rất tốt, và ta cũng có tín hiệu đa tình).

2. Mệnh cung hóa Lộc nhập phu thê cung:

Ta cùng với phối ngẫu có duyên lành. Ta đối với người khác phái là đa tình. Nếu là xuyên liên đi qua Liêm Trinh, Tham Lang nhiều Lộc, thì dễ lãng mạn đa tình. Phu thê là cung phúc của tài bạch nên ta có phúc tài hỗ trợ sự nghiệp thuận lợi, sau khi kết hôn sự nghiệp thuận lợi. Nếu xuyên liên với cung tài có nhiều Lộc Quyền, lại có thiên tài tinh (Phá Quân, Tham Lang, Liêm Trinh) giao hội, dễ được người khác phái trợ giúp mà phát tài.

Xuyên liên với Điền Trạch nhiều Lộc Kỵ, dễ hưng gia vận.

3. Mệnh cung hóa Lộc nhập tử nữ cung:

Lòng, tinh thần, suy nghĩ tìm niềm vui ở tử nữ, mà ta cũng thu được hạnh phúc từ tử nữ. Ta cùng với tử nữ duyên hậu, đối với con cái giáo dục khoan dung, dễ cưng chiều con cái. Ta có duyên giao tiếp, giao dịch dễ thành công. Ta khỏe mạnh (nếu đắc hoa đào tinh tọa Lộc, thì công năng thân mạnh, đề phòng phóng dục quá độ).

4. Mệnh cung hóa Lộc nhập Tài Bạch cung:

Tài Bạch cung chủ tiền mặt (tiền mặt có trong tay), nghề mang lại tiền mặt (mệnh tam phương là cấp quản tam phương), kiếm tiền trạng thái (khổ cực hoặc dễ dàng). Ta có duyên với tiền mặt, kiếm tiền dễ dàng, có thu nhập tốt, thích hợp làm việc với tiền mặt hoặc thu nhập từ kiếm lãi hoa hồng. Xem kiếm tiền cần chú ý đến cả tình

diệu, phối hợp và phân tích với các cung vị liên quan chuyện tiền bạc, không thể chỉ từ một phi hóa mà trực tiếp kết luận. Mệnh cung hóa Lộc tất nhiên có duyên, và thuận lợi, nhưng để xem kết quả là có giàu hay không thì cần phải luận xuyên liên cách cục liên quan.

5. Mệnh cung hóa Lộc nhập Tật ách cung:

Tật ách cung chủ thân thể (hình thể, khỏe mạnh, tật bệnh), nơi công tác (sự nghiệp điền trạch), ở chung (tiếp xúc trên thân thể). Ta làm cho cơ thể của ta khỏe mạnh, ít bệnh tật, có bệnh sẽ may mắn gặp thầy gặp thuốc mà qua khỏi, thân thể có da có thịt chứ không gầy gò, nhưng không thích bị vất vả nặng nhọc, cho nên tương đối lười, không thường vận động. Ta thích nơi công tác rộng rãi thoáng mát (cung vị điền trạch của Sự nghiệp). Ta làm cho cảm xúc của ta thường tốt, bạn bè ở chung với ta cảm thấy dễ chịu thoải mái (Tật ách là giao hữu phúc đức).

6. Mệnh cung hóa Lộc nhập thiên di cung: (Lộc xuất)

Thiên di cung chủ xã hội gặp gỡ, xử thế ứng đối năng lực, dịch mã duyên. Lòng, tinh thần, suy nghĩ hiện ra ở ngoài, cho nên ta có vẻ ngoài giao tiếp thân thiện, tính cách lạc quan tươi sáng, cho nên khả năng giao tiếp xã hội của ta rất tốt, ra ngoài hay gặp quý nhân. Xử thế ứng đối năng lực không câu nệ, thích hợp những nghề nghiệp quan hệ xã hội. Thái độ làm người thân thiện không câu nệ. Dịch mã duyên động cùng với điền trạch, tật ách xuyên liên nhiều Lộc Quyền thì hay có duyên phải đi xa và đi xa lâu. Cùng với tử nữ, phụ mẫu xuyên liên nhiều Lộc Quyền, là đi lại trong khoảng cách gần hoặc đi trong thời gian ngắn là về.

7. Mệnh cung hóa Lộc nhập giao hữu cung:

Giao hữu cung chủ gặp gỡ duyên phận, chủ cạnh tranh thi cử, làm việc thiện tích đức (phúc đức điền trạch). Ta giao tế đậm tình người, bởi vậy nhân duyên tốt, thường có nhiều bạn tốt. Dễ cạnh tranh đắc lực. Làm việc công đức dễ thành công.

8. Mệnh cung hóa Lộc nhập sự nghiệp cung:

Sự nghiệp cung chủ trạng thái làm việc, nghề kiếm tiền, và vận khí. Ta có cách xử lý công việc rất linh hoạt cho nên công việc dễ trôi chảy như ý. Lộc là khoan dung, cho nên ta không phải là người xét nét cầu kỳ kỹ lưỡng trong công việc, cho nên ta thường không phải là chuyên gia cũng như các nghệ nhân chuyên sâu. Cung sự nghiệp là khí số vị cho nên vận khí của ta thường tốt. Xem các công việc kiếm tiền cần phải phối hợp với các tinh diệu và cung vị liên quan chứ không thể từ một phi hóa đơn giản đã kết luận. Mệnh cung hóa Lộc nhập sự nghiệp cung đương nhiên là công việc có tượng ý trôi chảy thuận lợi, nhưng kết quả thành công cao thấp nhiều ít ra sao thì cần luận cách cục xuyên liên với các cung vị khác.

9. Mệnh cung hóa Lộc nhập điền trạch cung:

Điền trạch cung chủ gia đình, tài sản, hoàn cảnh sinh hoạt. Ta cùng với người nhà tình duyên nồng hậu. Gia đình duyên tốt, gia đình hoà thuận vui vẻ. Ta làm cho gia đình của ta dần dần thịnh vượng, kinh tế gia đình phát triển, hoàn cảnh sinh hoạt đầy đủ.

10. Mệnh cung hóa Lộc nhập phúc đức cung:

Phúc đức cung chủ tinh thần linh tính tư duy, hứng thú ham mê hưởng thụ, Tiên Thiên chi có phúc và Hậu Thiên chi đức. Ta có tư tưởng khoan dung lạc quan cho nên có chủ ý là tùy duyên tự tại, coi mọi sự nhẹ nhàng, rất dễ mãn nguyện. Tinh thần của ta thường tốt. Ta là người phúc hậu, thường tâm tưởng sự thành, mọi sự thường được như ý nguyện, trời cũng chiều người.

11. Mệnh cung hóa Lộc nhập phụ mẫu cung:

Phụ mẫu cung chủ phụ mẫu tình duyên (trưởng bối, thủ trưởng, người già), chuyện đọc sách bằng cấp học tập (IQ, tri thức), mối quan hệ tiền bạc với người khác (giao hữu Tài Bạch). Ta cùng với trưởng bối có duyên, dễ trò chuyện với nhau. Ta có trí thông minh, lại ham đọc sách nhiều chủng loại nhiều lĩnh vực, chứ không thích chuyên nhất một lĩnh vực. Dễ tham gia vay mượn tiền bạc, cho nên có thể làm nghề cho vay tiền, làm nghề liên quan đến cho vay tín dụng, bốc bát họ.

F. Mệnh phi Kỵ (mệnh Kỵ)

1. Cung Mệnh phi hóa Kỵ:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập B cung, có thể dùng một câu giải thích như sau: ta để ý tới B cung (người, sự và vật), mà ta nguyện ý vì B cung nỗ lực. Mệnh cung là của ta tâm, tinh thần, suy nghĩ, hóa Kỵ biểu thị ta sẽ chuyên tâm chú trọng ở nơi nào. Sinh niên Kỵ là trách nhiệm và nghĩa vụ bẩm sinh của ta, còn mệnh cung hóa Kỵ là tư duy quan điểm chú trọng hậu thiên của ta đối với người và sự vật nào đó.

Nhất Kỵ là lao (vất vả, lao lực). Mỗi người trên đời này, hoặc nhiều hoặc ít đều phải nỗ lực.

Nhị Kỵ là bệnh, khi xuyên liên các cung liên quan hiện ra 2 Kỵ, biểu thị sự tình xấu đã phát triển đến mức báo động nhưng chưa đến mức ảnh hưởng tới thành bại. Nếu lấy chuyện ốm đau để ví von, khi này cơ thể đau nhức, khuôn mặt mệt mỏi vô thần, cần phải nghỉ ngơi hồi sức. Nếu lấy tiền tài để luận, đã bắt đầu phải giật gấu vá vai nhưng chưa đến nỗi đói rách, cần phải thắt lưng buộc bụng.

Tam Kỵ là phá, khi tương quan cung vị xuyên liên hiện ra 3 Kỵ, biểu thị sự tình xấu đã phát triển đến mức biểu lộ cái xấu hoặc đã có hiện tượng thất bại. Như người bệnh đã cần phải trị liệu, còn tiền tài đã xuất hiện tượng trống rỗng.

Tứ Kỵ là bại. Khi tương quan cung vị xuyên liên hiện ra 4 Kỵ, biểu thị sự tình xấu đã phát triển tới mức vô cùng nghiêm trọng. Như người bệnh đã nguy kịch tới mức tính mạng ngàn cân treo sợi tóc. Về tiền bạc như người phá sản đã phải chạy trốn tránh bị siết nợ.

2. Mệnh cung hóa Kỵ huỳnh đệ cung:

Mệnh cung chủ suy nghĩ, tinh thần, tâm tình phản ứng, cũng là giao hữu Tật ách. Lòng, tinh thần, suy nghĩ chuyên chú ở huỳnh đệ,

ngã nguyên ý vì huynh đệ (còn có nghĩa là chi tiêu của gia đình) nỗ lực. Kỵ suy lý Tượng nghĩa: Liễm tàng, chấp nhất, nỗ lực. Kỵ thái độ là chuyên chú, dễ dẫn phát (Tham, sân, si, nghi, mạn) ngũ độc. Luận huynh đệ quan hệ, ta dễ là con trưởng, ta sẽ chủ động chiêu cố các huynh đệ. Duyên phận có dày hay không cần xem xuyên liên Lộc và xuyên liên Kỵ để đoán định. Đơn Kỵ mà nói là một loại chấp nhất, từ phía huynh đệ mà nói là bị chiêu cố. Ta dễ tâm vào thành tựu sự nghiệp của ta, ta nguyện vì thành tựu sự nghiệp mà nỗ lực, ta chính là một mẫu chuyên gia, công việc ta làm thường ta phải tự giải quyết lấy. Ta sẵn sàng làm thêm giờ, làm thêm chức vụ để gây dựng sự nghiệp. Kỵ nhập Điền Tật Bào tức thu tàng tam phương, có thể nói là người ưa an tĩnh thủ thường, ít ham thích hoạt động xã giao. Ta dễ ý tới sức khỏe mạnh yếu. Tuy nhiên khác với trường hợp hóa Khoa thường xuyên giữ được cân bằng, dưới quan điểm Hóa Kỵ mà nói có bệnh mới cuống cuống chạy chữa và điều chỉnh.

3. Mệnh cung hóa Kỵ nhập phu thê cung:

Phu thê cung chủ phối ngẫu đích tình duyên, tình duyên cả đời với người khác phái, là cung phúc đức của tài bạch, gia vận (điền trạch Tật ách). Mệnh cung hóa Kỵ nhập phu thê, ta dễ ý phu thê, ta nguyện vì phu thê nỗ lực. Ta hơi cố chấp tình cảm với người phối ngẫu, có phối ngẫu sẽ rất yêu phối ngẫu, chiêu cố phối ngẫu, cứng chiều phối ngẫu, không có phối ngẫu thì rất muốn có, cho nên dễ kết hôn trước mà lập nghiệp sau. Dễ để chuyện tình cảm ảnh hưởng đến công việc. Dễ có gia vận bất hưng khi xuyên liên 3 Kỵ trở lên.

4. Mệnh cung hóa Kỵ nhập tử nữ cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập tử nữ cung, ta dễ ý tử nữ ta nguyện ý vì tử nữ mà nỗ lực. Ta cứng chiều con cái, ta dụng tâm giáo dục con cái. Ta có dễ ý dụng tâm giao tiếp, nhưng giao tiếp cũng thành công. Không điều độ sức khỏe, sinh hoạt thiếu điều độ. Nếu là Liêm Trinh, Tham Lang xuyên liên nhiều Kỵ, dễ lụy vào tình dục.

5. Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tài Bạch cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tài Bạch, ta để ý Tài Bạch, ta vì kiếm tiền mà nỗ lực ra sức. Ta yêu tiền, ta sẽ cố gắng kiếm tiền, hoặc khổ cực kiếm tiền, ta hay so đo tính toán.

6. Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tật ách cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tật ách, ta để ý chăm sóc cơ thể ta. Ta nguyện ra sức làm việc, ta chủ động tìm việc làm. Sinh niên Hóa Kỵ là nợ, cho nên công việc tự tìm tới ta làm ta lao lực bận rộn. Nơi công tác tương đối nhỏ hẹp.

7. Mệnh cung hóa Kỵ nhập thiên di cung: (Kỵ xuất)

Thiên di cung chủ xã hội gặp gỡ, năng lực xử thế ứng đối, dịch mã. Mệnh cung hóa Kỵ nhập thiên di là Kỵ xuất. Vốn mệnh cung hóa Kỵ nhập cung nào đó thì ta có quan điểm cố chấp ở cung đó, Kỵ xuất trái lại không chủ chấp nhất, mà ngược lại là bừa bãi. Cho nên ra ngoài không giỏi lấy lòng, xử thế với cá tính ngay thẳng, cũng không chịu chầu chuốt ăn mặc bề ngoài. Thiên di là xã hội, hóa Kỵ chủ thu liễm, bởi vậy giao tiếp xã hội rất kém, ra ngoài không gặp quý nhân, xuất ngoại thường có trở ngại, trời không chiều lòng người. Xử thế ứng đối ngay thẳng bộc trực, dễ làm mất lòng người khác.

8. Mệnh cung hóa Kỵ nhập giao hữu cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập giao hữu, làm ta quan tâm để ý bạn bè, ta là người trọng nghĩa khí, sẵn sàng vì bạn bè mà nỗ lực. Ta là người sẵn sàng vung tiền cho bằng hữu (xung huynh đệ khố vị). Giao hữu tọa sinh niên Kỵ, ta mắc nợ giao hữu, thường bị liên lụy vì bằng hữu. Năng lực cạnh tranh của ta kém. Phải phó thác phụ thuộc vào người ngoài.

9. Mệnh cung hóa Kỵ nhập sự nghiệp cung:

Sự nghiệp cung chủ trạng thái làm việc, kiếm tiền hành nghiệp, vận khí vị. Mệnh cung hóa Kỵ nhập sự nghiệp, ta để ý sự nghiệp, nguyện vì sự nghiệp và nỗ lực. Cho nên ta thường là chuyên gia

chuyên chú sự nghiệp mà làm ảnh hưởng tình cảm vợ chồng. (xung phu thê)

10. Mệnh cung hóa Kỵ nhập điền trạch cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập điền trạch, làm ta để ý điền trạch và ta nguyện vì điền trạch mà nỗ lực. Biểu thị ta là mẫu người của gia đình lấy gia đình làm trọng. Ta dễ là con trưởng. Điền trạch tọa sinh niên Kỵ, gia đình là trách nhiệm của ta, ta dễ là con trưởng, ta phải nỗ lực vì gia đình.

Gia đình tình cảm bất bình. Gia đình kinh tế không dư dả. Hoàn cảnh sinh hoạt không tốt, cần cải thiện ánh sáng và thông gió cho ngôi nhà (Hóa Kỵ tượng là bế khí và tối).

11. Mệnh cung hóa Kỵ nhập phúc đức cung:

Mệnh cung hóa Kỵ nhập phúc đức, làm ta để ý phúc đức, ta nguyện vì phúc đức mà nỗ lực. Cho nên ta ham hưởng thụ tinh thần mà cam lòng tiêu phí tiền bạc. Phúc đức tọa Kỵ thường lo phiền. Ta hay nghi ngờ xoi mói, cho nên không thể thoải mái tinh thần tùy duyên tự tại.

12. Mệnh cung hóa Kỵ nhập phụ mẫu cung: (Kỵ xuất)

Mệnh cung hóa Kỵ nhập phụ mẫu, cho ta để ý phụ mẫu, ta nguyện vì phụ mẫu mà nỗ lực. Ta là người con hiếu thuận. Ta thích đọc sách nhưng là sách chuyên ngành hẹp hoặc sách chuyên sâu vào một vài lĩnh vực hẹp mà ta quan tâm. Nếu như là giao dịch tài chính cùng người khác thì dễ bị thiệt thòi. Ngã cung Kỵ nhập tha cung tất nhiên là mất. Phải cẩn thận xử lý công văn khế ước (phụ mẫu chủ công văn). Tham gia tín dụng dễ bị bế hui, bốc bát họ bị bế hui. Dễ nghiêm túc thái quá, mặt không có biểu cảm (phụ mẫu là sắc mặt, Tật ách thiên di).

Phạm bất luận cung nào hóa Kỵ nhập mệnh cung, Tật ách, phúc đức đều là tìm đến ta đòi nợ. Cung nào đó hóa Kỵ nhập Tật ách: Cung đó làm cho ta phải bận rộn, sự việc tới bắt ta phải giải quyết, ta phải làm, bởi vì đó chính là một phần trách nhiệm, nghĩa vụ, ta

bất kể như thế nào cũng không thể thoái thác, Kỵ nhập tật thuộc về lao lực. Cung nào đó hóa Kỵ nhập mệnh cung: Cung đó làm cho ta phải quan tâm hay bận tâm, cho dù ta không thèm nghĩ tới nó nữa, nó cũng sẽ chủ động xuất hiện trong lòng ta hoặc trong đầu ta, làm cho ta thủy chung ghi nhớ không nguôi, ta phải nghĩ biện pháp giải quyết nó, bởi vì nó là trách nhiệm của ta, cũng là nghĩa vụ của ta. Kỵ nhập mệnh thuộc về lao tâm.

Cung nào đó hóa Kỵ nhập phúc đức: Cung đó làm cho ta phải than phiền, Tật ách là thân, mệnh cung là tâm, phúc đức linh. Linh là một loại bản tính, còn gọi là Tiên Thiên chi phúc cùng Hậu Thiên chi đức. Thân, tâm, linh sự không tách rời, đều là phản ứng tâm tình. Mà linh cùng tâm phản ứng rất khó nhận, thầy Trương Thế Hiền hay dùng một chữ để hình dung, đó là chữ phiền, phúc đức thuộc về cấp độ tâm linh, có thể nói là giống tâm, nhưng ở mức độ cao hơn. Cho nên dù ta không muốn nghĩ tới nó nữa, nó cũng sẽ chủ động xuất hiện ở trước mắt ta hoặc trong đầu ta, làm cho ta có nhiều phiền não, ta phải nghĩ biện pháp giải quyết nó, bởi vì nó là trách nhiệm của ta, cũng là nghĩa vụ của ta. Thuộc về làm phiền.

—ooOoo—

Chương 22. Tự Hóa

Khái quát về tự hoá: Tự hoá có tính phản ứng, tức thời và thường không ổn định. Khi có tự hoá trong tam hợp mệnh tài quan, người đó thường trải nghiệm nhiều biến động. Vì vậy mệnh cách này thường không hợp kinh thương. Nếu tam hợp điền tật bào có tự hoá, người đó với gia đình duyên phận không tốt, không có hỗ trợ từ gia đình. Thu nhập không ổn định. Tự hoá nói chung không nên xuất hiện ở các cung lục thân, đặc biệt ở cung Phu thê trong đa số trường hợp.

Tự hóa có hai loại là tự hóa hướng tâm và tự hóa li tâm. Cung tý lưu xuất Kỵ sang cung ngọ, đó là Tự hóa Kỵ hướng tâm. Cung tý tự hóa Kỵ tại tý, đó là tự hóa Kỵ li tâm. Tự hóa hướng tâm hàm ý năng lượng đó được sử dụng có ích cho lá số. Tự hóa li tâm có hàm ý năng lượng đó bị phung phí ra ngoài lá số. Cung có tự hóa li tâm, nhất là Tự hóa Kỵ có xu hướng tự tách mình ra khỏi lá số. Một cung có niên Lộc lại tự hóa Lộc hướng tâm là cung đó sử dụng hiệu quả nguồn Lộc đó cho lá số. Một cung có niên Lộc lại tự hóa Lộc li tâm là cung đó tiêu phung phí nguồn Lộc, nguồn Lộc bị tiêu hao nghiêm trọng. Tương tự như vậy, tự hóa Khoa hướng tâm là người ham đọc sách ham học và hấp thụ được kiến thức từ kinh điển từ thầy dạy.

Tự hóa Khoa li tâm là người đó có khả năng tự sáng tác. Lá số có nhiều Tự hóa Khoa li tâm mà không có Tự hóa Khoa hướng tâm là người viết và nói tùy thích theo ý mình, có xu hướng lan man bừa bãi không có bài bản. Lá số có nhiều Tự hóa Khoa hướng tâm mà không có Tự hóa li tâm là người học vẹt, máy móc vào câu chữ kinh

điển mà không có khả năng tự sáng tác. Tự hóa hướng tâm và tự hóa li tâm cần phối hợp hài hòa.

1. Tự Hóa Lộc

Mệnh cung tự hoá Lộc: người đó lạc quan, nhưng thường quá mức tự mãn và không có nguyên tắc. Mệnh cách kiểu này thường thiếu kiên trì và thiếu cam kết. Trong trường hợp Niên Lộc đồng cung, người đó có thể trở thành cực kì ích kỷ. Tổ hợp này cũng dễ chịu ảnh hưởng của phi Kỵ từ tha cung nhập vào, tạo thành song Kỵ, biểu hiện bất lợi do yếu tố bên ngoài.

Huynh đệ cung tự hoá Lộc: về phương diện tài chính, người đó tự lực tự cường, tuy nhiên thường thiếu chiến lược, kế hoạch. Quan hệ với anh chị em (hoặc mẹ) thường xã giao tốt đẹp, không thật sự có được sự hỗ trợ.

Phu thê cung tự hoá Lộc: biểu hiện bề ngoài duyên phận may mắn, tốt đẹp. Tuy nhiên nó chỉ cho thấy dấu hiệu cứng chiều quá mức, thường dẫn tới lối sống vô nguyên tắc, xu hướng ngoại tình và đào hoa (tự hoá Lộc biểu thị người phụ ngẫu biết cách tự làm mình vui vị kỷ). Nếu Tha cung phi Kỵ nhập cung là tượng Đánh cắp tình yêu.

Tử tức cung tự hoá Lộc: nếu là tổ hợp mạnh, con cái tự lập. Tuy nhiên con cái có thể vô trách nhiệm và thiếu kiên nhẫn. Nếu có các sao đào hoa, có thể thường xuyên có quan hệ ngoài luồng.

Tài bạch cung tự hoá Lộc: kiếm tiền dễ dàng, cũng dễ tiêu xài nhiều. Người đó thường có nhiều nguồn thu nhập, nhưng nếu Tha cung phi Kỵ nhập cung thì biểu hiện mất tiền (hai Hóa Kỵ, viết tắt là 2D).

Tật ách cung tự hoá Lộc: người đó thường thờ ơ và béo, trong khi bê tha (đam mê lạc thú) và lười biếng. Người đó thường dễ bị ảnh hưởng và xúi dục bởi bạn bè.

Thiên Di cung tự hoá Lộc: thường chủ quan trong hoạt động, giao dịch, không cẩn thận. Nếu hoá Kỵ phi nhập từ tha cung, người đó thường bị người khác lợi dụng hoặc thao túng.

Giao hữu cung tự hoá Lộc: bạn bè hưởng ngoại, vui vẻ, nhiều hoạt động tuy không mang lại lợi ích gì cho người đó.

Sự nghiệp cung tự hoá Lộc: do tự hoá có tính biến động, khi người đó có cách cục này, nên tránh đầu tư dài hạn, vốn lớn. Nên tham gia các ngành nghề như buôn bán, marketing.

Điền trạch cung tự hoá Lộc: người đó thường thiếu trách nhiệm và ít quan tâm gia đình, nhưng bề ngoài lại tỏ rất tốt (ngược lại). Hoá Kỵ nhập biểu thị hao tán (2D).

Phúc đức cung tự hoá Lộc: người đó mơ mộng ảo tưởng, thiếu thực tế.

Phụ mẫu cung tự hoá Lộc: song thân tự lực tự cường, không hy vọng vào người đó. Người đó có tài năng, trí tuệ để học tập nhưng thường không chuyên cần.

2. Tự Hóa Quyền

Mệnh cung tự hoá Quyền: người đó thường khoe khoang và tự tin quá mức. Thường trở thành tự phụ, tự mãn nhưng lại thiếu năng lực thực sự, do tự hoá chỉ là cơ chế tự phản ứng, thiếu khả năng thật sự.

Huỳnh đệ cung tự hoá Quyền: anh em thường là người kiêu căng, không gắn kết và định kiến. Người đó thường có được sự hỗ trợ lớn về tài chính, nhưng thiếu khả năng quản lý dẫn đến tiêu xài hoang phí.

Phu thê cung tự hoá Quyền: người phối ngẫu có thể ý chí mạnh mẽ, bướng bỉnh và định kiến. Cuộc sống hôn nhân thường có tranh chấp, cãi vã.

Tử tức cung tự hoá Quyền: con cái khó dạy bảo. Trong quan hệ làm ăn, chỉ nên quan hệ ngắn hạn.

Tài bạch cung tự hoá Quyền: dòng tiền biến động mạnh. Kết cấu này thích hợp đầu cơ, sử dụng chiến lược có tính tạm thời, linh hoạt. Thường không có chiến lược dài hạn.

Tật ách cung tự hoá Quyền: biểu hiện người đó có lối sống năng động, ưa thích các hoạt động thể thao. Tuy nhiên, người đó thường bốc đồng, dễ bị chấn thương, tai nạn.

Thiên di cung tự hoá Quyền: người đó khoe khoang thiếu thực chất.

Giao hữu cung tự hoá Quyền: kết cấu này khá tốt, bạn bè, đồng cấp thường hữu ích (trong thời gian ngắn). Giao hữu có thể khoe khoang và đòi hỏi.

Sự nghiệp cung tự hoá Quyền: Quyền lực không bền. Người đó thường nắm bắt xu hướng và tham gia các công việc có tính năng động.

Điền trạch cung tự hoá Quyền: gia đình bất hoà, hay tranh cãi.

Phúc cung tự hoá Quyền: người đó tự phụ nhưng thiếu tài năng thực sự.

Phụ mẫu cung tự hoá Quyền: đời sống tai tiếng, thị phi. Bố mẹ thường khoe khoang, đa hư thiếu thực. Người đó thường học rất nhanh nhưng thiếu khả năng nắm bắt chi tiết.

3. Tự Hóa Khoa

Mệnh cung tự hoá Khoa: người đó cả tin, dễ bị lợi dụng chi phối.

Huynh đệ cung tự hoá Khoa: anh em xử sự hoà nhã. Người đó có khả năng quản lý tài chính tốt.

Phu thê cung tự hoá Khoa: người phối ngẫu đa sầu đa cảm, xa cách người đó. Có xu hướng đào hoa.

Tử tức cung tự hoá Khoa: con cái dễ dạy bảo nhưng đa sầu.

Tài bạch cung tự hoá Khoa: thu nhập nhỏ, ổn định, đều đặn, mặc dù người đó có thể gặp trở ngại nhỏ.

Tật ách cung tự hoá Khoa: người đó tự ám thị về các vấn đề sức khoẻ và vệ sinh.

Thiên di cung tự hoá Khoa: người đó giao dịch, di chuyển cẩn trọng, thường quá quan tâm thể diện, mặt mũi.

Giao hữu cung tự hoá Khoa: quan hệ bạn bè đa phần xã giao, bề mặt, không có thâm giao, tuy thế cũng có lợi cho người đó.

Sự nghiệp cung tự hoá Khoa: thường làm công ăn lương, thường theo đuổi các công việc có thiên hướng văn chương nghệ thuật.

Điền trạch cung tự hoá Khoa: gia đình có danh tiếng tốt, quan tâm thể diện gia đình.

Phúc cung tự hoá Khoa: người đó đa sầu đa cảm, thiếu quyết đoán.

Phụ mẫu cung tự hoá Khoa: phụ mẫu là tướng mạo cung, người đó do đó có vẻ ngoài sang trọng đạo mạo. Người đó thường có quan hệ tốt với người già, cấp trên, chính quyền.

4. Tự Hoá Kỵ

Mệnh cung tự hoá Kỵ: ta là người dễ hoà đồng, hướng nội, biểu hiện bề ngoài rất giống người mệnh cung tự hoá Lộc, tuy vậy cũng rất dễ thiếu quan điểm, ý kiến, lý trí (chủ quan). Mệnh cung tự Kỵ nên rất dễ các cung khác phi Kỵ nhập mệnh (2D), biểu thị bất lợi.

Huynh đệ cung tự hoá Kỵ: người đó và anh chị em duyên mỏng, không nên hy vọng vào sự giúp đỡ, hỗ trợ từ anh chị em. Thường gặp rủi ro hao tán tiền bạc và thu nhập thất thường.

Phu thê cung tự hoá Kỵ: hàm ý người đó và phối ngẫu vô duyên, không đồng cảm và hôn nhân khó hoà thuận, dễ có đầu không có cuối. Đồng thời, người đó kết quả không tốt trong đầu tư, các trò may rủi, đánh bạc.

Tử tức cung tự hoá Kỵ: người đó và con cái duyên bạc. Kết hợp với đối tác trong làm ăn thường thất bại. Nếu có thêm các sao đào hoa, thường lãng nhãng.

Tài bạch cung tự hoá Kỵ: dòng tiền lưu chuyển khó khăn, kiếm tiền vất vả, nên tránh làm ăn kinh doanh.

Tật cung tự hoá Kỵ: Người đó không khoẻ mạnh, dễ ốm đau bệnh tật. Dễ có rối loạn, dị tật bẩm sinh, nếu cách cục không tốt -> khả năng tử vong cao. Người đó đồng thời là người u sầu, ủ rũ, thường tâm trạng, tâm tư. Tuy thế, người đó thường có sức kháng cự các bệnh truyền nhiễm.

Thiên di cung tự hoá Kỵ: xu hướng quan hệ với người khác, hoạt động không được thuận lợi, trôi chảy. Người đó biểu hiện không thân thiện, càng rõ nếu đi kèm lục sát, dễ biểu hiện anti-social. Đồng thời, giao dịch buôn bán bất lợi.

Giao hữu cung tự hoá Kỵ: người đó dễ cô độc, bạn bè đồng nghiệp phản trắc, không giúp đỡ. Thường thường vì gặp thất vọng mà có xu hướng ẩn dật, lánh đời.

Sự nghiệp cung tự hoá Ky: thích hợp làm công ăn lương. Nếu lựa chọn kinh doanh, nên theo đuổi các công việc, giao dịch có tính chất nhanh chóng (đại lý), nếu không, dễ tổn thất chóng vánh. Phi Lộc nhập cung biểu thị tranh chấp, bất đồng.

Điền Trạch cung tự hoá Ky: gia đạo bất hoà, đồng thời cũng là dấu hiệu di chuyển chỗ ở. Về phương diện tài chính là thất thoát, tiêu hao tài sản, mà lại thường là ngầm tiêu tán.

Phúc cung tự hoá Ky: người đó thường không may mắn, dễ có cảm giác hồi hộp, bất an, buồn rầu và trầm cảm. Thêm vào đó, người đó thiếu kiên nhẫn, thiếu chủ kiến. Không nên đánh bạc, đầu tư, đầu cơ...

Phụ mẫu cung tự hoá Ky: người đó thường không được lòng cha mẹ, cấp trên. Người đó không có hứng thú học tập (nếu cách cục xấu). Ngoại hình bình thường, ăn mặc xuề xòa, ko trau chuốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Chuyên luận tứ hóa-Lương Nhược Du.

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Thập nhị cung Lục thất nhị tượng-Lương Nhược Du.

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Đạo tàng phi bí-Lương Nhược Du.

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Chu sư Thủ pháp Sinh mệnh Giải mã-Lương Nhược Du.

Phi tinh Tử vi Đẩu số chi Thuyết mệnh-Lương Nhược Du.

Phi tinh Tử vi Đẩu số Độc môn Tâm pháp-Cơ sở La tập Tâm pháp-Trương Thế Hiền.

—ooOoo—

Chú thích

[←1]

Bất luận là tình diệu nào, chỉ cần là Kỵ nhập phúc đức tam phương, đều chủ không phát đạt lúc trẻ, nhất là khi Kỵ nhập thiên di.

—ooOoo—

Table of Contents

Lời nói đầu

Chương 1. Giới Thiệu Về Hệ Thống Phi Tinh Lương Phái Và Hai Đường Chuyển Kỵ

a. Lộc chuyển Kỵ:

b. Kỵ chuyển Kỵ:

Chương 2. Ba Trụ Cột Của Tứ Hóa Phi Tinh

Chương 3. Phương Viên Lộc Kỵ Toàn Đồ

Bảng thiên can tứ hóa

Chương 4. Kỵ Chuyển Kỵ

Chương 5. Lộc Chuyển Kỵ

Chương 6. Quyền Chuyển Kỵ Và Khoa Chuyển Kỵ

Chương 7. Xuyên Liên Thể Dụng

Đồng cung tương bách (bách trong từ bức bách nghĩa là chèn ép nhau).

Lưỡng đầu kiến Kỵ (hai cung xung nhau đều có Kỵ).

Kỵ xung phá Thể (Kỵ của cung dụng tới đối cung với cung Thể).

Ví dụ về đồng cung tương bách:

Ví dụ về lưỡng đầu kiến Kỵ:

Ví dụ về Kỵ xung phá Thể (Kỵ của cung dụng tới đối cung với cung Thể).

Chương 8. Luận Gia Đạo Hưng Suy

Ví dụ 1:

Ví dụ 2:

Ví dụ 3:

Chương 9. Yếu Lĩnh Luận Mệnh

Chương 10. Xem Hình Dáng Bề Ngoài

1. Luận cao:

2. Luận thấp:

3. Luận thân cao thấp:

4. Luận béo gầy:

Một là, tọa Lộc hoặc hóa Lộc:

Hai, tọa Quyền hoặc hóa Quyền:

Ba, Tật ách tọa Kỵ hoặc hóa Kỵ:

5. Hình dạng xấu đẹp:

Chương 11. Cung Tính Cách

a. Ví dụ lá số Dalai Lama

b. Ví dụ lá số MTĐ

CÁ TÍNH BỘC TRỰC

Chương 12. Cung Căn Khí

Chương 13. Tượng Kỵ Xuất

Chương 14. Xem Cách Cục Tình Cảm

KẾT CẤU MỆNH BÀN ĐÀO HOA

MỆNH CÁCH KHÓ YÊU

Chương 15. Xuyên Liên Thủ Pháp Luận Hôn Nhân

Luận xuyên liên Kỵ:

Cung vị bắc cầu như sau:

Chương 16. Lộc Kỵ Hợp Tham Đồng Tinh Diệu

Lộc Kỵ đồng tham có những trường hợp sau:

1. Mệnh phi Lộc nhập Điền, Bào phi Kỵ nhập Điền.

2. Ngã cung mệnh phi Lộc nhập ngã cung Điền, tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Điền (đương nhiên trên cùng tinh diệu):

3. Tha cung nô hóa Lộc nhập ngã cung Điền, ngã cung Mệnh hóa Kỵ nhập ngã cung Điền:

4. Tha cung Nô hóa Lộc nhập Ngã cung điền, Tha cung di hóa Kỵ nhập ngã cung Điền:

5. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập ngã cung Điền, ngã cung huỳnh đệ phi Lộc nhập ngã cung Điền:

6. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập tha cung nô, ngã cung tài phi Lộc nhập tha cung Nô:

7. Ngã cung mệnh phi Kỵ nhập tha cung nô, tha cung thê phi Lộc nhập tha cung nô:

8. Tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Điền, ngã cung mệnh phi Lộc nhập ngã cung điền:

9. Tha cung nô phi Kỵ nhập ngã cung Tài và tha cung Phụ phi Lộc nhập ngã cung Tài:

10. Tha cung nô phi Kỵ nhập tha cung Phụ và ngã
cung mệnh phi Lộc nhập tha cung Phụ:

Chương 17. Luận Lục Thân

Chương 18. Cách Xem Vận

a. Cung vận:

b. Tứ hóa tượng của các vận:

c. Luận cát hung của đại vận:

d. Tam bàn thiên địa nhân:

e. Kết nối tam bàn đoán sự kiện:

Chương 19. Phong Thủy Dương Trạch Từ Cái Nhìn Từ Lá Số Tử

Vi Tứ Hóa Phi Tinh

PHỤ LỤC TƯỢNG Ý

A. Tượng ý 12 cung chức:

1. Cung Mệnh

2. Cung Huynh Đệ

3. Cung Phu Thê

4. Cung Tử Tức

5. Cung Tài Bạch

6. Cung Tật Ách

7. Cung Thiên Di

8. Cung Giao Hữu (nô bộc)

9. Cung Quan Lộc

10. Cung Điền Trạch

11. Cung Phúc Đức

12. Cung Phụ Mẫu

B. Lộc quyền khoa Kỵ

C. 18 tinh diệu Sáu loại tinh diệu:

Chương 20. Tượng Ý 18 Tinh Diệu

A. Tử Vi

B. Thiên Cơ

C. Thái Dương

Luận tật bệnh:

D. Vũ Khúc

E. Thiên Đồng

F. Liêm Trinh

G. Thiên Phủ

H. Thái Âm
I. Tham Lang
J. Cự Môn
K. Thiên Tướng
L. Thiên Lương
 Chỉnh lý:
M. Thất Sát
N. Phá Quân
O. Tả Phụ
P. Hữu Bật
Q. Văn Xương
R. Văn Khúc

Chương 21. Vận Dụng Tứ Hóa

A. Hóa Lộc năm sinh (niên Lộc)

1. Mệnh cung tọa sinh niên Lộc:
2. Huynh đệ cung tọa sinh niên Lộc:
3. Phu thê cung tọa sinh niên Lộc:
4. Tử nữ cung tọa sinh niên Lộc:
5. Tài Bạch cung tọa sinh niên Lộc:
6. Tật ách cung tọa sinh niên Lộc:
7. Thiên di tọa sinh niên Lộc:
8. Giao hữu tọa sinh niên Lộc:
9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên Lộc:
10. Điền trạch cung tọa sinh niên Lộc:
11. Phúc đức cung tọa sinh niên Lộc:
12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên Lộc:

B. Hóa Quyền năm sinh (niên Quyền)

1. Mệnh cung tọa sinh niên quyền:
2. Huynh đệ cung tọa sinh niên quyền:
3. Phu thê cung tọa sinh niên quyền:
4. Tử nữ cung tọa sinh niên quyền:
5. Tài Bạch cung tọa sinh niên quyền:
6. Tật ách cung tọa sinh niên quyền:
7. Thiên di tọa sinh niên quyền:
8. Giao hữu tọa sinh niên quyền:
9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên quyền:

10. Điền trạch cung tọa sinh niên quyền:
11. Phúc đức cung tọa sinh niên quyền:
12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên quyền:

C. Hóa Khoa năm sinh (niên Khoa)

1. Mệnh cung tọa sinh niên khoa:
2. Huynh đệ cung tọa sinh niên khoa:
3. Phu thê cung tọa sinh niên khoa:
4. Tử nữ cung tọa sinh niên khoa:
5. Tài Bạch cung tọa sinh niên khoa:
6. Tật ách cung tọa sinh niên khoa:
7. Thiên di tọa sinh niên khoa:
8. Giao hữu tọa sinh niên khoa:
9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên khoa:
10. Điền trạch cung tọa sinh niên khoa:
11. Phúc đức cung tọa sinh niên khoa:
12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên khoa:

D. Hóa Kỵ năm sinh (niên Kỵ)

1. Mệnh cung tọa sinh niên Kỵ:
2. Huynh đệ cung tọa sinh niên Kỵ:
3. Phu thê cung tọa sinh niên Kỵ:
4. Tử nữ cung tọa sinh niên Kỵ:
5. Tài Bạch cung tọa sinh niên Kỵ:
6. Tật ách cung tọa sinh niên Kỵ:
7. Thiên di tọa sinh niên Kỵ:
8. Giao hữu tọa sinh niên Kỵ:
9. Sự nghiệp cung tọa sinh niên Kỵ:
10. Điền trạch cung tọa sinh niên Kỵ:
11. Phúc đức cung tọa sinh niên Kỵ:
12. Phụ mẫu cung tọa sinh niên Kỵ:

E. Mệnh phi Lộc (mệnh Lộc)

1. Mệnh cung hóa Lộc nhập huynh đệ cung:
2. Mệnh cung hóa Lộc nhập phu thê cung:
3. Mệnh cung hóa Lộc nhập tử nữ cung:
4. Mệnh cung hóa Lộc nhập Tài Bạch cung:
5. Mệnh cung hóa Lộc nhập Tật ách cung:
6. Mệnh cung hóa Lộc nhập thiên di cung: (Lộc xuất)

7. Mệnh cung hóa Lộc nhập giao hữu cung:
8. Mệnh cung hóa Lộc nhập sự nghiệp cung:
9. Mệnh cung hóa Lộc nhập điền trạch cung:
10. Mệnh cung hóa Lộc nhập phúc đức cung:
11. Mệnh cung hóa Lộc nhập phụ mẫu cung:

F. Mệnh phi Kỵ (mệnh Kỵ)

1. Cung Mệnh phi hóa Kỵ:
2. Mệnh cung hóa Kỵ huynh đệ cung:
3. Mệnh cung hóa Kỵ nhập phu thê cung:
4. Mệnh cung hóa Kỵ nhập tử nữ cung:
5. Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tài Bạch cung:
6. Mệnh cung hóa Kỵ nhập Tật ách cung:
7. Mệnh cung hóa Kỵ nhập thiên di cung: (Kỵ xuất)
8. Mệnh cung hóa Kỵ nhập giao hữu cung:
9. Mệnh cung hóa Kỵ nhập sự nghiệp cung:
10. Mệnh cung hóa Kỵ nhập điền trạch cung:
11. Mệnh cung hóa Kỵ nhập phúc đức cung:
12. Mệnh cung hóa Kỵ nhập phụ mẫu cung: (Kỵ xuất)

Chương 22. Tự Hóa

1. Tự Hóa Lộc
 2. Tự Hóa Quyền
 3. Tự Hóa Khoa
 4. Tự Hoá Kỵ
- TÀI LIỆU THAM KHẢO